

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**LÊ KIM LIÊN**

**YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN  
NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**Thái Nguyên – 2016**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

**LÊ KIM LIÊN**

**YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN  
NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60 22 01 21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
TS. TRẦN THỊ LỆ THANH**

**Thái Nguyên - 2016**

## LỜI CẢM ƠN

*Để hoàn thành được luận văn này, tôi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của nhiều cá nhân và tập thể.*

*Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới **TS. Trần Thị Lệ Thanh**, người đã tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu trường Đại học Khoa học, đại học Thái Nguyên, Ban Chủ nhiệm khoa Văn Xã hội, Tổ bộ môn Văn học Việt Nam hiện đại, đã nhiệt tình giảng dạy, giúp đỡ, động viên chúng tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu.*

*Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người đã luôn bên tôi, động viên và khuyến khích tôi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.*

*Thái Nguyên, tháng 05 năm 2016*

**Tác giả luận văn**

**Lê Kim Liên**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi trên cơ sở của giáo viên hướng dẫn, có tham khảo thành quả nghiên cứu của những người đi trước. Tôi cũng xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Học viên

**Lê Kim Liên**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời cảm ơn.....	i
<b>Lời cam đoan</b> .....	ii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	2
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.....	8
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu .....	9
5. Phạm vi nghiên cứu.....	9
6. Đóng góp của luận văn .....	9
7. Cấu trúc của luận văn .....	10
<b>NỘI DUNG</b> .....	11
<b>Chương 1: NHẬN DIỆN YẾU TỐ TÂM LINH TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM</b> .....	11
<b>1.1. Về khái niệm “tâm linh” và “văn hóa tâm linh”</b> .....	11
<i>1.1.1. Khái niệm “tâm linh”</i> .....	11
<i>1.1.2. Khái niệm “văn hóa tâm linh”</i> .....	14
<i>1.1.3. Quan niệm về “yếu tố tâm linh” trong văn học</i> .....	16
<b>1.2. “Tâm linh” trong đời sống xã hội Việt Nam</b> .....	17
<i>1.2.1. Tâm linh trong tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam</i> .....	17
<i>1.2.2. Những biểu hiện khác của “yếu tố tâm linh” trong đời sống xã hội</i> ....	24
<b>1.3. Yếu tố tâm linh trong văn học Việt Nam</b> .....	25
<i>1.3.1. Yếu tố tâm linh trong văn học dân gian Việt Nam</i> .....	25
<i>1.3.2. Yếu tố tâm linh trong văn học trung đại</i> .....	27
<i>1.3.3. Yếu tố tâm linh trong văn học hiện đại</i> .....	30
<b>1.4. Nhà văn Nguyễn Minh Châu và truyện ngắn của ông sau 1975</b> .....	32
<i>1.4.1. Đôi nét về nhà văn Nguyễn Minh Châu</i> .....	32
<i>1.4.2. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975</i> .....	35

<b>Chương 2: SỰ HIỆN DIỆN VÀ GIÁ TRỊ CỦA YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975.....</b>	<b>41</b>
<b>2.1. Biểu hiện của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 .....</b>	<b>41</b>
2.1.1. <i>Yếu tố tâm linh xuất hiện như một niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng .....</i>	<i>41</i>
2.1.2. <i>Yếu tố tâm linh gắn với sự khám phá thế giới nội tâm .....</i>	<i>58</i>
<b>2.2. Giá trị nội dung tư tưởng của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu .....</b>	<b>69</b>
2.2.1. <i>Yếu tố tâm linh và khả năng phản ánh hiện thực đa chiều .....</i>	<i>69</i>
2.2.2. <i>Yếu tố tâm linh và sự hướng về giá trị Chân - Thiện - Mĩ.....</i>	<i>72</i>
2.2.3. <i>Yếu tố tâm linh và cảm hứng nhận thức lại thực tại .....</i>	<i>75</i>
<b>Chương 3: YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975 NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THI PHÁP.....</b>	<b>80</b>
<b>3.1. Yếu tố tâm linh và đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người.....</b>	<b>80</b>
3.1.1. <i>Khát vọng đổi mới trong sáng tác truyện ngắn Nguyễn Minh Châu ...</i>	<i>80</i>
3.1.2. <i>Khám phá chiều sâu nội tâm bằng đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người .....</i>	<i>83</i>
<b>3.2. Yếu tố tâm linh và nghệ thuật khai thác tình huống .....</b>	<b>85</b>
<b>3.3. Yếu tố tâm linh và không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật .....</b>	<b>88</b>
3.3.1. <i>Không gian nghệ thuật .....</i>	<i>88</i>
3.3.2. <i>Thời gian nghệ thuật .....</i>	<i>92</i>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>95</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>95</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1.1. Tâm linh là một hiện tượng của đời sống xã hội. Trong quá khứ, ở phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng, vấn đề tâm linh rất đậm đặc và bề thế. Trong văn học trung đại Việt Nam, yếu tố tâm linh cũng hiện diện như một điều tất yếu. Nghiên cứu văn học trung đại trên thực tế đã không thể bỏ qua việc nhận diện đời sống tâm linh trong các tác phẩm. Tuy nhiên, sau cách mạng tháng Tám, đặc biệt là từ sau khi đất nước chia hai miền Nam - Bắc, quan niệm về yếu tố tâm linh và sự hiện diện của yếu tố tâm linh trong đời sống và trong văn học ở hai miền bắt đầu có sự khác biệt. Trong khi ở Miền Nam sự hiện diện của yếu tố tâm linh có vẻ vẫn diễn ra liên tục và không có nhiều thay đổi, thì ở miền Bắc yếu tố tâm linh trong khoảng vài chục năm dường như vắng bóng. Chính vì điều này, nghiên cứu văn học miền Bắc trong một thời gian khá dài có vẻ vẫn giữ thái độ lạnh nhạt với vấn đề khá thú vị này. Từ sau 1975, đặc biệt là sau thời kỳ đổi mới 1986, vấn đề tâm linh và sử dụng yếu tố tâm linh có xu hướng trở lại trong sáng tác văn học. Theo đó giới nghiên cứu văn học Việt Nam cũng bắt đầu đề cập đến vấn đề tâm linh và nghiên cứu nó như một hiện tượng phong phú, đa dạng. Đặt vấn đề nghiên cứu "*Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*" luận văn muốn tiếp cận và nhận diện vấn đề tâm linh gắn với một tác giả cụ thể, trên cơ sở đó nhận diện vấn đề này trong văn chương đương đại.

1.2. Trong số những cây bút tiêu biểu của truyện ngắn Việt Nam sau 1975, Nguyễn Minh Châu là nhà văn được đánh giá cao bởi khả năng thể hiện cuộc sống ở những tầng sâu khó nắm bắt. Cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của ông là cố gắng đi tìm những “hạt ngọc ẩn dấu trong bề sâu tâm hồn con người” với quan niệm “mỗi con người đều chứa đựng trong lòng những nét đẹp để kỳ diệu đến nỗi cả một đời cũng chưa đủ để nhận thức, khám phá”. Vấn đề tâm linh cũng được Nguyễn Minh Châu dành mối quan tâm không nhỏ và thể hiện vừa như quan niệm nghệ thuật, vừa như sự đổi mới trong tư duy và bút pháp truyện

ngắn và truyện vừa. Tuy nhiên, do yếu tố tâm linh xuất hiện trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu không đậm đặc như Nguyễn Huy Thiệp, Võ Thị Hảo, Hồ Anh Thái, Hòa Vang, Nguyễn Xuân Khánh... nên đã khiến không ít người có cảm giác Nguyễn Minh Châu không phải là tác giả quan tâm nhiều tới việc khai thác yếu tố tâm linh trong sáng tác. Nghiên cứu "*Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*" luận văn muốn được xem xét thêm khía cạnh này để có câu trả lời xác đáng hơn.

1.3. Mặc dù được quan tâm nghiên cứu, đánh giá muộn hơn so với tiểu thuyết, nhưng tính đến nay đã có hàng trăm công trình, bài viết lớn nhỏ về truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975. Rất tiếc vấn đề yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu lại chưa được quan tâm xem xét một cách đầy đủ và có hệ thống. Đề tài "*Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*" hy vọng từ một góc nhìn khác góp thêm mảng màu còn trống trong bức chân dung Nguyễn Minh Châu.

Từ những căn cứ và lý do trên, chúng tôi thấy việc nghiên cứu "*Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*" là một đề tài có ý nghĩa khoa học.

## **2. Lịch sử vấn đề**

### **2.1. Những nghiên cứu về yếu tố tâm linh, đời sống tâm linh trong văn học nói chung, văn học sau 1975 nói riêng.**

Cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn học và văn hóa tâm linh, biểu hiện yếu tố tâm linh của con người trong văn học từ dân gian đến hiện đại. Bước đầu tìm hiểu chúng tôi nhận thấy có một số công trình, bài viết khá tiêu biểu.

Nhà nghiên cứu Trần Đình Sử trong bài viết "Văn học và văn hóa tâm linh" đã khẳng định: "*Văn học và văn hóa tâm linh có mối quan hệ khăng khít trong bất cứ lịch sử văn học của dân tộc nào....văn hóa tâm linh theo suốt cuộc tồn tại của các dân tộc trên trái đất, gắn với con người và thể hiện trong văn học nghệ thuật*" [68]. Bài viết cũng đã cụ thể hóa nội dung này bằng cách đi vào



ngiên cứu vấn đề con người và tâm linh, văn hóa tâm linh; văn học và tâm linh; tâm linh và diễn ngôn/ngôn ngữ nghệ thuật; tâm linh như một diễn ngôn quyền lực trong văn học; đồng thời điếm qua một số biểu hiện của văn hóa tâm linh trong văn học Việt Nam qua các thời kì.

Trong “Đạo Trời và tín ngưỡng dân gian qua ca dao”, TS.Nguyễn Thị Kim Ngân cho rằng: “*Ông Trời trong ca dao là một đấng thiêng liêng. Người nông dân Việt Nam coi trời như thánh thần, tất cả đều phụ thuộc vào Trời, vào ý Trời...*” [57]. Bài viết đã liệt kê và phân tích rất nhiều bài ca dao có từ Trời, đạo Trời, nhờ Trời... để đi đến kết luận tín ngưỡng đạo Trời một mặt gắn với nghi lễ thờ cúng, mặt khác nằm sâu trong tâm linh, thể hiện ở lòng tôn kính, biết ơn, cầu xin, van vái mỗi khi hoạn nạn hay ăn năn hối lỗi khi làm sai điều gì.

Bài viết “Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại” của Lê Thu Yên - Trần Anh Thư đã giới thiệu một số yếu tố tâm linh như phép thuật, tướng số, bói toán, phong thủy...[81]. Những yếu tố này tồn tại trong văn học trung đại như một niềm tin tuyệt đối về mặt tâm linh. Và đứng ở góc độ văn hóa, bài viết nhận xét đánh giá về sự hiểu biết cũng như trình độ tư duy của con người được phản ánh trong văn học thời đó.

Trong cuốn “*Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*”, nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn đã đề xuất phương pháp nghiên cứu văn học trung đại dưới góc nhìn văn hóa và nhận thấy mô hình “hai thế giới” là một đặc trưng của văn hoá trung đại. Đó là “một thế giới hiện thực với những quan hệ xã hội và thiên nhiên có thể nhận thức được bằng kinh nghiệm” và “một thế giới tâm linh do chính con người tưởng tượng ra theo một nguyên lí nào đó”. Góc nhìn văn hoá này được tác giả nghiên cứu qua hai trường hợp “*Truyện Kiều*” (Nguyễn Du) và “*Bình Ngô đại cáo*” (Nguyễn Trãi) với những lí giải, phân tích sáng rõ, logic [76].

Tâm linh trong văn học trung đại cũng được tác giả Thanh Tâm Langlet quan tâm qua bài “Tâm linh và thơ ca Việt Nam giai đoạn cổ trung đại”. Ở đây tác giả chủ yếu dõi theo yếu tố tâm linh trong đời sống tôn giáo ở dòng thơ thiền

Lí-Trần qua sáng tác của các Thiền sư thuộc các thiền phái Nam Phương, Thảo Đường, Trúc Lâm. Bên cạnh đó, các nhà thơ như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan... cũng sử dụng yếu tố tâm linh để bộc lộ đời sống nội tâm) [43].

Về nghiên cứu yếu tố tâm linh trong thơ ca trung đại, PGS.TS Lê Thu Yến đưa ra cái nhìn bao quát, hệ thống những yếu tố tâm linh trong thơ Nguyễn Du với bài “Thế giới tâm linh trong sáng tác Nguyễn Du - một biểu hiện của văn hoá Việt”. Tác giả đã đưa ra những con số thống kê cụ thể, chính xác những biểu hiện truyền thống văn hoá tinh thần dân tộc để từ đó khẳng định một giá trị văn hoá truyền thống trong sáng tác của nhà thơ lớn Nguyễn Du - thế giới tâm linh: *“Một Văn Chiêu Hồn thấm đẫm màu sắc của thế giới bên kia, một Truyện Kiều bàng bạc không gian của cõi âm và nhất là thơ chữ Hán nhan nhản bày ra những đình, đền, miếu, mộ...”* [82].

Ở bộ phận văn xuôi trung đại, PGS.TS Nguyễn Đăng Na đã khái quát tiến trình phát triển của văn xuôi tự sự nói chung và các thể loại truyện ngắn, kí, tiểu thuyết chương hồi qua bài “Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại - những bước đi lịch sử”. Tác giả cũng nhận thấy tâm linh là một nội dung quan trọng của bộ phận văn học này và đưa ra nhận xét khái quát: *“Cùng với các loại hình văn học khác, văn xuôi tự sự đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà thời đại giao phó: phản ánh tâm linh của người Việt Nam thời trung đại”* [56].

Đến văn học sau 1975, Bùi Như Hải trong bài “Yếu tố tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam về đề tài nông thôn thời kì đổi mới” đã khẳng định: *“Những yếu tố tâm linh trong hành trình sáng tạo của tiểu thuyết về nông thôn đương đại đã tiến thêm một bước gần hơn trong nỗ lực tiếp cận con người một cách đa chiều, vẹn toàn, góp phần đưa tiểu thuyết nông thôn ra khỏi lối mòn quen thuộc để đến với thế giới đầy bí ẩn của con người, để văn chương ngày càng trở về giá trị đích thực của nó”* [19].

Trong “Dấu ấn tâm linh trong văn học Việt Nam đương đại qua một số tiểu thuyết”, Bùi Việt Thắng đã khảo sát bảy cuốn tiểu thuyết khá tiêu biểu cho

những tác phẩm nghiêng về tái hiện thế giới tâm linh trong đời sống của con người Việt Nam đương đại: *Cách trở âm dương* (Vũ Huy Anh), *Và khi tro bụi* (Đoàn Minh Phượng), *Ngược mặt trời* (Nguyễn Một), *Cõi người rung chuông tận thế* (Hồ Anh Thái), *Họ vẫn chưa về* (Nguyễn Thế Hùng), *Hoang Tâm* (Nguyễn Đình Tú), *Chân trần* (Thùy Dương). Tác giả đi đến kết luận: “*Tiểu thuyết thời kì đổi mới cũng đã đi sâu vào thế giới bí ẩn của tâm linh để thể hiện được đời sống tinh thần phong phú, phức tạp của con người*” [73].

Bài viết “*Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn từ sau 1975*” của tác giả Phùng Hữu Hải đã chỉ ra: “*Đề tài của văn học không chỉ dừng lại ở hiện thực khách quan mà đã chuyển dần sang địa hạt tâm linh, những trần trở uẩn khúc đang diễn ra quyết liệt trong tâm hồn con người - đặc biệt là những số phận vừa đi qua cuộc chiến. Những diễn biến tâm linh rất khó nắm bắt, những hiện tượng con người không tự lý giải được bằng hình thức suy lý một thời là những nhân tố quyết định hướng các nhà văn đến với địa hạt của yếu tố kì ảo*” [18].

Đặc biệt, ngày 07-03-2014, Hội thảo khoa học “*Văn học và văn hóa tâm linh*” đã được Viện Văn học và Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức. Hội thảo đã nhận được 82 tham luận của các nhà khoa học từ nhiều trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Các tham luận tập trung vào 04 nhóm: Những vấn đề chung, hướng đến giải quyết bản chất mối quan hệ “*Văn học và văn hóa tâm linh*” có các tham luận *Tôn giáo và văn học nghệ thuật* (GS. Nguyễn Đình Chú - PGS. TS. Nguyễn Công Lý), *Văn chương như là một tôn giáo - Tiếp nhận quan niệm văn chương phạm giới trong “Văn học và cái ác” của Georges Bataile* (Nhà giáo Phạm Phú Phong), *Thuyết tạo dựng Chúa và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa (Trường hợp Maxim Gorky)* (PGS. TS. Trần Thị Phương Phương)... Thứ hai, những tham luận thiên về lý giải mối quan hệ văn học - văn hóa tâm linh như là một phẩm chất cơ hữu, tiếp nối và phát triển trong toàn bộ tiến trình lịch sử văn học Việt Nam và thế giới. Có thể kể đến các tham luận: *Mối quan hệ giữa văn học và văn hóa tâm*

linh qua truyện “Đình Tiên Hoàng ký” của Vũ Phương Đê (PGS. TS. Phạm Tú Châu), *Quan hệ giữa văn học và tôn giáo nhìn từ khuynh hướng phê bình văn học chịu ảnh hưởng tư tưởng tôn giáo ở miền Nam trước 1975* (TS. Trần Hoài Anh), “Hành hương” và “Hành giả” trong văn hóa tâm linh Trung Hoa và trong “Tây du ký” (TS. Trần Lê Hoa Tranh). Thứ ba, nhóm tham luận hướng đến diễn dịch, triển khai, minh chứng những yếu tố tâm linh và tôn giáo xuất hiện trong văn học với nhiều qui mô, mức độ tiếp nhận và ảnh hưởng khác nhau: *Cảm quan tôn giáo trong văn xuôi Việt Nam đương đại* (PGS. TS. Lê Dục Tú), *Mộng寐 và ảo giác trong thơ chữ Hán Cao Bá Quát* (PGS. TS. Nguyễn Ngọc Quận), *Tâm thức văn hóa Thiên Chúa giáo trong văn chương Anh thời trung đại* (PGS. TS. Trần Thị Quỳnh Thuận), *Không gian tâm linh trong tiểu thuyết về đề tài chiến tranh* (PGS. TS. Nguyễn Thanh Tú), *Thế giới tâm linh trong tiểu thuyết “Phúc Lạc hội” của Amy Tan* (ThS. Trần Tịnh Vy)... Thứ tư, nhóm tham luận hướng đến lý giải mối quan hệ văn học và tâm linh thiên về tư duy nghệ thuật, tham luận tiêu biểu: *Cấu trúc phủ định trong thiên ngữ “Vô môn quan”* (PGS. TS. Đào Ngọc Chương), *Type truyện 1030 - “Chia nông sản” ở Việt Nam - Quá trình dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng, phong tục bản địa* (TS. Đặng Thị Thu Hà), *Từ hành vi thực hành nghi lễ đến đến tư thế trữ tình trong thơ Hàn Mặc Tử* (ThS. Nguyễn Thanh Tâm), *Từ huyền thoại về lửa/ mặt trời đến xu hướng “giải huyền thoại” - Khảo sát trường hợp truyện kể về Cỗ Bọ ở Nghệ Tĩnh* (ThS. Nguyễn Thị Thanh Trâm)...

## **2.2. Những nghiên cứu, đánh giá, nhận định về yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975**

Có thể nhận thấy dấu ấn tâm linh trong truyện của Nguyễn Minh Châu sau 1975 được không ít người viết đề cập đến trong các nghiên cứu, bài viết. Tác giả Trần Thị Mai Nhân trong bài viết “Vấn đề tâm linh trong tiểu thuyết thời kì đổi mới” cho rằng: “Với niềm tin yêu và những nỗi âu lo về con người trong cuộc sống hiện tại, Nguyễn Minh Châu luôn hướng con người đến thế giới tâm linh. Vì thế giới ấy đối trọng với tất cả những gì phàm tục, phản trắc.

*Nó là chỗ cho con người lấy lại lòng tin, lấy lại thế cân bằng, thoát khỏi sự cô đơn (Tôn Phương Lan). Có thể tìm thấy điều này trong rất nhiều truyện ngắn khác của ông: Sống mãi với cây xanh, Con giông, Bến quê, Cỏ lau, Mùa trái cóc ở miền nam ...” [59].*

Nguyễn Văn Hạnh trong bài “Nguyễn Minh Châu những năm 80 và sự đổi mới cách nhìn về con người” viết: “Nguyễn Minh Châu hay viết về những giây phút “bất chợt”, những “khoảnh khắc hoàn hảo”, khi con người, dưới tác động của trực giác, của tâm linh, của vô thức, bỗng dưng nhận ra một cách sáng tỏ những việc làm nào đó hoặc toàn bộ con người của mình, nhờ đó mà có cách ứng xử đúng đắn...” [71, tr.260].

Trong tiểu luận “Quan niệm nghệ thuật về con người qua Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của Nguyễn Minh Châu”, Bùi Túy Phượng lại nhận định: “sự bao dung, năng lực thực tiễn của người phụ nữ tưởng như rất khó lý giải, rất khó hiểu về động cơ hành động của chị. Nếu như nhà văn không đi đến vùng sâu thẳm nhất, nơi chất chứa những điều vừa thiêng liêng vừa cao cả là cõi tâm linh”[64].

Hay trong cuốn tạp chí của Đại học văn hóa nghệ thuật quân đội tháng 03/2013, bài viết “Chiếc thuyền ngoài xa - nét độc đáo trong phong cách Nguyễn Minh Châu” nhấn mạnh: “Viết về những người phụ nữ, những người đàn bà lam lũ khổ cực cả đời, Nguyễn Minh Châu không chỉ kiếm tìm, tôn vinh vẻ đẹp phẩm chất người phụ nữ mà nhà văn còn lí giải cội nguồn vẻ đẹp ấy chính là lòng nhân, đức hạnh, phẩm tiết bám sâu trong tâm hồn, tâm linh con người...” [33].

Trong bài viết “Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu”, tác giả Dương Thị Thanh Hiền đã nghiên cứu việc sử dụng hình ảnh biểu tượng như một nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu và dành một mục để chỉ ra biểu tượng - bức tranh nội tâm và góc khuất tâm linh nhân vật. Trong bài có nhận định: “Không chỉ quan tâm đến đời sống nội tâm nhân vật để viết về khả năng thức tỉnh chân lí, về sự chiến thắng của con người trong quá trình đấu

*tranh với chính bản thân mình, với số phận, Nguyễn Minh Châu còn quan tâm đến những giây phút bất chợt, những khoảnh khắc con người chịu tác động của trực giác, linh cảm, của tâm linh”* [30, tr.316]. Và biểu tượng chính là phương tiện tô điểm cho thế giới tâm linh con người màu sắc huyền ảo. Tác giả phân tích một số biểu tượng như vàng trắng trong *Mảnh trăng cuối rừng*, giếng nước trong *Bên lề chiến tranh*, tiếng xe cút kít trong *Khách ở quê ra...*

Đặc biệt trong cuốn “*Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại, tập 2*” do Nguyễn Văn Long chủ biên, phần viết về những đổi mới cách nhìn và sự khám phá về con người khẳng định: “*Hứng thú nhất với ngòi bút Nguyễn Minh Châu là khám phá cái thế giới bên trong, đầy bí ẩn của con người, lật xới vào những tầng đáy sâu của tâm lí, tư tưởng, cả tiềm thức và tâm linh của con người...*” [48, tr.277].

Mặc dù đã có một số công trình, bài viết đề cập tới yếu tố tâm linh, đời sống tâm linh trong truyện của Nguyễn Minh Châu sau 1975, nhưng hầu hết mới chỉ dừng lại ở mức độ điểm qua, hoặc phân tích một vài nhân vật cụ thể. Chủ yếu, việc nghiên cứu yếu tố tâm linh được tiến hành song song với việc tìm hiểu một tác phẩm, hay khái quát một đóng góp của Nguyễn Minh Châu trong nền văn học thời kì đổi mới. Và đặt trong mối quan hệ đó, yếu tố tâm linh chỉ được đề cập đến như một phương diện thứ yếu. Cho đến nay chưa thực sự có một công trình, bài viết nào đề cập tới phương diện này một cách hệ thống và toàn diện.. Đây là lí do chúng tôi lựa chọn đề tài: “*Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*”.

### **3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975.

#### **3.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Trên cơ sở nhận thức về những khái niệm, những vấn đề liên quan đến yếu tố tâm linh, mối quan hệ giữa đời sống tâm linh và đời sống văn học, luận văn tiến hành khảo sát, đánh giá và nhận diện yếu tố tâm linh trong truyện ngắn

của Nguyễn Minh Châu sau 1975 qua những đặc điểm cơ bản, từ đó phân nào nhận diện yếu tố tâm linh trong sáng tác văn học sau 1975.

#### **4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Khảo sát toàn bộ truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975, nhận diện yếu tố tâm linh trên cả hai phương diện: nội dung và hình thức.

- Đánh giá vấn đề tâm linh và yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 trên tinh thần khách quan khoa học.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Sử dụng phối hợp các phương pháp chuyên ngành của văn học sử và thi pháp học hiện đại.

- Bên cạnh phương pháp văn học sử được xem là cơ bản, luận văn sẽ áp dụng các phương pháp bổ trợ như:

+ Phương pháp phân tích tổng hợp.

+ Phương pháp so sánh, bao gồm so sánh lịch đại và so sánh đồng đại.

+ Phương pháp thống kê, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng của kết luận khoa học.

#### **5. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung vào khảo sát những truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu viết sau 1975 in trong cuốn *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Minh Châu* của nhà xuất bản Văn học năm 2006. Những tác phẩm khác chỉ xin được điểm qua khi cần thiết phải so sánh.

#### **6. Đóng góp của luận văn**

- Là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống đề tài yếu tố tâm linh trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975.

- Đưa ra những kết luận có căn cứ khoa học về hiện tượng tâm linh trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975, từ đó khẳng định đóng góp của Nguyễn Minh Châu trong công cuộc đổi mới văn học nước nhà.

- Đề tài sẽ phân nào giải đáp câu hỏi: Thực chất yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu nói riêng, văn học sau 1975 nói chung là thế nào?

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và thư mục tham khảo, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Nhận diện yếu tố tâm linh trong đời sống và trong văn học Việt Nam.

Chương 2: Sự hiện diện và giá trị nội dung tư tưởng của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu.

Chương 3: Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 nhìn từ góc độ thi pháp - nghệ thuật.



## NỘI DUNG

### Chương 1: NHẬN DIỆN YẾU TỐ TÂM LINH TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

#### 1.1. Về khái niệm “tâm linh” và “văn hóa tâm linh”

##### 1.1.1. Khái niệm “tâm linh”

Có rất nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về khái niệm “tâm linh”.

Đào Duy Anh trong cuốn *Giải yếu Hán - Việt từ điển* đã định nghĩa tâm linh 心 靈 là “cái trí tuệ tự có trong lòng người”, và đối chiếu nó với một từ tiếng Pháp tương đương là “intelligence” mà ngày nay được hiểu là trí tuệ, trí năng [1].

Thiền Chửu không ghi từ “tâm linh” nhưng có một sự xác định rất hay: “thần” 神 và “linh” 靈 như cặp đối lập âm - dương: tinh anh của khí dương là “thần”, tinh anh của khí âm là “linh” [7].

Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, tâm linh là “1. Khả năng biết trước một biến cố nào đó sẽ xảy ra với mình, theo quan niệm duy tâm. 2. (ít dùng) Tâm hồn, tinh thần” [61].

Vũ Tự Lập trong cuốn *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Hồng* nêu quan niệm “*Thế giới tâm linh là thế giới của cái thiêng liêng, mà ở đó chỉ có cái gì cao cả, lương thiện và đẹp đẽ mới có thể vươn tới. Cả cộng đồng tôn thờ và có kết nhau lại trên cơ sở của cái thiêng liêng đó*” [44].

Nguyễn Hoàng Phương trong cuốn *Tích hợp đa văn hoá Đông - Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai* đã đưa ra khái niệm: “*Tâm linh là lễ nghi ma thuật của các tộc người nguyên thủy; là bói toán, tiên tri thời cổ đại; là tôn giáo, thần học thời trung cổ; là ngoại cảm, là sự hài hoà của vũ trụ, một phần là biểu hiện của trí tuệ đại vũ trụ thời hiện đại*” [63].

Nguyễn Đăng Duy trong cuốn *Văn hoá tâm linh* đã định nghĩa: “*Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng*

*trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm” [8, tr.14].*

Phạm Ngọc Quang trong bài “Góp phần tìm hiểu khái niệm tâm linh, mối quan hệ của nó với khái niệm phản ánh” đã nêu: “*Tâm linh là khái niệm dùng để chỉ “niềm tin vào khả năng tồn tại của vong (người sau khi chết) với khả năng nhận thức của vong, tin vào khả năng đặc biệt của con người có thể tiếp xúc với vong. Nhờ vậy, có thể giúp con người đang sống biết được những thông tin về một số vấn đề đã, đang và sẽ diễn ra, từ đó, con người nhận thức và hoạt động có hiệu quả cao hơn” [65, tr.6-10].*

Nhà tâm lý học Phạm Minh Hạc trong một công trình nghiên cứu con người, cũng tìm ra được cách cắt nghĩa: “*Có thể coi tâm linh là một khái niệm tâm lý nói lên sự gắn kết ba phạm trù thời gian: quá khứ, hiện tại, tương lai. Chỉ ở con người mới có các phạm trù thời gian và sự gắn kết chúng lại với nhau” [17].*

Thuật ngữ “tâm linh” trong tiếng Việt có hai từ tiếng Anh tương đương là psychic (theo nghĩa các hiện tượng dị thường, huyền bí) và spiritualism (với hai nghĩa: 1/ Niềm tin tôn giáo - triết học về sự tồn tại sau cái chết; và 2/ Tâm trí, tâm hồn, tinh thần). Thuật ngữ “Psychic” được dùng nhiều hơn với nghĩa “tâm linh”. Các học giả phương Tây nghiên cứu tâm linh với tư cách các hiện tượng dị thường huyền bí; những trạng thái tâm lý đặc biệt; hoặc những nguồn năng lượng đặc biệt của con người (dòng điện trường sinh học, trực giác), thậm chí cả những bí ẩn của Thiền học Phật giáo và Yoga Ấn Độ. Nhiều công trình nghiên cứu đáng chú ý về những vấn đề này được các nhà tâm lý học, thần học, vật lý học công bố.

Tóm lại, các định nghĩa về “tâm linh” hiện có rất phong phú đa dạng. Tuy các cách hiểu và góc tiếp cận có khác nhau nhưng tựu trung lại các định nghĩa bao gồm hai loại: một là định nghĩa miêu tả và hai là định nghĩa nêu đặc trưng. Định nghĩa miêu tả nêu các biểu hiện của “tâm linh” như niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, quan niệm âm - dương, bói toán, tiên tri, ngoại cảm, thần giao cách cảm... Còn định nghĩa nêu đặc trưng thì chỉ ra những nét riêng biệt, tiêu biểu của

“tâm linh” như “cái thiêng liêng”, cái “cao cả”, “cái huyền bí”.... nhằm phân biệt “tâm linh” với các hiện tượng tinh thần khác.

Từ những cách hiểu trên, chúng tôi tạm đưa ra cách hiểu khái niệm “tâm linh” như sau: *Tâm linh là thế giới của những điều bí ẩn, được hình thành bởi niềm tin về những giá trị cao cả, thiêng liêng mà con người luôn hướng tới và khát khao đạt được.*

Cũng cần nói thêm, vì “tâm linh” là sản phẩm của niềm tin nên thế giới tâm linh tồn tại trong đời sống tinh thần cá nhân và liên cá nhân. Nó chỉ được biểu hiện ra trong sinh hoạt văn hóa tinh thần. Vậy, đời sống tâm linh chính là đời sống hướng về những giá trị tinh thần thuần khiết, thiêng liêng, cao cả được đúc kết qua lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc và nhân loại. Đời sống tâm linh chính là một hình thái đặc biệt của ý thức con người và ý thức xã hội. Không thể có đời sống tâm linh, nếu như con người không có ý thức. Tuy nhiên, ý thức nói chung của con người hết sức rộng lớn. Do đó, không phải bất cứ điều gì thuộc về đời sống ý thức của con người cũng đồng thời thuộc về đời sống tâm linh. Có thể thấy rằng, tính chất quan trọng nhất của đời sống tâm linh trước hết là sự thiêng liêng, cao đẹp. Thế giới tâm linh phải là một thế giới mà ở đó, chỉ những gì cao cả, lương thiện, đẹp đẽ mới có thể vươn tới và tồn tại. Không biết từ bao giờ, những vấn đề thuộc về đời sống tâm linh đã đồng hành cùng với con người và xã hội loài người.

Trong đời sống xã hội cũng như trong nghiên cứu chuyên ngành, dù khoa học có phát triển đến đâu cũng chưa thể khái quát hết những biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng của thế giới tâm linh, chính vì vậy khó có thể có một định nghĩa bao quát hết nội hàm hai chữ “tâm linh”. Tuy nhiên cách hiểu trên đây hy vọng khả dĩ đáp ứng nội dung nghiên cứu “yếu tố tâm linh” trong đề tài này. Bên cạnh đó khi nhắc đến tâm linh cần chú ý các khía cạnh sau:

Thứ nhất, tâm linh là một hình thái ý thức, gắn với ý thức con người.

Thứ hai, hạt nhân cơ bản của tâm linh là niềm tin, không có niềm tin thì không có tâm linh. Niềm tin theo Nguyễn Đăng Duy là “*sự tin nhiệm, khâm*

*phục của một con người với một con người, một sự việc, một học thuyết, một tôn giáo được thể hiện ra bằng hành động theo một lẽ sống*” [8, tr.18]. Niềm tin có nhiều cấp độ: niềm tin trao đổi, niềm tin lý tưởng và niềm tin tâm thức. Trong đó, tâm linh gắn với niềm tin tâm thức, là niềm tin thiêng liêng vì nó có sự “*hòa quyện cả tình cảm và lí trí, dẫn đến sự say đắm, say sưa tự nguyện hành động theo niềm tin ấy*” [8, tr.19]. Đó là niềm tin thiêng liêng về tổ tiên, niềm tin về Mẫu, Phật, Chúa, niềm tin về các thần thành hoàng v.v.. Niềm tin thiêng liêng do vậy, được xem là yếu tố then chốt tạo nên đời sống tâm linh, văn hóa tâm linh đúng nghĩa và trang trọng.

Thứ ba, tâm linh tồn tại trên nhiều phạm vi: đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng, làng xã, Tổ quốc, trong văn học nghệ thuật, trong tín ngưỡng, tôn giáo...

Thứ tư, hướng đến tâm linh là con người hướng đến những cái cao cả, hướng đến Chân - Thiện - Mĩ, để có một đời sống tinh thần tốt đẹp hơn.

### **1.1.2. Khái niệm “văn hóa tâm linh”**

“Văn hóa tâm linh” là thuật ngữ xuất hiện nhiều khoảng mười lăm năm gần đây. Đặc biệt từ sau khi một số nhà nhân học, tâm lí học, khoa học xã hội quốc tế thừa nhận tâm linh là một trong bốn thuộc tính của con người (con người xã hội, con người sinh học, con người tâm lí, con người tâm linh) thì thuật ngữ này càng được dùng phổ biến hơn.

Về cách hiểu khái niệm “văn hóa tâm linh”: Cho đến nay, trong nghiên cứu cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng, có nhiều cách hiểu khác nhau về “văn hóa tâm linh”.

Nguyễn Đăng Duy trong cuốn *Văn hóa tâm linh*, nhà xuất bản Văn hóa thông tin 2001 đưa ra khái niệm “văn hóa tâm linh” khá toàn diện: “*Văn hóa tâm linh là văn hóa biểu hiện những giá trị thiêng liêng trong cuộc sống đời thường và biểu hiện niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo*” [8, 29].

PGS.TS Đặng Văn Bài trong bài “Tản mạn về văn hóa tâm linh của người Việt” lại cho rằng: *“Văn hoá tâm linh là thái độ ứng xử văn hoá của chúng ta đối với các lực lượng siêu nhiên, thần linh, với những người đã khuất”* [3].

GS. Trần Đình Sử trong “Văn học và văn hóa tâm linh” viết: *“Khi ghép tâm linh vào văn hóa, thì khái niệm văn hóa tâm linh là hình thái văn hóa của một tộc người gồm: tôn giáo, tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian (folklore) và một phần của sáng tạo khoa học, nghệ thuật như sự thăng hoa, phút xuất thần, “tia chớp” cảm hứng sáng tạo, trí tuệ phát sáng của nhà khoa học và nghệ sĩ”* [68].

Trong luận văn này chúng tôi xuất phát từ cách hiểu khái niệm “văn hóa” rồi hợp nhất hai khái niệm “văn hóa” và “tâm linh” để hình thành thành cách hiểu khái niệm “văn hóa tâm linh”.

Mặc dù có hàng trăm định nghĩa khác nhau về “văn hóa”, nhưng chúng tôi xin đề cập đến định nghĩa về “văn hoá” do tổ chức văn hoá thế giới UNESCO công bố năm 1997: *“Văn hoá là tổng thể các hệ thống giá trị, bao gồm các mặt tình cảm, tri thức, vật chất, tinh thần của xã hội. Nó không thuần túy bó hẹp trong sáng tác nghệ thuật mà bao gồm cả phương thức sống, những quyền con người cơ bản, truyền thống tín ngưỡng”* [8, tr.18] để ghép với khái niệm “tâm linh” và đưa ra cách hiểu về “văn hóa tâm linh” như sau: *“Văn hóa tâm linh là tổng thể các hệ thống giá trị tinh thần của con người, liên quan đến những điều bí ẩn, được hình thành bởi niềm tin về những giá trị cao cả, thiêng liêng mà con người luôn hướng tới và khát khao đạt được”*.

Khi đã nói “hệ thống giá trị tinh thần” thì đương nhiên khái niệm mà chúng tôi đưa ra đã loại trừ mặt trái của “văn hóa tâm linh” là mê tín dị đoan. Bởi mê tín dị đoan là niềm tin cuồng vọng của con người vào các thế lực siêu nhiên đến mức mê muội, có những hành vi cực đoan, thái quá và phản văn hoá. Mê tín đi liền với dị đoan để chỉ niềm tin đã bị biến dạng, bóp méo, dị thường gây hại cho con người. *“Mê tín là tin nhầm, tin xằng bậy, không thấy, không hiểu mà nhắm mắt tin theo mù quáng, tin theo một cách mê muội, viển vông, quàng xiên cả những việc, những hiện tượng trái lẽ tự nhiên, không có suy xét theo lẽ phải*

*thông thường; dị đoan là suy luận, suy đoán một cách nhắm nhí, bậy bạ khác thường, rồi hành động bừa bãi, không lường trước được những hậu quả xấu về sức khỏe, tài sản, thời gian, có khi cả tính mạng cho mình...Nói chung là những ý thức, hành vi mê muội, tin và dựa vào những biểu tượng trái lẽ tự nhiên, có những hành vi lẽ bái, ứng xử mang tính chất cuồng tín, nhắm nhí, trái với lẽ phải và hành vi thông thường của mọi người chung quanh, làm hại đến đời sống vật chất và tinh thần của mọi người” [20, tr.107].*

Tất nhiên, ở cái nhìn khẳng định đối với giá trị của văn hóa tâm linh, chúng ta cũng phải hết sức tỉnh táo để không rơi vào tình trạng, khi giương cao ngọn cờ duy vật lại bỏ quên tính biện chứng dễ dẫn đến quy kết tất cả những gì thuộc về tâm linh và đời sống tâm linh đồng nghĩa với chủ nghĩa duy tâm, đồng nghĩa với mê tín, dị đoan và do đó, đều cần phải xoá bỏ. Đã có những thời kỳ chúng ta mắc phải sai lầm trong nhận thức dẫn đến việc nhiều di tích lịch sử đã bị tàn phá, nhiều danh lam thắng cảnh bị xâm phạm hoặc hủy hoại. Nhiều công trình văn hóa có giá trị và ý nghĩa tâm linh sâu sắc đã không còn nữa.

Như vậy, trong khi xác định cách hiểu khái niệm “văn hóa tâm linh”, cũng cần có cái nhìn đúng đắn và ứng xử văn hóa phù hợp, bồi đắp đời sống tinh thần phong phú và tốt đẹp hơn.

### **1.1.3. Quan niệm về "yếu tố tâm linh" trong văn học**

Nếu “văn hóa tâm linh” là tổng thể các hệ thống giá trị tinh thần của con người liên quan đến những điều bí ẩn ...” thì “yếu tố tâm linh” là những biểu hiện cụ thể, phong phú, đa dạng cấu thành nên văn hóa ấy.

Trong đời sống văn hóa dân tộc nói chung, “văn hóa tâm linh” nói riêng, những biểu hiện của “yếu tố tâm linh” vô cùng phong phú, đa dạng. Đó là các hình thức hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, các sinh hoạt lễ hội truyền thống, thờ cúng Tổ tiên, các nghi thức, nghi lễ phong tục tập quán của người Việt...

Trong đời sống văn học, yếu tố tâm linh cũng tồn tại như một nội dung tất yếu, bởi: “*Văn học phản ánh hiện thực thì tất nhiên phản ánh yếu tố tâm linh vào văn học*” đúng như nhà nghiên cứu Trần Đình Sử nhận xét. Hơn thế “*Xét về*

*góc độ nhân loại học văn hóa tâm linh là một bình diện của văn hóa các tộc người, gắn với phong tục tập quán, cố định trong ngôn ngữ, đúc rút thành các motyp, các mẫu gốc thi pháp của các truyện kể truyền thống. Cho nên văn hóa tâm linh sẽ theo suốt cuộc tồn tại của các dân tộc trên trái đất, gắn với con người và thể hiện trong văn học nghệ thuật” [68]. Cho nên: “Thiếu yếu tố tâm linh sự miêu tả văn học sẽ thiếu chân thực ... Tâm linh trong văn học gắn với ước mơ khát vọng cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp, trường thọ, giàu có, mạnh mẽ, uy lực, khả năng vượt qua mọi trở lực, vượt lên thế giới hữu hạn” [68].*

Như vậy, có thể thấy, nếu chúng ta xem sáng tác của nhà văn là một thế giới nghệ thuật (tức là một hệ thống) thì trong hệ thống đó có "yếu tố tâm linh". Việc này cũng có nghĩa là xem xét "yếu tố tâm linh" như một yếu tố của thế giới nghệ thuật nhà văn.

## **1.2. “Tâm linh” trong đời sống xã hội Việt Nam**

### **1.2.1. Tâm linh trong tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam**

Tôn giáo, tín ngưỡng trên thế giới nói chung là một thực thể quan trọng cấu thành xã hội, xuất hiện và tồn tại ở các dạng thức và mức độ khác nhau kể từ khi có con người, phát triển và biến đổi cùng với con người, đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực đời sống của con người kể từ thời nguyên thủy đến nay nhất là về tâm linh, tư tưởng, đạo đức lối sống, văn học nghệ thuật.

Việt Nam vốn là nơi quần cư của nhiều tộc người lại có sự pha tạp nhiều dòng máu nên nhu cầu tâm linh cũng đa dạng và phong phú. Cách đây hàng ngàn năm, với nền văn hóa Đông Sơn, người Việt đã hình thành nhà nước Văn Lang sau đó là Âu Lạc. Trong quá trình dựng nước và mở mang bờ cõi, một mặt người Việt khẳng định và lưu giữ văn hóa truyền thống trong đó có tín ngưỡng cổ xưa của dân tộc Việt, mặt khác tiếp nhận những nhân tố văn hóa mới trong đó có các tôn giáo ngoại lai, làm cho nó thích ứng và biến đổi phù hợp với nếp cảm, nếp nghĩ, phong tục, tập quán của người Việt Nam trở thành tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam. Theo đó yếu tố tâm linh gắn với tôn giáo, tín ngưỡng cũng vô cùng đa dạng.

### *1.2.1.1 Tâm linh và các tôn giáo tại Việt Nam*

Mặc dù về tôn giáo, cho tới nay có khoảng hơn 200 định nghĩa khác nhau, nhưng hầu hết các định nghĩa đều có một số nội dung tương đồng về nguyên tắc thế giới quan và phương pháp luận, đó là: Khi nói đến tôn giáo dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì đều đề cập đến hai vấn đề là thế giới hữu hình và thế giới vô hình, hay cái thế tục - thế giới thực và cái thiêng liêng - thế giới thần thánh.

Như vậy, tôn giáo là một dạng sinh hoạt tâm linh trong đó con người tin vào sự hiện hữu của các thế lực siêu nhiên, có quyền lực siêu phàm có thể tác động đến đời sống của con người khi còn sống cũng như khi đã chết. Đặc trưng nổi bật của tôn giáo là đặt niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên. Niềm tin tôn giáo là biểu hiện của đời sống tâm linh nhưng nó không đồng nhất với tâm linh. Tâm linh và niềm tin tâm linh là khả năng dẫn đến tôn giáo. Tâm linh là phần cơ bản nhất, là biểu hiện tinh thần của tôn giáo. Mặc dù cho đến nay vẫn còn không ít tranh luận về vấn đề này (có ý kiến cho đời sống tâm linh phong phú hơn, rộng hơn tôn giáo, nhưng cũng có ý kiến khẳng định hoạt động tôn giáo đa dạng hơn, phong phú hơn tâm linh, vì tôn giáo ngoài phần tâm linh còn có phần đóng góp xây dựng các di sản văn hóa, thông qua những công trình, những tác phẩm về kiến trúc, điêu khắc, hội họa, thậm chí cả những công trình nghiên cứu lịch sử, văn hóa, đạo đức, triết học...), nhưng nhìn chung đều nhận thấy các tôn giáo đều hướng về không gian thiêng, những hình tượng thiêng liêng đặt đức tin vào những triết lý, giáo lý, tín điều ... Cho nên ở đâu có hoạt động, lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo là ở đó yếu tố tâm linh xuất hiện.

Trên thế giới không ít quốc gia có một tôn giáo chủ lưu với một lực lượng tín đồ chiếm tỷ lệ cao. Thậm chí có nước cho đến nay vẫn chỉ có một tôn giáo được xem là quốc giáo. Việt Nam tuy đất không rộng, người không đông nhưng đang tồn tại nhiều tôn giáo khác nhau, trong đó có 13 tôn giáo chính thức được công nhận.

Các tôn giáo xuất hiện tại Việt Nam ở nhiều thời điểm (Phật giáo, Bàlamôn giáo, Đạo giáo từ cuối thế kỷ thứ II sau công nguyên; Hồi giáo



khoảng thế kỷ X, thế kỷ XI; Công giáo Rôma đầu thế kỷ XVI; Đạo Tin Lành, Đạo Cao Đài thế kỷ XX...) và sự ảnh hưởng nhiều ít cũng khác nhau (Phật giáo sau gần 20 thế kỷ lên tới 7.000.000 tín đồ; Công giáo khoảng 6.000.000 tín đồ; Tin Lành khoảng 850.000 tín đồ; Cao Đài khoảng 800.000 tín đồ; Hồi giáo khoảng 76.000 tín đồ...). Theo số liệu cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 thì toàn quốc có 15.651.467 dân số Việt Nam người xác nhận mình theo một tôn giáo nào đó. Còn theo ước tính của các chuyên gia nghiên cứu tôn giáo Việt Nam thì các tín đồ tôn giáo chiếm khoảng khoảng 30% dân số cả nước. Điều đó có nghĩa là ít nhất có khoảng 30% dân số Việt Nam có đời sống cá nhân liên quan đến sinh hoạt văn hóa tâm linh. Tất nhiên nói ít nhất là vì đó chỉ là số lượng tín đồ chính thức xác nhận tôn giáo cũng đồng thời là số người thừa nhận thường xuyên có những sinh hoạt văn hóa tâm linh. Trong khi trên thực tế, số lượng những người theo một tôn giáo nào đó nhưng không xác nhận tôn giáo và những người có nhu cầu về tâm linh còn lớn hơn nhiều con số xác nhận trên. Điều này thể hiện ở sự tồn tại nhiều nơi thờ tự từ Bắc tới Nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ nông thôn tới thành thị. Dù thời gian tàn phá, chiến tranh hủy hoại, thậm chí cả những nhận thức chưa đầy đủ do chủ nghĩa vô thần chi phối khiến nhiều cơ sở tôn giáo bị phá hủy, nhưng hiện nay trên toàn đất nước Việt Nam vẫn có tới 30.000 nơi thờ tự của các tôn giáo. Bản tính của người Việt Nam là cởi mở bao dung chứ không kỳ thị khép kín, cho nên dù là tư tưởng gì, tôn giáo nào, cộng đồng người Việt cũng sẵn sàng chấp nhận, miễn là nó không trái triều, không vi phạm và ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, xúc phạm đến truyền thống và văn hóa dân tộc. Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn trong bài *Thử bàn về biểu hiện tôn giáo* đã chỉ ra sự phong phú và đa dạng của các loại hình tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam: “*Tình hình tôn giáo ở miền Viễn Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng thật đa dạng, đa sắc với đầy đủ những tôn giáo cổ, kim, ngoại sinh, nội sinh ở những mức độ khác nhau. Con người phiếm thân của xã hội truyền thống rất khó chấp nhận một vị thần độc tôn, rất dễ chấp nhận đưa vào điện thần của các vị thần khác tôn*

*giáo, thậm chí giáo lý khác trái ngược nhau, và cũng lại không khó khăn gì tham gia vào nhiều hành vi và các tôn giáo khác nhau” [79].*

#### *1.2.1.2. Tâm linh trong tín ngưỡng người Việt*

Theo định nghĩa của Từ điển tôn giáo, “tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí; Lực lượng siêu nhiên đó có thể mang hình thức là “Trời”, “Phật”, “Chúa”, “Thánh”, “Thần”, hay một sức mạnh hư ảo nào đó tác động đến đời sống tâm linh của người ta, được con người tin là có thật và tôn thờ” [20].

Khái niệm “tín ngưỡng” có vẻ có nhiều điểm gần gũi với khái niệm “tôn giáo” (cả hai cùng có nguồn gốc từ lòng tin tuyệt đối vào một đấng cao siêu huyền bí nào đó, cùng ngưỡng vọng một sức mạnh hư ảo đến từ lực lượng siêu nhiên...). Tuy nhiên nếu xét kỹ, chúng ta có thể thấy giữa hai khái niệm “tôn giáo” và “tín ngưỡng” cũng có nhiều điểm khác nhau. Tôn giáo hình thành và phát triển bằng cách đưa ra các giáo lý, giáo pháp để định hướng hoạt động và sinh hoạt tâm linh của cộng đồng. Mỗi tôn giáo có một hệ thống giáo lý, giáo pháp riêng, có một vị giáo chủ đứng đầu (đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Chúa Giêsu, đức Chúa Trời, Lão Tử), có một cách thức, phương pháp tổ chức lễ nghi, sinh hoạt, có cơ sở thờ tự và người chuyên trách hoạt động truyền giáo. Các tôn giáo sau khi hình thành, đã thông qua điều lệ và giới luật rồi thì luôn tuân thủ giáo lý, giáo pháp được Giáo Hội và Nhà nước công nhận. Trong khi đó “tín ngưỡng” là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một đối tượng siêu nhiên nào đó có ảnh hưởng, chi phối đến đời sống tinh thần của con người. Tín ngưỡng của mỗi quốc gia gắn liền với văn hóa truyền thống, đạo đức của chính quốc gia đó. Nó được tạo ra bởi quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với xã hội và giữa con người với con người, trong khuôn khổ quốc gia, vùng miền, làng xã, dòng tộc. Đặc biệt sinh hoạt tín ngưỡng không đề ra các giáo lý, giáo luật, không có giáo chủ, không có quy định cụ thể về cách thức, phương pháp sinh hoạt hay áp đặt, chi phối bởi tư tưởng ngoại lai như tôn giáo... nhưng niềm tin tâm linh vào những quan niệm, những cách hành xử của các thế hệ đi trước đối với

những đẳng bậc mà họ tôn thờ có ý nghĩa thiêng liêng và chắc chắn không kém gì những quy định thành văn của tôn giáo. Tín ngưỡng hình thành và xuất hiện cùng với sự xuất hiện của con người. Nó hoàn toàn tự do về ý thức, tư tưởng và hành động nên có diễn biến vô cùng phong phú, đa dạng.

Ở Việt Nam, sinh hoạt tín ngưỡng gắn với đời sống tâm linh, xuất phát từ niềm tin vào thế giới của những điều bí ẩn, luôn diễn ra đậm đặc trong đời sống văn hóa. Nếu số lượng tín đồ gắn với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam chỉ chiếm khoảng 30% dân số, thì số lượng người Việt có niềm tin tâm linh và có những sinh hoạt tâm linh gắn với tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc như thờ cúng Tổ tiên, Tế lễ Thổ địa, Thổ công, thành Hoàng làng; Tế lễ thần, thánh, anh hùng dân tộc... lại chiếm đa số, nếu không muốn nói là hầu hết. Các con số thống kê đưa không thống nhất giữa các nhà nghiên cứu, nhưng ước tính hiện nay, 95% dân số nước ta có đời sống tâm linh gắn với tín ngưỡng truyền thống. Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cả nước hiện có khoảng 8.000 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội tín ngưỡng dân gian, 332 lễ hội lịch sử cách mạng, 544 lễ hội tôn giáo, 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài vào và 40 lễ hội khác. Con số này cho thấy, dù trong phạm vi quốc gia, phạm vi dòng tộc, phạm vi gia đình hay thậm chí cá nhân, sinh hoạt tâm linh gắn với tín ngưỡng cũng là hiện tượng toàn xã hội.

Về những biểu hiện của sinh hoạt tâm linh gắn với tín ngưỡng tại Việt Nam có rất nhiều cách phân loại. Người thì dựa vào tiêu chí đối tượng tín ngưỡng để chia tín ngưỡng Việt Nam thành ba loại: Tín ngưỡng phồn thực; Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người. Người thì dựa vào phương thức hoạt động và hình thức sinh hoạt tín ngưỡng để chia tín ngưỡng Việt Nam thành một số nhóm tương đối như: Hồn linh giáo gắn với việc thờ cúng các linh hồn, gọi hồn (tục cúng rằm tháng 7); Tô tem giáo (tín ngưỡng vật tổ - Đức tin vào mối quan hệ thân bí giữa con người với các sự vật xung quanh); Bái vật giáo, Shaman giáo, Phép phù thủy và ma thuật (gắn với các hình thức ma thuật, yểm bùa, đồng cốt, bói toán...); Đa thần giáo (niềm tin vào nhiều vị thần

khác nhau như trời, đất, thần mưa, thần gió, thần nhà, thần cửa...); Đạo thờ cúng tổ tiên; Đạo thánh (tôn sùng các anh hùng dân tộc, anh hùng địa phương, người có công lớn với dân với nước: Thánh Gióng, Đức thánh Trần, Tản Viên Sơn Thánh, Bà Trưng, Lý Ông Trọng...; Đạo Mẫu (thờ các nữ thần, tứ mẫu (thiên phủ, địa phủ, nhạc phủ (thượng ngàn), thủy phủ (mẫu thoải), Bà chúa xứ và Thiên Yana...)

Thông qua những hoạt động văn hoá tâm linh, con người ta tự tu tâm, tích đức để trở nên tốt đẹp hơn, đoàn kết hơn, hướng thiện hơn, bớt đi cái ác, cái xấu trong lòng. Ý nghĩa tích cực của các hoạt động văn hoá tâm linh được người Việt khai thác rất có hiệu quả vào việc giáo dục các thế hệ con cháu, cố kết cộng đồng, giữ gìn bản sắc, truyền thống. Hoạt động văn hoá tâm linh đã trở thành một nhu cầu văn hoá lành mạnh, đầy tính nhân văn của người Việt Nam.

Hãy lấy tục thờ cúng tổ tiên của người Việt làm ví dụ. Thờ cúng tổ tiên là một nét đẹp trong văn hoá tâm linh của người Việt Nam. Ở phạm vi gia đình và gia tộc, hầu như gia đình Việt Nam nào cũng có bàn thờ tổ tiên. Trong tâm thức của người Việt Nam, ông bà, cha mẹ, những người ruột thịt thân yêu của họ dù có “khuất bóng” nhưng không “mất”. Họ vẫn “sống” trong tình cảm tôn kính, yêu thương, nhớ nhung, gần gũi của người hiện tại. Trong cái không gian thiêng và thời gian thiêng đó, từ sâu thẳm trong tâm hồn của con người, quá khứ và hiện tại bỗng giao hoà, giao cảm vào nhau, rất gần gũi, rất hiện hữu, không có cái cảm giác cách biệt. Có thể nói trong tâm thức người sống, tổ tiên là bất tử và luôn theo dõi, chở che, dẫn dắt con cháu. Vì vậy, người Việt thờ cúng tổ tiên quanh năm. Không chỉ trong các dịp như tang ma, giỗ chạp, cưới xin..., không chỉ trong các ngày tết lễ như Tết nguyên đán, Thanh minh, Hàn thực, Đoan Ngọ..., các ngày Sóc - Vọng (Mùng một, ngày rằm) mà tổ tiên còn được con cháu kính cáo mọi chuyện vui buồn như thi cử, đỗ đạt, ốm đau, sinh nở... hay đơn giản như có hoa trái đầu mùa.

Ở cấp độ quốc gia, người Việt tự bao đời nay luôn hướng về tổ gốc rễ, trở về với cội nguồn của dân tộc qua việc thờ tự các vua Hùng và có ngày quốc giỗ

(mùng 10-3 âm lịch). Ngày giỗ tổ Hùng Vương trở thành ngày hội tụ con cháu khắp mọi miền đất nước hướng về đất Tổ, là sự phát triển cao ý thức “chim có tổ, người có tông”, gắn kết tinh thần đoàn kết dân tộc. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, bất chấp mọi mưu đồ xâm lược, đồng hóa của giặc ngoại xâm, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt từ cấp độ gia đình, dòng họ đến Tổ quốc vẫn không ngừng được gìn giữ và bảo tồn. Tín ngưỡng này đã góp phần tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống như lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tính cộng đồng, cần cù, lòng hiếu học, lòng yêu nước... là một nét đẹp mang đậm bản sắc văn hóa người Việt.

Bên cạnh sự đa dạng, tín ngưỡng trong đời sống có sức sống vô cùng mãnh liệt. Tín ngưỡng ra đời từ xa xưa và ăn sâu, bắt rễ vào tâm thức của mỗi người Việt. Kể cả khi có các loại tôn giáo du nhập vào, tín ngưỡng vẫn chiếm vị trí quan trọng, không thể thay thế và các tôn giáo phải hòa hợp với tín ngưỡng. Ví như trong nhiều gia đình, vừa có bàn thờ Phật vừa có bàn thờ tổ tiên, nhiều quần thể bao gồm cả chùa và đền, hay có người theo một tôn giáo vẫn có thể đi lễ chùa, ăn chay... Các tín ngưỡng và tôn giáo đan xen và hòa đồng, không tranh chấp, kì thị, xung đột. Các tín ngưỡng truyền thống phản ánh đời sống tâm linh đa dạng, phong phú và được bảo tồn, phát huy, có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của dân tộc. Các tín ngưỡng không chỉ góp phần làm nên văn hóa Việt Nam đặc sắc mà có tín ngưỡng đã trở thành niềm tự hào, đóng góp của người Việt cho văn hóa nhân loại. Ngày 06/12/2012, tại kì họp thứ 7, ủy ban Liên chính phủ Công ước 2003 về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể đã chính thức công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Có thể nói cùng với tôn giáo, tín ngưỡng đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt Nam. Với tư cách là một thành tố cấu thành nên văn hóa, tín ngưỡng một mặt tạo nên sự đa dạng, một mặt góp phần lưu giữ, phát triển những giá trị tốt đẹp của văn hóa Việt Nam.

### ***1.2.2. Những biểu hiện khác của “yếu tố tâm linh” trong đời sống xã hội***

Trước đây, nói đến tâm linh là người ta nghĩ ngay đến tín ngưỡng và tôn giáo, thậm chí đồng nhất nó với tín ngưỡng và tôn giáo. Tuy nhiên gần đây rất nhiều ý kiến cho rằng, đời sống tâm linh rộng hơn, phong phú hơn đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Vì ngoài những gì thuộc về tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh còn gắn với những hiện tượng cá biệt, những khả năng khác thường của con người mà khoa học chưa thể giải thích được. Không phải chỉ từ xa xưa, mà ngay cả trong thời đại ngày nay, thời đại của khoa học - công nghệ, thời đại của tri thức và văn minh, những vấn đề của thế giới tâm linh, của đời sống tâm linh vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển, vẫn tiếp tục được đặt ra với không biết bao nhiêu bí ẩn, kêu gọi trí tò mò và cả những thách đố lớn lao đối với khoa học chân chính.

Ở Việt Nam, đời sống tâm linh của người Việt cũng vô cùng phong phú. Chưa nói đến những người có niềm tin tôn giáo, những người mà trong tâm thức của họ lúc nào cũng hiển hiện hình ảnh của Chúa, Phật, Thánh... mà chỉ nói đến những con người bình thường, chúng ta cũng thấy vô vàn những biểu hiện của đời sống tâm linh. Ngày Tết Nguyên đán, dù đi đâu ở đâu, dù xa xôi cách trở, chắc hẳn ai cũng muốn sum họp với gia đình, với người thân, ai cũng muốn quay về với quê hương, cội nguồn để thắp nén hương trên bàn thờ cầu khẩn vong linh của các bậc tiên tổ được siêu thoát, phù hộ độ trì cho con cháu mạnh khỏe, may mắn, ăn nên làm ra. Một người trước lúc đi xa, rất muốn được thắp một nén hương trên bàn thờ tại gia cầu may mắn, bình an. Bước chân vào một nghĩa trang liệt sỹ, không ai không xúc động trước vong linh của những người đã khuất. Đó là chưa kể đến những câu chuyện kỳ lạ như: chụp được ảnh linh hồn, ngoại cảm, thần giao cách cảm, thông linh, gọi hồn, lên đồng, nhập hồn, thoát xác, linh cảm, dự báo... đã và đang xuất hiện rất nhiều hiện nay. Cả những câu chuyện khó tin liên quan đến những anh hùng đã khuất tại những địa danh nổi tiếng như Ngã Ba Đồng Lộc, Mộ chị Võ Thị Sáu...

Năm 1996, do trong đời sống xã hội xuất hiện nhiều hiện tượng liên quan đến những hiện tượng huyền bí, nên Việt Nam đã thành lập một Trung tâm

nghiên cứu tiềm năng con người, thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam do GS. TSKH. Viện sĩ Phạm Minh Hạc, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo làm Viện trưởng. Đến năm 2013, tiếp tục ra mắt Viện nghiên cứu và ứng dụng tiềm năng con người với các bộ môn nghiên cứu liên quan đến đời sống tâm linh như: Bộ môn Cận tâm lý; Bộ môn Khoa học dự báo; Bộ môn Năng lượng sinh học; Bộ môn Nghiên cứu các hiện tượng siêu hình; Bộ môn Phong thủy; Bộ môn Văn hóa phương đông; Bộ môn Dưỡng sinh; Bộ môn phân tích vân tay; Bộ Trắc nghiệm và tư vấn... Kết quả nghiên cứu của các bộ môn này cho thấy những hiện tượng huyền bí trong đời sống là vô cùng phong phú. Mặc dù những kết quả này chưa được khoa học xác nhận, nhưng theo thông báo của Trung tâm này, cho tới nay những nhà ngoại cảm của trung tâm (đặc biệt là các nhà ngoại cảm trong bộ môn cận tâm lý) đã giúp tìm được hơn mười ngàn bộ hài cốt liệt sĩ quy tập về nghĩa trang, và cũng đã thành công trong việc tìm lại mộ của một số danh nhân như tướng quân Hoàng Công Chất, nhà cách mạng Lương Ngọc Quyến, nhà văn Nam Cao, nhà cách mạng Nguyễn Đức Cảnh v.v., cũng như nhiều người khác. Trong nhiều trường hợp trung tâm hoặc người nhà đã đi xác định bằng phương pháp thử ADN (DNA) và cho kết quả chính xác 100%.

### **1.3. Yếu tố tâm linh trong văn học Việt Nam**

#### ***1.3.1. Yếu tố tâm linh trong văn học dân gian Việt Nam***

Văn học dân gian Việt Nam vừa là một bộ phận của văn học dân tộc, vừa là một bộ phận của văn hoá dân gian. Với tư cách văn hoá dân gian, văn học dân gian là một trong nhiều yếu tố văn hoá phi vật thể, nó chứa đựng trong mình nhiều nét đẹp, trong đó có văn hóa tâm linh.

Trong các thể loại của văn học dân gian, hầu như thể loại nào cũng có dấu vết của tín ngưỡng dân gian. Tín ngưỡng ẩn tàng trong truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao... dưới những dạng thức khác nhau. "*Lạc Long Quân - Âu Cơ*" ghi dấu của tín ngưỡng thờ đất, thờ nước, thờ mặt trời, vật tổ - tổ tiên. Truyện cổ tích "*Vọng phu*" với tín ngưỡng thờ đá; Sự tích "*Đầu rau*" với tín ngưỡng thờ lửa. Trong ca dao dân ca, hát vãn gắn với tín ngưỡng hầu đồng; Hát

xoan với tín ngưỡng cầu mưa; Hát then, hát xắc bùa trong những trường hợp khác nhau đều thể hiện niềm tín ngưỡng cầu may, cầu mưa thuận gió hòa, cầu thọ...). Tục ngữ tổng kết kinh nghiệm thực hành tín ngưỡng “*Cha chết gậy tre, mẹ chết gậy vông*”. Ca dao cũng nhắc nhở con người hướng về tổ tiên: “*Dù ai buôn đâu bán đâu, mông chín tháng tám chợ trâu thì về*”, “*Dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba*”...

Dấu ấn của tôn giáo cũng khá rõ trong văn học dân gian. Trong ca dao vẫn còn lưu lại dấu ấn của Phật giáo, nhất là đức tin về nghiệp báo, luân hồi nhân quả:

*Lênh đênh qua cửa Thân Phù  
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

Hay răn dạy xây bảo tháp thờ Phật cũng chưa bằng cứu giúp cho con người thế gian:

*Dù xây chín bậc phù đờ  
Không bằng làm phúc cứu cho một người*

Việc tu tâm dưỡng đức cũng được đề cập:

*Thứ nhất là tu tại gia*

*Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa”*

Trong truyện cổ tích, màu sắc Phật giáo và yếu tố tâm linh xuất hiện rất đậm nét. Lấy truyện *Tám Cám* làm ví dụ. Ông Bụt trong truyện chính là hình ảnh của Phật (Bụt là từ ngữ dân gian, Phật là từ ngữ bác học) từ bi, bác ái, cứu giúp những người hiền lành, khổ cực. Đoạn kết của truyện *Tám Cám* cũng như bao câu chuyện khác mang tư tưởng Phật giáo của nhân dân “*Thiện thắng ác*”, “*Chính nghĩa thắng gian tà*”. Tấm sống lại và trở thành người sau bao lần bị tiêu diệt và hóa thân thành “chim vàng anh, xoan đào, khung cửi, cây thị” chính là dấu ấn của thuyết luân hồi của đạo Phật. Những tư tưởng của đạo Phật đã trở thành chỗ dựa và phương tiện nghệ thuật giúp cho tác giả dân gian thể hiện mơ ước về một xã hội tốt đẹp hơn.

Trong tục ngữ, nhiều giá trị nhân bản cũng được rút ra từ tư tưởng Phật giáo. Triết lí nhân quả, luân hồi báo nghiệp và đức từ bi hỉ xả thể hiện rất nhiều.



Câu tục ngữ “*Đất Bụt mà ném chân trời, chim bay thì mất, đất rơi xuống chùa*” có thể xuất hiện khi Phật Giáo còn rất thịnh ở Việt Nam. “*Thương người như thể thương thân*” xuất phát từ đức từ bi hỉ xả. Triết lí nhân quả cũng được hiểu một cách giản dị như “*Ở hiền gặp lành*”, “*Gieo gió gặp bão*”, “*Không có lửa làm sao có khói*”... Giáo lí luân hồi nghiệp báo được cụ thể như: “*Con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp chướng*”, “*Đời cha ăn mặn, đời con khát nước*”...

Không chỉ Phật giáo mà Đạo giáo, Thiên chúa giáo cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến văn học dân gian. Có thể kể đến các truyện cổ mang màu sắc Đạo giáo như *Từ Thức gặp Tiên*, *Chử Đồng Tử*... Đây là những truyện liên quan đến thần tiên như lạc vào cõi tiên, động tiên, tu tiên, lấy tiên... Thế giới trong những truyện cổ mang màu sắc Đạo giáo thường bắt tử, thể hiện niềm tin của con người vào sự vĩnh hằng và khát khao về sự bất tử của con người.

Sự tồn tại và phát triển của văn học dân gian cho đến nay đã góp phần khẳng định giá trị vai trò của tâm linh đã bám sâu trong đời sống tinh thần của con người, là nét văn hoá không một thế lực nào có thể dập tắt được. Hơn nữa, yếu tố tâm linh trong văn học dân gian còn tác động mạnh mẽ đến văn học viết sau này của dân tộc.

### **1.3.2. Yếu tố tâm linh trong văn học trung đại**

Văn học phản ánh hiện thực thì tất nhiên phản ánh yếu tố tâm linh vào các tác phẩm. Tuy nhiên vị trí của yếu tố tâm linh trong văn học có tính chất lịch sử của nó. Vào thời trung đại, yếu tố tâm linh chiếm địa vị chủ đạo. Các yếu tố tâm linh trong văn học trung đại bao gồm: quan niệm về Trời, Phật, Thần, Tiên; Quan niệm về âm dương ngũ hành; linh hồn - thể xác; tài - mệnh và các vong hồn, linh hồn, ma, quỷ, điềm báo...

Có thể tìm thấy sự xuất hiện rất sớm của yếu tố tâm linh trong những tác phẩm đầu tiên của văn học viết như: *Quốc tộ* (Đỗ Pháp Thuận), *Nam quốc sơn hà* (Lí Thường Kiệt). Bên cạnh cảm hứng chủ đạo là tinh thần yêu nước, các tác phẩm còn vận dụng yếu tố tâm linh để tăng thêm niềm tin của nhân dân và góp phần khẳng định quyền độc lập chính đáng của dân tộc. Bài thơ *Nam quốc sơn*

*hà* của Lý Thường Kiệt là một minh chứng. Vận dụng thuyết thiên mệnh - một học thuyết thể hiện niềm tin tuyệt đối của người cổ đại vào quyền lực của tự nhiên, thứ vô cùng khó lý giải nhưng luôn tác động rất lớn đến đời sống của con người, Lý Thường Kiệt đã khéo léo tác động đến nhận thức của quân xâm lược khiến chúng phải lo sợ mà tự phản tỉnh về hành vi xâm lược của mình.

Ngoài *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt, những tác phẩm văn học giai đoạn từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XV như: *Thiên đô chiếu* (Lí Công Uẩn), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải), *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu) cũng là những tác phẩm vừa thể hiện tài năng văn chương, trí tưởng tượng phong phú vừa cho thấy khả năng dự báo mang đầy tính tâm linh về sự phát triển bền vững lâu dài của đất nước.

Bước sang giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, do lịch sử Việt Nam có những lúc bước vào thời kì đen tối nhất, nên các nhà văn cần đến tưởng tượng để thăng hoa và lạc quan hơn trong cuộc sống. Và để thoát ra khỏi hiện thực cuộc sống chật trội tù túng đó, họ đã thoát ly vào thế giới kỳ ảo, địa hạt của tâm linh. Một số tác phẩm viết bằng chữ Hán và chữ Nôm như: *Bình Ngô đại cáo*, *Quân trung từ mệnh tập* (Nguyễn Trãi), thơ Lê Thánh Tông, thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ) đã vận dụng và khai thác yếu tố tâm linh như một phương tiện để thể hiện khát vọng tự do. Đặc biệt với *Truyện kì mạn lục* yếu tố tâm linh đã giúp Nguyễn Dữ mở rộng ranh giới của không gian, thời gian sang một cảnh giới khác để phần nào thể hiện nguyện vọng của con người về vật chất và tinh thần mà thực tại nhỏ hẹp không thực hiện được.

Giai đoạn từ đầu thế kỷ XVIII đến hết nửa đầu thế kỷ XIX, mặc dù chế độ phong kiến Việt Nam ngày càng khủng hoảng trầm trọng dẫn đến cuộc sống của người dân vô cùng khổ cực... nhưng đây được xem là giai đoạn phát triển tốt bậc, rực rỡ nhất của văn học phong kiến Việt Nam. Văn học là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc, đấu tranh đòi giải phóng con người cá nhân. Các tác phẩm tiêu biểu: *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn; Đoàn Thị Điểm dịch),

*Cung oán ngâm khúc* (Nguyễn Gia Thiều), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ), *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác), thơ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) tuy đều thể hiện cảm hứng xuyên suốt là nhân đạo, nhưng không thể phủ nhận được không khí thời đại đã tác động mạnh mẽ tới đời sống tâm linh của các tác giả. Chẳng hạn xem xét toàn bộ tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều sẽ thấy cảm quan Phật giáo bộc lộ trước hết ở tần số xuất hiện đậm đặc các từ ngữ, thuật ngữ phản ánh quan niệm đời sống nhà Phật như *nước dương, lửa duyên, bể khổ, bến mê, bào ảnh, mối thất tình, tuồng ảo hoá, kiếp phù sinh, cơ thiên, cửa Phật, hoa đàm đước tuệ, túc trái, tiền nhân hậu quả...* Hay đọc *Văn tế thập loại chúng sinh* (còn gọi là *Văn chiêu hồn*) và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng ta sẽ thấy màu sắc Phật giáo thấm đẫm qua từng trang viết. Mặc dù trong các tác phẩm, nhà thơ không hẳn nói về thế giới bên kia, nhưng tư tưởng của ông đã vượt khỏi xứ người lan tới cõi Phật, rồi lại từ cõi Phật lan khắp cõi trần ai, thấm thật sâu vào buồng tim nhân ái của vạn triệu con người.

Ở chặng cuối của văn học trung đại, đất nước rơi vào tay thực dân Pháp. Từ chế độ phong kiến, Việt Nam chuyển sang chế độ thực dân nửa phong kiến và văn hóa phương Tây bắt đầu ảnh hưởng đến xã hội Việt Nam. Lúc này văn học trở lại với cảm hứng xuyên suốt là cảm hứng yêu nước nhưng không mang âm hưởng hào hùng như giai đoạn đầu mà trầm hùng, bi tráng bởi nó ghi lại một thời khổ nhục nhưng vĩ đại, thất bại nhưng vẫn hiên ngang của dân tộc Việt Nam. Các tác phẩm thơ tiêu biểu như: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Chạy giặc...* của Nguyễn Đình Chiểu; Thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Quang Bích, Phan Văn Trị, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Thượng Hiền... và một số tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của đã đem đến những đổi mới bước đầu theo hướng hiện đại hóa. Yếu tố tâm linh vì những đổi thay mang xu hướng hiện đại tưởng sẽ mờ nhạt dần trong văn học, bỗng trở nên đậm đặc trong hầu hết sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu. Từ truyện thơ (*Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp*), đến văn tế (*Văn tế*

*nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định*), hay hầu hết các bài thơ Đường luật đều ít nhiều mang màu sắc tôn giáo (Nho, Phật, Đạo), tín ngưỡng (thờ cúng tổ tiên, thần linh) và cảm quan về âm dương, duyên kiếp, số mệnh, bói toán, phù phép, chiêm bao...

Có thể khẳng định rằng trong văn học trung đại Việt Nam, từ lực lượng sáng tác là vua chúa, quan lại, tầng ni đến lớp sáng tác bình dân đều quan tâm sử dụng yếu tố tâm linh. Văn học chữ Hán như *Đại Việt sử kí toàn thư, Đại Việt thông sử, Lĩnh Nam chích quái, Việt điện u linh, Truyền kì mạn lục, Truyền kì tân phả, Thánh Tông di thảo, Hoàng Lê nhất thống chí* ... đến văn học chữ Nôm như *Truyện Kiều, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Lục Vân Tiên, Thạch Sanh, Tống Trân Cúc Hoa*... đều không bỏ qua yếu tố tâm linh trong tác phẩm.

### **1.3.3. Yếu tố tâm linh trong văn học hiện đại**

#### **1.3.3.1. Yếu tố tâm linh trong văn học từ đầu thế kỷ XX đến 1975**

Khi văn học Việt Nam bước sang thời kì hiện đại, do sự tác động của hoàn cảnh xã hội với sự thâm nhập của các tôn giáo trong đời sống tinh thần của con người từ Bắc chí Nam, từ miền xuôi tới miền ngược, nên sự đa dạng yếu tố tâm linh trong văn học ngày càng nở rộ, với những hình thái đặc trưng in dấu trong từng tác giả, tác phẩm. Các nhà văn lãng mạn chủ nghĩa và hiện thực chủ nghĩa thuộc giai đoạn 1932 - 1945 vừa có thể giới quan khoa học, vừa có yếu tố tâm linh, vẫn miêu tả con người mang tâm linh. Trong phong trào Thơ mới, Hàn Mặc Tử là một trường hợp khá đặc biệt. Tinh thần Phật giáo và Thiên chúa giáo để lại dấu ấn đậm nét trong hầu hết các sáng tác của nhà thơ. Hay như Vũ Hoàng Chương, vốn được mệnh danh là nhà thơ say vẫn mượn ngay giáo lí nhà Phật để diễn tả nội dung tác phẩm với thuyết khổ đế, nhân quả, luân hồi... Trong văn học cách mạng thời kháng chiến chống Pháp, tưởng như không còn chỗ đứng nữa nhưng kết lại thì yếu tố tâm linh vẫn đang có vị trí. Cây bút lớn của trào lưu văn học này như Tô Hữu trong một số bài thơ miêu tả quần chúng cũng có yếu tố tâm linh (bài *Sáng tháng Năm*). Từ năm 1945, Phật Giáo có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng trong đời sống nhân dân, báo chí Phật Giáo phát triển nhất là ở

miền Trung, miền Nam. Nhiều thi ca mang âm hưởng Thiền được đăng trên các tạp chí Viên Âm, Bồ Đề, Từ Quang, Hoàng Pháp, Hải Triều Âm... Những năm 60 ở Miền Nam, thơ Thiền đã dần dần tiếp cận sinh khí Phương Tây và hiện đại hoá. Có thể thấy dấu ấn Thiền có ở cả thơ và nhạc như nhạc Trịnh Công Sơn, thơ Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Phạm Công Thiện...

Sang giai đoạn sau năm 1954, một mặt, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, quan niệm miêu tả đời sống theo quan niệm phản ánh duy vật, mặt khác các hiện tượng tâm linh bị đồng nhất với mê tín dị đoan, để "làm sống lại trong đầu óc người đọc bình thường những quan điểm phản khoa học lỗi thời" nên yếu tố tâm linh xuất hiện một cách mờ nhạt, thưa thớt. Trong suốt thời kì này song song với phong trào chống mê tín dị đoan, xây dựng đời sống văn hóa mới, người ta cho phá hoại nhiều đền miếu, đình làng, nhà thờ họ ở các địa phương. Trong văn học, diễn biến lịch sử trong giai đoạn 45-75 đã tác động lớn đến sự vận động của văn học. Văn học lúc này cần làm tròn sứ mệnh của mình là phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu, phải bám sát vào đời sống thực tế của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, vẫn có thể tìm thấy yếu tố tâm linh trong một số tác phẩm. Ví như bài "*Các vị La Hán chùa Tây Phương*" của Huy Cận còn phảng phất màu sắc Phật giáo qua các pho tượng để gửi gắm những tâm sự, triết lý cuộc đời.

### 1.3.3.2. *Yếu tố tâm linh trong văn học sau 1975*

Từ sau 1975, các yếu tố tâm linh ngày càng thâm nhập vào văn học. Đặc biệt từ thời kì đổi mới sáng tác mang yếu tố tâm linh ngày càng nhiều. Trong "Di cảo thơ" của Chế Lan Viên ta thấy có dấu ấn của tư duy tôn giáo trong những suy tưởng của nhà thơ về sự sống, cái chết, bản ngã. Trí tuệ của nhà thơ muốn chiếm lĩnh cái tận cùng, cái tuyệt đối, cái có ý nghĩa vĩnh hằng nằm sâu trong mọi thăng trầm, biến thiên của cõi nhân gian. Người ta bắt gặp trong thơ Phùng Khắc Bắc biểu tượng ky tô giáo, hay thơ Nguyễn Quang Thiều yếu tố tín ngưỡng tôn giáo đã được mã hoá thành một lớp ngôn từ có sắc thái riêng, những biểu hiện mô típ có xuất xứ từ Kinh Thánh... Không chỉ thơ ca mà văn xuôi thời

kì này cũng chứa đựng yếu tố tâm linh với những mức độ và biểu hiện khác nhau. Các sáng tác của các nhà văn Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Chu Lai, Nguyễn Khắc Trường, Dương Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái, Hòa Vang, Võ Thị Hảo, Nguyễn Xuân Khánh... ngày càng được bạn đọc yêu chuộng, thích thú. Có thể khẳng định rằng yếu tố tâm linh đã ngấm trong tâm hồn mỗi nhà thơ, nhà văn, để trong từng trang viết, từng tác phẩm đã tạo dựng được không gian, thời gian thiêng liêng mang giá trị chân, thiện, mỹ, bi, hài trong cõi huyền sinh, huyền sử. Chính nhờ đó mà người đọc được nghiền ngẫm, suy tư về sự tồn tại của mình trong quy luật của tạo hoá.

Một mặt, tâm linh là hiện tượng tự nhiên trong đời sống, trong văn học truyền thống, nay dùng làm chất liệu sáng tạo mới, khiến người đọc thích thú. Tâm linh đã trở lại với văn học và thể hiện vai trò to lớn của mình: *“không chỉ có tác dụng miêu tả đời sống trong phương thức tồn tại tâm linh, mở rộng khái niệm hiện thực, góp phần kích thích trí tưởng tượng, mà còn nuôi dưỡng tinh thần con người, đi sâu vào những miền mà khoa học chưa thể giải thích, mà cũng không nhất thiết đều phải giải thích của đời sống”* [68].

Với đề tài này, chúng tôi không có điều kiện để tìm hiểu hết yếu tố tâm linh trong từng thể loại, từng giai đoạn cũng như từng tác giả, tác phẩm, mà chủ yếu coi đó là những minh chứng làm nền tảng để tìm hiểu cụ thể *yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*.

#### **1.4. Nhà văn Nguyễn Minh Châu và truyện ngắn của ông sau 1975**

##### **1.4.1. Đôi nét về nhà văn Nguyễn Minh Châu**

**Về tiểu sử:** Nguyễn Minh Châu sinh ngày 20 tháng 10 năm 1930 tại làng Thoi, xã Quỳnh Hải, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Từ nhỏ, Nguyễn Minh Châu đã được tạo điều kiện học hành khá chu đáo. Học ở quê rồi vào Huế, học tiếp đến năm 1945 thi đỗ bằng Thành Chung. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Minh Châu tiếp tục học trung học trong vùng kháng chiến. Đầu năm 1950, khi đang là học sinh chuyên khoa trường Huỳnh Thúc Kháng ở Nghệ Tĩnh, Nguyễn Minh Châu tình nguyện vào quân đội, theo học

trường sĩ quan Trần Quốc Tuấn. Sau đó, ông về công tác ở sư đoàn 320. Năm 1961, ông theo học Trường Văn hóa quân đội ở Lạng Sơn. Năm 1961, ông theo học trường Văn hóa Lạng Sơn. Năm 1962, Nguyễn Minh Châu về công tác tại phòng Văn nghệ quân đội, sau chuyển sang tạp chí Văn nghệ quân đội. Ông được kết nạp vào Hội nhà văn Việt Nam năm 1972. Ông mất ngày 23 tháng 1 năm 1989 tại Hà Nội.

**Về con người:** Nguyễn Minh Châu luôn nhận được sự yêu quý và kính trọng sâu sắc từ những người thân, những người bạn của ông cùng với nhiều người trong giới nghiên cứu đương thời. Họ đã dành cho ông nhiều lời ngợi ca như *“một sự dũng cảm rất điềm đạm”* (Vương Trí Nhàn), *“một chiến sĩ chiến đấu đến cùng cho điều mình nhận thức là đúng”* (Thái Bá Lợi), với vẻ ngoài *“hiền lành, có khi lại còn nhút nhát nữa, nhưng bên trong dường như có một ngọn lửa, ngọn lửa ấy luôn luôn tạo ra sức nóng ở nơi đầu ngọn bút”* (Ngô Vĩnh Bình)...Bề ngoài ông không có gì nổi bật, thậm chí hơi dè dặt, ngần ngại nói trước đám đông. Trong những ghi chép cuối cùng, *Ngồi buồn viết mà chơi* ông viết trong những ngày nằm viện ở Bệnh viện Quân y 108, Nguyễn Minh Châu tự nhận xét về mình: *“Từ lúc còn nhỏ tôi đã là một thằng bé rụt rè và vô cùng nhút nhát. Tôi sợ từ con chuột nhắt cho đến ma quỷ. Sau này lớn lên, đến gần sáu chục tuổi, đến một nơi đông người tôi chỉ muốn lén vào một xó khuất và chỉ có như thế mới cảm thấy được yên ổn và bình tâm như con đé đã chui tọt vào lỗ”*. Nhưng bên trong ông là một con người nhiều ưu tư, trăn trở, có niềm tin vững chắc vào sự lựa chọn của mình và một ý chí kiên định con đường đã lựa chọn, dám chấp nhận những khó khăn, thách thức. Và trên hết, Nguyễn Minh Châu là một người có ý thức sâu sắc về công việc viết văn của mình, về ý thức và trách nhiệm người cầm bút. Với tư cách là một nhà văn - chiến sĩ, Nguyễn Minh Châu đã cống hiến hết mình cho một cuộc sống có ích và sự nghiệp nghệ thuật cao đẹp, xứng đáng là *“niềm hãnh diện của những người cầm bút về một đời văn trong sáng và trọn vẹn”*.

**Về sự nghiệp văn học:** Nguyễn Minh Châu đến với văn học khá muộn, truyện ngắn đầu tay *Sau một buổi tập* được in lúc ông đã 30 tuổi. Con đường văn chương của nhà văn trải dài gần 30 năm với 9 cuốn tiểu thuyết, 4 tập truyện ngắn, 1 tập tiểu luận phê bình và một số bút kí, truyện ngắn khác đăng rải rác trên các báo, tạp chí. Các tác phẩm đã xuất bản gồm : *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1967), *Những vùng trời khác nhau* (tập truyện ngắn, 1970), *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972), *Từ già tuổi thơ* (tiểu thuyết viết cho thiếu nhi, 1974), *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977), *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977), *Những ngày lưu lạc* (tiểu thuyết viết cho thiếu nhi, 1981), *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (tập truyện ngắn, 1983), *Đảo đá kì lạ* (tiểu thuyết viết cho thiếu nhi, 1985), *Bến quê* (tập truyện ngắn, 1985), *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987), *Cỏ lau* (tập truyện, 1989), tập tiểu luận phê bình *Trang giấy trước đèn...*

Trước năm 1975, Nguyễn Minh Châu thuộc một trong số những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn học chống Mĩ. Các cuốn tiểu thuyết *Cửa sông*, *Dấu chân người lính* đã dựng lại một thời đại hào hùng đầy khí thế của dân tộc ta trước kẻ thù. *Cửa sông* là “hình ảnh về quê hương ta trong chiến tranh” (Phong Lê). Đó là câu chuyện in đậm dấu ấn thời sự của một làng quê ở vùng cửa sông ven biển miền Trung vào những ngày đầu cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ. Còn *Dấu chân người lính* lại dựng lại những khung cảnh rộng lớn và hào hùng của cuộc chiến tranh với những cảnh vượt Trường Sơn của các binh đoàn chủ lực, những chiến dịch Khe Sanh - Tà Cơn với những trận chiến ác liệt trên vùng đất Quảng Trị. Hai cuốn tiểu thuyết đã cùng thể hiện cảm hứng sử thi bao trùm thời đại, đồng thời cũng bộc lộ sự nhạy cảm trước những câu chuyện, số phận éo le của con người. Tập truyện ngắn *Những vùng trời khác nhau* gồm bảy truyện ngắn, tất cả đều là những câu chuyện, những hình ảnh người lính, người phụ nữ trong chiến tranh.

Sau 1975, hiện thực cuộc sống mới đòi hỏi văn học phải có sự nhìn nhận toàn diện và thấu đáo hơn. Là một nhà văn luôn có ý thức gắn bó với đời sống,



nhạy cảm với những đổi thay của thời cuộc, Nguyễn Minh Châu đã sớm thể hiện những chuyển biến về tư tưởng và nghệ thuật trong các sáng tác của mình. Các tiểu thuyết *Miền cháy*, *Lửa từ những ngôi nhà*, *Những người đi từ trong rừng ra*, *Mảnh đất tình yêu...*, bên cạnh việc khai thác mảng hiện thực quen thuộc về chiến tranh cách mạng và người lính, ông đã quan tâm đến các vấn đề của thời kì hậu chiến như việc tổ chức lại cuộc sống và làm ăn kinh tế trong thời kì mới, vấn đề giải quyết hậu quả và hàn gắn những vết thương chiến tranh, vấn đề chống lại những tiêu cực mới nảy sinh trong cuộc sống mới...

Nhắc đến Nguyễn Minh Châu không thể không ghi nhận những đóng góp của ông ở mảng truyện ngắn sau 1975. Bằng tài năng và tâm huyết của một nhà văn luôn trăn trở với sự nghiệp văn học nước nhà, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện những thay đổi trong tư duy nghệ thuật của mình qua một loạt truyện ngắn có nhiều tìm tòi, khám phá. Những truyện ngắn của ông thời kì này hầu hết được in trong các tập *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bến quê*, *Cỏ lau* đã tạo nên tiếng vang lớn trong đời sống văn học những năm 1980.

Bên cạnh sáng tác, Nguyễn Minh Châu còn để lại những trang tiểu luận phê bình hết sức sâu sắc được viết rải rác suốt một khoảng thời gian dài, sau này được tập hợp lại trong cuốn *Trang giấy trước đèn*. Các bài viết đã thể hiện những trăn trở, suy tư về nghiệp cầm bút, yêu cầu đổi mới văn học và bộc lộ nhiều khía cạnh trong quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Đây cũng là một minh chứng cho đóng góp đáng kể của ông vào sự chuyển biến ý thức nghệ thuật ở những ngày đầu của thời kì đổi mới.

#### **1.4.2. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975**

Trong sự nghiệp cầm bút của mình, Nguyễn Minh Châu để lại nhiều cuốn tiểu thuyết có tiếng vang nhưng để đánh giá những đóng góp của ông cho công cuộc đổi mới văn học có lẽ nên nhìn vào truyện ngắn, nhất là truyện ngắn được viết sau 1975.

Sau 1975, Nguyễn Minh Châu có 23 truyện ngắn, gồm 8 truyện in trong tập “*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*”, 9 truyện in trong tập “*Bến quê*”, 3

truyện in trong tập “*Cỏ lau*”, 3 truyện đăng trên tạp chí *Văn nghệ quân đội* (*Chú chim, Chợ Tết, Sân cỏ Tây Ban Nha*). So với các truyện viết trước 1975, số lượng truyện giai đoạn sau này không nhiều nhưng có chất lượng vượt trội hơn cả. Đặc biệt một số truyện được người đọc đón nhận và giới phê bình đánh giá cao như *Bức tranh, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Chiếc thuyền ngoài xa, Khách ở quê ra, Cỏ lau, Phiên chợ Giát...* đều thuộc về giai đoạn thứ hai này.

Truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 đã trở thành đề tài cho một cuộc trao đổi được tổ chức ở trụ sở báo Văn Nghệ vào tháng 6 - 1985. Cuộc trao đổi này là một sự kiện văn học, thu hút nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu lớn như Đào Vũ, Bùi Hiền, Phan Cự Đệ, Tô Hoài, Lê Lưu, Vương Trí Nhàn... Có nhiều ý kiến trái chiều được đưa ra. Trong khi có nhà nghiên cứu khẳng định, ngợi ca những tìm tòi, đóng góp lớn của Nguyễn Minh Châu trong thể loại truyện ngắn thì lại có người thể hiện sự trăn trở về cái mới nhưng chưa đủ chín của nhà văn, cho rằng ông còn ngập ngừng, rụt rè... Kết luận hội nghị, nhà văn Đào Vũ thay mặt những người bạn viết thể hiện thái độ: “*Hoan nghênh những tìm tòi của anh, đồng tình những trăn trở của anh, muốn cùng anh đi trên con đường phấn đấu làm sao cho văn học của chúng ta có bề sâu tư tưởng hơn nữa, không hời hợt, dễ dãi...*” [34, tr.380].

Truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 đã mở ra những hướng tiếp cận hiện thực mới. Từ một nhà văn - chiến sĩ, viết nhiều về chiến tranh với khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, Nguyễn Minh Châu dần hướng sự quan tâm vào đời sống thế sự hàng ngày đang ẩn chứa biết bao vấn đề của các quan hệ nhân sinh, đạo đức và số phận con người. *Bức tranh* là tác phẩm đánh dấu bước ngoặt trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu qua hai giai đoạn trước và sau 1975. Thiên truyện này được viết từ 1976, ngay sau khi kết thúc chiến tranh nhưng mãi đến 1982 mới được in. Truyện là cuộc đấu tranh nội tâm để tự thú với chính mình về lỗi lầm và trách nhiệm trước những khổ đau của người khác ở nhân vật họa sĩ. Trong truyện ngắn này, nhà văn có phát hiện về “con người bên trong” của mỗi người đều có phần tốt đẹp và xấu xa: “Trong con

người tôi sống lẫn lộn cả rùng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và quỷ sứ”. Cùng với *Bức tranh*, một loạt truyện ngắn ra đời sau đó đã cho người đọc thấy được nhiều ưu tư trăn trở của ông về cuộc sống và con người, trong đó nổi bật lên vấn đề về sự thức tỉnh của lương tâm để hướng tới cái đẹp và sự hoàn thiện nhân cách. Đó là sự vô tâm và thói ngòi lê đôi mách của những người đàn bà trong khu tập thể đã dẫn đến cái chết của Thoan (*Đưa ăn cắp*), sự vô tâm trong lối ứng xử của con cái đối với cha mẹ (*Mẹ con chị Hằng*), cảnh báo về hậu quả của lối sống gia trưởng (*Giao thừa*), bị kịch đánh mất bản thân mình (*Sấm vai*), mong muốn mỗi người hãy luôn tự đối chứng, tự vấn lương tâm (*Hạng*)... Các truyện như *Khách ở quê ra*, *Sống mãi với cây xanh*, *Cỏ lau*, *Phiên chợ Giát*... còn như muốn bao quát thêm nhiều vấn đề có tính lịch sử vào trong cái nhỏ bé của một đời người. Về nội dung phản ánh, ở các truyện này vấn đề không chỉ là “*một lát cắt của đời sống*” mà đã có tham vọng muốn tái hiện diễn tiến của một cuộc đời, một số phận với nhiều mối quan hệ đan xen phức tạp. Nhà văn dường như muốn thông qua câu chuyện về một cuộc đời mà gợi lên những vấn đề có tầm vóc dân tộc, thời đại.

Những năm 80, Nguyễn Minh Châu vẫn tiếp tục viết về chiến tranh và người lính nhưng với cái nhìn đa diện hơn. Nhà văn có một sự nhận thức lại cuộc chiến đấu và con người thời chống Mĩ qua hàng loạt tác phẩm: *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bức tranh*, *Cơn giông*, *Cỏ lau*, *Mùa trái cóc ở miền Nam*... Ở những tác phẩm này, nhà văn vẫn thể hiện được cái vĩ đại, hào hùng của dân tộc nhưng ông chú ý nhiều hơn đến những mặt gian khổ, hi sinh và nói đến tận cùng điều này. Sự khốc liệt và nghiệt ngã của chiến tranh được trình bày một cách nghiêm túc và đầy đủ, đặc biệt là số phận người lính. Đó là người chiến sĩ trong *Bức tranh*, may mắn trở về nhưng bất hạnh thay mẹ lại bị lừa vì khóc thương nhớ con, là Lự trong *Cỏ lau* cưới vợ được vài ngày thì ra chiến trường, trở về vợ đã lập gia đình và có mấy người con với ông thợ ảnh... Một vấn đề nữa là phẩm chất của người lính. Nếu như những con người tiêu biểu cho thế hệ trước như Kinh, Lữ (*Dấu chân người lính*) đều là những mẫu người lí

tưởng của thời đại thì sau này nhà văn đưa ra một nhận thức mới: thể hệ nào cũng có anh hùng và tiểu nhân. Bên cạnh Lục (*Cỏ lau*) là một chỉ huy anh hùng thì vẫn còn Thái (*Mùa trái cóc ở miền Nam*) đón hèn và ăn bản. Rồi Thăng - Quang (*Con giông*), Thái - Toàn, Lưu - Đĩnh (*Mùa trái cóc ở miền Nam*)... Ngay cả những nhân vật được nhà văn tôn vinh như những anh hùng, những con người thánh thiện vẫn có những khiếm khuyết, thậm chí đón hèn. Hòa (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) là anh hùng nhưng có khiếm khuyết về cơ thể với đôi bàn tay lúc nào cũng dập dính mồ hôi khiến người yêu rất kinh hãi, anh cũng hí hửng khi được thăng cấp, yêu người này, nói xấu người kia... Lục (*Cỏ lau*) anh dũng trong chiến đấu, cao thượng trong tình yêu nhưng vẫn có giây phút nhỏ nhen, thù vặt, nóng nảy dẫn đến cái chết của Phi... Có thể nói Nguyễn Minh Châu đã đem đến những nhận thức không hề đơn giản về chiến tranh và người lính.

Cùng với việc đổi mới cái nhìn về hiện thực, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 cũng có nhiều thay đổi về bút pháp thể hiện. Quan niệm nghệ thuật về con người thay đổi tất yếu kéo theo nhiều sự thay đổi về nghệ thuật biểu đạt: từ nhân vật đến cốt truyện, tình huống, giọng điệu, ngôn ngữ, điểm nhìn... Thế giới nhân vật được mở rộng, cơ bản chia làm hai loại: nhân vật tư tưởng (Phùng, Đầu, người họa sĩ...) và nhân vật số phận - tính cách (người đàn bà hàng chài,...). Cốt truyện cũng đa dạng như cốt truyện dựng trên những nguyên tắc luận đề, cốt truyện sinh hoạt thể sự, cốt truyện dựa vào những số phận đời tư... [30, tr.323]. Tình huống truyện của nhà văn cũng có nhiều sáng tạo, có tình huống tương phản, tình huống thắt nút, tình huống luận đề [30, tr.263]. Giọng điệu trần thuật thay đổi nhiều so với các sáng tác trước 1975: lúc thì thân tình suồng sã, lúc thì hài hước kín đáo, lúc thì nghiêm nghị đến khe khắt, nhưng lúc lại đôn hậu, ám áp [30, tr.223]. Ngôn ngữ mang đậm chất miêu tả, gần gũi với ngôn ngữ của đời sống đồng thời tạo nên tính biểu cảm, biểu trưng [30, tr.287].

Sau thập niên 80, Nguyễn Minh Châu chuyên tâm về thể loại truyện ngắn. Để lí giải cho điều này ta cần phải nhắc đến ý kiến của ông trong cuộc trao đổi

do tuần báo *Văn nghệ* tổ chức: “*Cái đời sống của ngày hôm nay nó bắt tôi phải quan tâm..., tôi muốn dùng ngòi bút tham gia trợ lực vào cuộc giao tranh giữa cái tốt và cái xấu bên trong mỗi người...*”. Và theo như lời ông nói: “*Mỗi truyện ngắn tôi nêu ra một trường hợp cụ thể và xen vào mạch kể chuyện, tôi bàn bạc về quan niệm sống hoặc báo động một điều gì*” [30, tr.294]. Và với những thành tựu đạt được trong thể loại truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu đã đi được một chặng đường dài trong quá trình đổi mới nghệ thuật của mình. Từ đó cũng đặt một phiến đá mở đường cho những thay đổi của văn xuôi thời kì đổi mới.

*\* Tiểu kết*

Tâm linh và văn hóa tâm linh là những khái niệm khá phức tạp. Cùng với việc tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu và sự tìm tòi, đề tài đã đưa ra được khái niệm của riêng mình. Ngoài ra, người viết còn có sự so sánh, liên hệ để vừa làm rõ khái niệm để tránh nhầm lẫn giúp người đọc có cái nhìn khách quan và sự tiếp cận vấn đề dễ dàng nhất.

Biểu hiện của tâm linh trong đời sống và trong văn học vô cùng đa dạng và phong phú. Trong đời sống, tâm linh ngoài việc gắn với tôn giáo, tín ngưỡng còn hiện diện trong rất nhiều biểu tượng, ý niệm và các hoạt động khó lí giải khác như thần giao cách cảm, thông linh, gọi hồn, lên đồng, nhập hồn, thoát xác, linh cảm, dự báo... cả những điều rất gần gũi như lòng yêu nước, yêu chân lí... Trong văn học, yếu tố tâm linh có mặt trong tất cả các giai đoạn từ văn học dân gian đến hiện đại, tuy có giai đoạn do ảnh hưởng của lịch sử mà yếu tố tâm linh mờ nhạt nhưng nó nhanh chóng quay trở lại như một đòi hỏi tất yếu để văn học trở về với bản chất và sứ mệnh của mình.

Nguyễn Minh Châu là một nhà văn có tài và có tâm. Thành công ở mảng truyện ngắn sau 1975 đã đưa Nguyễn Minh Châu lên vị trí “người mở đường tài năng và tinh anh” của văn học thời kì đổi mới. Với vai trò ấy, Nguyễn Minh Châu đã góp công là một trong số các nhà văn đưa yếu tố tâm linh trở lại với văn học sau một thời gian dài vắng bóng.

Qua việc tìm hiểu các khái niệm tâm linh, văn hóa tâm linh và các biểu hiện của yếu tố tâm linh trong đời sống xã hội và văn học Việt Nam các giai đoạn, đề tài nhận thấy việc nghiên cứu về yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu là có cơ sở khoa học và cần thiết.

## Chương 2

### SỰ HIỆN DIỆN VÀ GIÁ TRỊ CỦA YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975

#### 2.1. Biểu hiện của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975

##### 2.1.1. Yếu tố tâm linh xuất hiện như một niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng

###### 2.1.1.1. Cảm quan tôn giáo

Trên thực tế, mối quan hệ giữa văn học và tôn giáo là mối quan hệ đã được kiểm nghiệm qua thời gian. Từ lâu, tôn giáo đã trở thành một nguồn mạch khơi dậy những cảm hứng cho văn học, góp phần tạo nên nhiều kỳ tích cho văn học nghệ thuật. Trong văn học thế giới, chúng ta từng có những tác phẩm văn học nổi tiếng lấy hình tượng tôn giáo làm đối tượng khám phá như *Những người khốn khổ*, *Nhà thờ Đức bà* của Vích to Huy Gô, *Tiếng chim hót trong bụi mận gai* của Colleen McCullough. Trong văn học Việt Nam, ở văn học Trung đại, văn học các đời Lý, Trần, đều gắn liền với cảm quan Phật giáo. Đến văn học hiện đại và đương đại, hình ảnh, tư tưởng tôn giáo tiếp tục có mặt trong các tác phẩm văn học có tiếng vang như *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo, *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh, *Cõi người rung chuông tận thế*, *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* của Hồ Anh Thái... Tác giả N.I.Niculin khi nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo và văn học Việt Nam cũng đặc biệt nhấn mạnh: “Chỉ đến thời kỳ đổi mới, nghĩa là từ nửa sau những năm 1980, các nhà văn Việt Nam đã trở nên dửng dưng hơn khi viết chủ đề tôn giáo”[60, tr.18].

Vậy với Nguyễn Minh Châu - một người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, một người mà sự nghiệp văn chương luôn gắn liền với những bước đi của nền văn học dân tộc thì sao? Liệu Nguyễn Minh Châu có phải là người mượn cảm quan tôn giáo để khắc họa nên những con người thế tục đậm chất hiện sinh như một số tác gia văn xuôi đương đại? Ông có phải là người cảm thấy bất lực, đổ vỡ trước hiện thực bắt đầu đầy rẫy cái ác, đầy rẫy sự giả dối lọc

lừa... mà phải tìm đến tôn giáo? Ông có phải là một trong những nhà văn sớm nhận ra việc con người trong thế giới hiện đại đang mất niềm tin khi đối diện với sự khốc liệt và hỗn loạn của cuộc sống, nên đã dựng nên một thế giới nghệ thuật riêng, không chỉ phản ánh thực tại khách quan mà thể hiện một cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm về con người và cuộc đời? Ông có phải là nhà văn nhận ra việc con người bắt đầu cảm thấy hoang mang và cô độc ngay khi đang sống giữa những đồng đội, đồng chí của mình?...

Trong sáng tác văn học giai đoạn sau 1975, trên tinh thần đổi mới tư duy cũng như quan niệm nghệ thuật, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã bày tỏ khá dứt khoát và sắc sảo về vai trò của nhà văn và sứ mệnh của văn chương. Ông viết: *“Nhà văn tồn tại ở trên đời có lẽ trước hết là vì thế: để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những người cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn con người ta đến chân tường, những con người cả tâm hồn và thể xác bị hất hủi và đoạ đày đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực”* (Ngồi buồn mà chơi). Thậm chí ông còn gay gắt khẳng định: *“Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cảm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống”* (Phỏng vấn đầu xuân 1986).

Cùng với tinh thần đổi mới tư duy cũng như quan niệm nghệ thuật, dễ dàng nhận thấy ảnh hưởng của một số tư tưởng tôn giáo (đặc biệt là Phật giáo) đối với ngòi bút Nguyễn Minh Châu. Tất nhiên sự ảnh hưởng này thường không được biểu hiện ở trạng thái đơn giản, trực tiếp, dễ thấy, mà luôn ở trạng thái phức tạp gián tiếp khó thấy. Đó là cách tạo dựng hình tượng không gian,



hình tượng thời gian, hình tượng nhân vật; Là sự chuyển tải những chiêm nghiệm thế sự, nhân sinh mang tầm phổ quát của những giáo lý, giáo luật (như Luật nhân quả, tinh thần sám hối của Phật giáo; Thuyết ác giả ác báo ...); Là những hình ảnh đẹp đẽ, cao cả, tràn đầy tinh thần hướng thiện và hướng thượng; là điểm tựa để con người lấy lại niềm tin về những điều tốt đẹp vẫn còn tồn tại trong cuộc đời. Đó là những thông điệp sâu sắc mà nhà văn Nguyễn Minh Châu đã gửi đến bạn đọc khi dùng cảm quan và đức tin tôn giáo để nói về những vấn đề của con người.

Để minh chứng cho điều này, chúng tôi đã làm một phép thống kê, trong số 23 tác phẩm truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975, có tới 21 lần ông nói đến sám hối, 09 lần ông nhắc đến Luật nhân quả, nghiệp báo, luân hồi; 08 lần ông nhắc đến Phật, đến từ bi, bác ái, vị tha....và 05 lần ông nhắc đến đạo Thiên chúa và Tin lành. Có thể sự xuất hiện yếu tố tâm linh gắn với những cảm quan tôn giáo trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 không nhiều, nhưng mỗi lần xuất hiện đều chứa đầy quan niệm và những cách diễn đạt mới mẻ.

*Bức tranh* là câu chuyện kể về một họa sĩ trong thời kì chiến tranh chống Mỹ. Ông đang công tác ở chiến trường miền Tây Nam bộ nhận được lệnh trên ra Bắc để chuẩn bị dự cuộc triển lãm tranh ở nước ngoài. Trên đường đi, lúc dừng chân ở một cái trạm giữa rừng có một anh chiến sĩ nhờ ông vẽ cho bức chân dung, nhưng ông đã từ chối. Hôm sau, anh chiến sĩ ấy lại là người đến thò tranh cho ông và cứu ông thoát khỏi tai nạn nguy hiểm. Hối hận, ông đã vẽ cho anh bức chân dung và hứa sẽ đem về đưa tận tay mẹ anh. Nhưng rồi ông lại quên lời hứa, đem bức tranh đóng góp cho triển lãm và ông được nổi tiếng. Tám năm sau, tình cờ họa sĩ gặp lại anh chiến sĩ năm xưa, nay là thợ cắt tóc, khi ông vào quán cắt tóc. Ông chợt nhớ lại mọi chuyện cũ, ray rứt không yên, một cuộc đấu tranh nội tâm diễn ra trong ông để cuối cùng ông phải tự thú với chính mình về những việc đã làm và vẽ bức chân dung bộ mặt bên trong của chính ông để thay cho lời tự thú.

Trong truyện, người họa sĩ đã hai lần gây lỗi và hai lần thể hiện sự sám hối của mình. Điều đó bộc lộ qua hai lần vẽ tranh. Lần thứ nhất, ông vẽ chân dung người chiến sĩ. Ông vẽ bức tranh này thể hiện lòng hối hận và sự biết ơn chân thành của mình, khi ông tỏ vẻ là một con người cao ngạo hay tự ái, không biết thông cảm cho anh chiến sĩ, người đã thò tranh cho ông và cứu ông thoát chết. Anh chiến sĩ ấy lúc vừa gặp ông đã nhờ vẽ bức chân dung để gửi về cho mẹ mình nhưng ông đã từ chối. Giờ đây trước cử chỉ đẹp của anh lính, ông họa sĩ day dứt nhìn lại mình ông đã cảm thấy mình quá nhỏ bé trước hành động độ lượng của người chiến sĩ. Và vượt qua mặc cảm kiêu ngạo ông đã nhận lỗi "*Tôi xin lỗi đồng chí... thế nào tôi cũng phải vẽ cho đồng chí. Một bức, thật đẹp*" [5, tr.121]. Tuy là người tự cao nhưng họa sĩ cũng có nét đáng quý là biết nhận lỗi và sửa lỗi. Bức tranh này ông vẽ để biểu hiện sự hối hận, như lời tự thú đầu tiên của cuộc đời ông từ những năm tháng còn chiến tranh. Không nhằm dụng ý làm nghệ thuật, song ông đã dồn vào bức tranh tất cả sự ngưỡng mộ, lòng hối hận chân thành của mình chỉ trong ba mươi phút, bức tranh người chiến sĩ giải phóng đã hoàn thành. Bức tranh ấy mang nét đẹp kiên cường bất khuất của người chiến sĩ giải phóng đầy lòng độ lượng và cả nét đẹp trong tâm hồn của người họa sĩ. Có lẽ vì thế mà nó trở thành tuyệt tác, trở thành đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Lần thứ hai, ông đã thất hứa, không đem bức tranh về cho bà mẹ luôn ngóng tin con mà lại đóng gói đem bức tranh đi triển lãm. Ông đã thành đạt trên sự đau khổ của người khác. Với tâm trạng tội lỗi ấy, cuối cùng họa sĩ cũng đã nhận ra sau tám năm, khi tình cờ gặp lại anh lính năm xưa trong cửa hiệu cắt tóc. Họa sĩ đã trải qua một cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt, quyết liệt. Ông đã phải tự chất vấn mình nhiều khi tưởng tượng những cuộc đối thoại với anh lính rồi tìm cách biện hộ cho việc làm của mình. Ông đã định trốn thoát sự ám ảnh ấy nhưng vẫn không trốn thoát được. Nhất là khi ông biết được bà mẹ anh chiến sĩ đã bị lừa mắt trong đó ông có một phần gây ra. Bởi bà mẹ vì tưởng con mình chết khóc than đến lừa mắt. Từng lúc con người xấu, con người tốt trong ông đã đấu

tranh lẫn nhau. Khi cái xấu bảo ông trốn, hay lấy tiền để chuộc tội, lúc cái tốt khuyên ông đừng mà phải thú nhận. Và đáng mừng thay cuối cùng phần thiện đã thắng: *"Tôi xin nhận đã gây thêm đau khổ cho bà mẹ anh. Tôi đã lừa dối anh. Tôi thu thêm được nhiều tiền của và tiếng tăm trên sự đau khổ của anh"* [5, tr.133]. Trước tòa án lương tâm người họa sĩ đã thú tội, ông đã nhìn ra được cái xấu trong con người mình để vượt qua và vươn tới cái thiện, cái tốt đẹp. Và cũng như lần trước, Ông bày tỏ sự hối hận bằng cách vẽ tranh. Nhưng lần này không phải vẽ ai mà ông vẽ chính mình, tự họa bức tranh thể hiện cái bộ mặt bên trong của chính ông. Bức tranh thay cho lời sám hối được tác giả phác họa bằng những dòng nét thật kì lạ: *"một cái mặt người rất lém... một nửa... tốt rọp, một nửa... da cắt... khuôn mặt... mặt nạ"* [5, tr.135]. Những đường nét ấy thể hiện cả thế giới tâm hồn đang sống lẫn lộn *"giữa người tốt, kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ"* [5, tr.133]. Đó là kết quả của quá trình tự đấu tranh thật gay go, quyết liệt, không khoan nhượng của bản thân mình, bức họa ấy là khuôn mặt xấu xí, lạ lùng, khuôn mặt bên trong của người họa sĩ. Ở đây họa sĩ đã dám tự mình lột cái mặt của chính mình, phơi bày tất cả mọi cái xấu xa qua bức chân dung tự họa. Đây chính là kết quả của một cuộc sám hối, là lời tự thú chân thành của một tâm hồn biết hướng thiện. Thông qua bức tranh nhà văn muốn nêu lên một quy luật: Cuộc đấu tranh nội tâm luôn diễn ra với mọi người. cuộc đấu tranh này không đơn giản dễ dàng. Bởi cái xấu, cái tốt, thiên thần và ác quỷ, rồng phượng và rắn rết rất khó tiêu diệt trong ta nên như chúng ta không có trong lòng ánh sáng mạnh mẽ của luồng tâm, của những phẩm chất cao đẹp soi rọi. Tác phẩm là bức thông điệp mà Nguyễn Minh Châu muốn nhắc nhở chúng ta từng lúc phải biết tự suy nghĩ về chính mình, tự đấu tranh để vượt qua cái xấu trong mỗi con người mình mà hướng tới cái thiện, cái tốt. *"Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình"* [5, tr.134]

Quý trong *Người đàn bà trên chuyền tàu tốc hành* cũng không ít lần sám hối về những gì mình gây ra. Toàn bộ tuyển truyện *Người đàn bà trên chuyền*

*tàu tốc hành* diễn biến theo lời kể - là những hồi tưởng đậm nhất về một quãng tuổi xuân, đáng ghi nhớ nhất của nhân vật chính, mà điểm hội tụ của nó là những mối tình của Quỳ. Nguyễn Minh Châu đã chọn cho câu chuyện của mình lời kể chuyện chân tình như lời tự thú, sám hối của nhân vật chính. Lớn lên lúc đất nước bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt, Quỳ đã khoác ba lô đi vào Trường Sơn và trong cánh rừng đầy khói bom lửa đạn ấy, chị trải qua đủ mọi công việc: đánh máy, diễn viên văn công, cấp dưỡng, in litô, y tá, giao liên, chụp ảnh, viết báo... Vốn là một thiếu nữ đẹp, lại thông minh, sáng ý, có một lối sống “rất tự nhiên, thoải mái, tận tâm với mọi việc và hết lòng với mọi người”, Quỳ đi đâu cũng có người yêu và được cưng chiều như nàng công chúa ngủ trong rừng. Với tất cả sự nồng nhiệt của tuổi trẻ, sự khác thường của tính cách, lại trong hoàn cảnh cuộc chiến, tình yêu của Quỳ đầy éo le.

Quỳ tìm thấy ở Hòa- một trung đoàn trưởng 29 tuổi đẹp trai, một con người lí tưởng trong tình yêu đời mình. Chị si mê anh, ngưỡng mộ anh, một thứ si mê như con chiên trước Chúa. Choáng ngợp trước Hòa, mặt Quỳ “*lúc nóng bừng bừng như vừa được lôi trong lửa ra, lúc tái nhợt như vừa vớt dưới nước lên*” [5, tr.151] như “một kẻ mất hồn” và chị đã chủ động bày tỏ tình yêu bằng cách van lạy như một con nô lệ vừa rút súng K54 ra dọa...nhưng Quỳ đã thất vọng trước con người ấy bởi anh không phải là một thánh nhân mà chỉ là một con người bình thường. Anh cũng mừng rỡ, hí hửng lúc được thăng cấp, cũng ăn ngủ, đi lại như ai, cũng chăn một đàn gà riêng, cũng mặc quần “xà lòn” và bàn tay lúc nào cũng dập dính mồ hôi. Quỳ không thích đặt người yêu của mình trong dòng trôi chảy bình thường của cuộc chiến, không muốn nhìn người yêu như một người trần đang sống giữa cuộc đời, để cuối cùng chị đã “đá” Hòa. Nhưng khi chị kịp nhận ra rằng chẳng có thánh nhân nào trong tình yêu, khi chị phải buộc chấp nhận những cái tầm thường ấy ở anh thì đã muộn. Hòa bị thương nặng, khó có thể qua khỏi. Những ngày cuối đời Hòa ở nhà thương là những ngày Quỳ phải sống trong tâm trạng đầy âu lo, đau đớn, dằn vặt. Chị làm tất cả để cố giữ người yêu bên mình “*Tôi quyết tâm dấn thân vào giữa cõi chết để*

giành lấy anh ấy trở về, giành lấy tình yêu, trí tuệ và sự sống trở về” [5, tr.159]. Khi Hòa sống thêm được bốn ngày với cơ thể nát như, Quỳ đã bối rối: “*Anh ấy vẫn sống được...là do công tác hậu phẫu tuyệt vời của bác sĩ Thương và tất cả anh chị em của trạm phẫu thuật, hay là do tôi, sự có mặt của tôi, sự ăn năn hối hận của tôi, sự cầu xin của tôi, tình yêu chân thành tha thiết như tôn giáo của tôi...*”[5, tr.155]. Hòa hi sinh để lại trong Quỳ niềm ân hận lớn lao, nỗi đau quá lớn dồn nén không bật thành tiếng khóc. Để rồi, suốt phần đời còn lại - khi chiến tranh kết thúc - đã được Quỳ sử dụng để sửa chữa lỗi lầm của mình như dập một đám cháy do chính tình yêu của mình gây ra. Quỳ lấy Ph - một người bạn mà khi còn sống Hòa rất ngưỡng mộ, một tài năng của đất nước - để mong biến ước mơ của Hòa thành hiện thực.

Tình yêu thứ hai Quỳ nhắc đến là Hậu, một đồng đội. Anh là một người hiền hậu, ít nói, bình thường, không có gì nổi trội, thậm chí thô vụng. Với Hậu, Quỳ như người trên cao nhìn xuống, sẵn sàng đón nhận tất cả sự quan tâm săn sóc đến chi tiết, chu đáo của anh mà không một mảy may rung động. Chị không chấp nhận cái tầm thường ấy của anh. Nhưng một lần nữa, Quỳ lại phải đau đớn nhận ra rằng con người ấy là một “thánh nhân” trong tình yêu. Anh đã yêu Quỳ bằng tình yêu của tất cả những người yêu chị cộng lại, một tình yêu thâm lặng, dẫu biết rằng nó không bao giờ được đáp lại. Anh đã yêu chị bằng hành động dũng cảm hy sinh thân mình để cứu chị khỏi cái chết. Khi biết được tình yêu ấy, Quỳ đã day dứt: “*Đời tôi là một chuỗi những điều làm lẫn và đại đột khiến xúc phạm đến chung quanh. Lắm lúc tôi nhận thấy chung quanh vẫn quý mến, vẫn cho tôi là một người tốt, chỉ vì lòng độ lượng của người đời quá lớn...*” [5, tr.177]. Và để sửa chữa sự vô tâm, lầm lỗi của mình, mặc dù không yêu Hậu nhưng Quỳ đã nói với mẹ Hậu cô là người yêu của Hậu “*...tôi đã làm theo một cái gì như lời kêu gọi của trái tim tôi, một nhu cầu riêng của tôi. Tôi đã nói dối bằng tất cả tâm lòng chân thành của tôi với vong linh của Hậu*” [5, tr.178]. Quỳ đã coi mẹ Hậu là người mẹ thứ hai, đi lại thăm hỏi trong một mối ân tình đặc biệt. Điều đó xem như một sự sám hối ý nghĩa của chị với người đã khuất.

Hay nhân vật Lực trong *Cỏ lau* - một người chỉ huy dày dạn trên chiến trường cũng không tránh khỏi những phút làm lỡ để lại nỗi ân hận sau này. Trong một phút nóng giận vì sự vô lí của chính ủy trung đoàn, giận cá bằm thớt, Lực đã chỉ thị cho Phi - một chiến sĩ liên lạc mới được bổ sung có hai ngày - lên dinh tỉnh trưởng trong làn mưa bom bão đạn chỉ để thực hiện một nhiệm vụ còn con là mời đồng chí ấy xuống nghe báo cáo. Phi đã chấp hành lệnh của cấp trên, lao mình ra khỏi hầm chữ Y trong làn đạn pháo tăng 57 ly, 37 ly đang bắn ù tai, long óc. Phi bị thương nặng và hi sinh. Khi Lực sực tỉnh ra thì mọi chuyện đã quá muộn màng. Chỉ một câu lệnh của Lực đã giết chết Phi và ít nhất một đồng chí khác ở mặt trận ấy. Sau này, gặp Phi Phi - người yêu của Phi - Lực đã nói ra tất cả sự thật, không hề gượng nhẹ một lời nào cho mình về chuyện mình đã giết một con người: *“Chỉ vì một cơn giận với người khác, lại một chút tư thù đầy nhỏ nhen với người lính mà tôi đã đưa người lính đi vào chỗ chết”* [5, tr.513]. Lời thú tội ấy chấm dứt cũng là lúc Lực nhận sự trừng phạt: *“Tôi thấy hai bên má bỏng rát, mắt đỏ hoa. Phi Phi nhảy bổ vào tôi như một con thú đầy giận giữ, giang tay tát tới tấp, vừa tát vừa nguyên rửa...”* [5, tr.513]. Và suốt thời gian còn lại, người lính già đã thực hiện nhiệm vụ cao cả là đi tìm và quy tập xương cốt của đồng đội mình. Đó không chỉ đơn thuần là công tác thời hậu chiến mà còn là một nghĩa cử chân thành để đền đáp cho những gì mà ông gây ra.

Sư già Thiện Linh trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* cũng mang trong mình một nỗi day dứt khôn nguôi về người con - trung đoàn trưởng Toàn. Khi quyết định theo chồng và con vào trong miền Nam sinh sống, bà đã ngỏ lời muốn Toàn cũng đi, nhưng những gì bà nhận lại là thái độ phản ứng gay gắt của Toàn. Toàn đuổi mẹ và từ đó không thèm nhìn mặt mẹ nữa. Sư già hồi tưởng lại: *“...lúc tôi được hưởng hạnh phúc quây quần bên chồng con, muốn gì có nấy, ăn tiêu thừa thãi, nhà cửa sang trọng, cũng như lúc một mình một bóng...lúc nào cũng như đau tận trong cuống ruột, nghĩ rằng mình là một bà mẹ hư hỏng, sa đọa, đáng bỏ đi, hơn nữa, một kẻ thù của con tôi, cái đứa con trai yêu quý nhất của mình... Có phải đây là tội lỗi hay là số phận...”* [5, tr.541]. Để chuộc lại lỗi

lầm của mình, bà không biết làm gì hơn ngoài tụng kinh ngày đêm. Và bà quyết định tìm đến con sau 20 năm xa cách, sẵn sàng đón nhận thái độ lạnh nhạt, kiêu cách của con mà không hề trách móc. Bà nhìn con mà như nhìn một đức thánh: *“Bên kia khung cửa đèn nến sáng trưng thấp thoáng một vài bóng bộ đội Việt cộng đang ngồi, có một đức thánh chí tôn bằng xương bằng thịt suốt hai mươi năm nay bà đi tìm, để ăn mày tình thương và cầu xin được tha thứ”* [5, tr.536]. Kết thúc tác phẩm, bà đi ăn xin để mong nhận được tình thương, lòng độ lượng của thiên hạ để phần nào giải thoát cho tâm hồn mình.

Không chỉ có người họa sĩ, Quỳ, Lục, sư già Thiện Linh mà còn nhiều nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 thể hiện sự ăn năn, hối hận về sai lầm của mình. Đó là Nhĩ trong *Bến quê* trong những ngày cuối đời trên giường bệnh, lần đầu tiên thấy vợ mặc tấm áo vá đã thấy có lỗi: *“...Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm...”* [5, tr.322] hay Quang trong *Con giông* kẻ đã từng phản bội nay cải tạo tốt và dần trở thành người của ta... Viết về sự sám hối của con người, Nguyễn Minh Châu không nhằm gợi lại những sai lầm của họ trong quá khứ, mà quan trọng hơn để cho người đọc thấy rằng sám hối là pháp thanh lọc tâm hồn, là nền tảng để thăng hoa cuộc sống đạo đức.

Phật thường dạy rằng: *“Phàm tất cả chúng sinh còn xuống lên trong ba cõi, lăn lộn trong sáu đường thì không một loài nào được hoàn toàn trong sạch, không một giống nào dứt hết tội lỗi sai lầm”*. Song có một điều, con người không phải lúc nào cũng có thể tự nhận ra được tội lỗi của mình, mà đôi khi phải nhờ vào ánh sáng của một nhân cách khác, đó là lòng độ lượng, từ bi. Trong *Bức tranh*, chính có luồng ánh sáng từ nhân cách cao thượng của người chiến sĩ đã giúp cho ông họa sĩ soi rọi lại mình. Trong suốt tác phẩm nhà văn để cho anh im lặng. Từ lúc bị từ chối khi anh nhờ họa sĩ vẽ chân dung, anh chỉ "lặng lẽ đi xuống đồi" đến lúc gặp lại họa sĩ, bao nhiêu lần ông ta đến, bao nhiêu lần khơi gợi, anh lính vẫn lặng im. Khi họa sĩ nhận lỗi và sẵn sàng chờ đợi sự trừng phạt thì anh lính phản hồi: *“Nếu tôi xử phạt anh, nếu tôi thực hiện cái quan niệm về luật công bằng ở đời của anh, thì cái hôm đó, tám năm trước đây, khi quay lại*

đón anh giữa suối, tôi đã xốc ngược anh lên rồi vút tồm vào khúc suối giữa bãi đá tai mèo rồi” [5, tr.133]. Và cuộc nói chuyện giữa hai người không phải là lần đầu anh gặp người họa sĩ sau giải phóng : “Tôi vẫn thường gặp mặt anh ở ngoài đường luôn luôn đấy chứ! Một lần tôi đứng xem anh kí họa phố cổ. Một lần tôi đến xem phòng trưng bày tranh của anh. Một lần khác, tôi đi theo mấy người bạn làm xưởng vô tuyến truyền hình đến quay chỗ xưởng làm việc và gian phòng riêng của anh...” [5, tr.134] nhưng chẳng lần nào anh khơi lại chuyện cũ hay tìm cách chứng tỏ sự có mặt của mình. Sự im lặng ấy thể hiện anh là một con người cao thượng, giàu lòng độ lượng, lúc là anh bộ đội hay là thợ cắt tóc, anh vẫn lặng lẽ sống một cách âm thầm như thế để mọi người chung quanh tự phán xét lấy việc làm của mình. Anh chiến sĩ tượng trưng cho ánh sáng lương tâm, là tấm gương cho họa sĩ xem lại mình : “Cái cách cư xử của người chiến sĩ đối với tôi chỉ có thể giải thích bằng lòng độ lượng...Bây giờ đây thì chính tôi, một kẻ bề trên, đang được một người dưới tỏ ra độ lượng với chính mình” [5, tr.121]. Họa sĩ và chiến sĩ cặp nhân vật sóng đôi đối lập bổ sung đã thể hiện lòng tin của Nguyễn Minh Châu đối với lòng tốt của con người. Ông tin rằng trong tận đáy lòng của mỗi người, dầu thế nào thì cũng còn có lương tâm, còn điều thiện, ông đã cố đi tìm những hạt ngọc đang ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn mỗi con người chúng ta, khơi gợi để nó tỏa sáng, giúp ta sống ngày một tốt đẹp hơn.

Thuyết nhân quả - báo ứng của Phật giáo cũng có một ảnh hưởng lớn trong đời sống xã hội. Theo quan niệm của Phật giáo, mỗi người khi sinh ra đều có một nghiệp chướng nào đó. Nghiệp là hành động do con người tạo ra và theo luật nhân quả thì nghiệp thế nào sẽ sinh ra quả như vậy. Bởi vậy dân gian vẫn có câu “Ở hiền, gặp lành” hay “Ác giả, ác báo”. Nguyễn Minh Châu cũng đã nhiều lần trong tác phẩm của mình nói về thuyết nhân quả. Trong truyện ngắn *Bức tranh* hai lần nhân vật người họa sĩ ngẫm về những gì mình đã làm trong quá khứ và chiêm nghiệm. Lần thứ nhất: “Xưa nay tôi vẫn quan niệm rằng: sống ở đời, cho thế nào thì nhận thế ấy” [5, tr.121]. Lần thứ hai, trong cuộc nói chuyện với anh thợ cắt tóc: “Bây giờ trước mặt tôi, anh nghĩ thế nào về cái luật công



bằng ở đời của anh: Cho thế nào thì nhận thế ấy?” [5, tr.133]. Cho và nhận ở đây chính là nhân quả. Hay trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*, bà Ngan đã phải hứng chịu nghiệp chướng từ đời cha để lại: “Bà là một người đàn bà trời đất sinh ra để thừa sức làm một người vợ đảm đang và một người mẹ hiền từ sẵn lòng hi sinh vì con cái, nhưng vì lẽ ông bố bà ngày trước đây làm nghề bán thịt chó ở một phố huyện, những con chó mà hồi nhỏ bà đã trông thấy treo chúc đầu xuống bằng một cái móc sắt, thui vàng ươm, nhe ra những chiếc răng trắng nhọn, cả một bầy chó thui cứ nhè số phận đứa con gái cuối cùng của người bán thịt chó mà đớp, mà cắn xé. Hai mươi tám tuổi, bà đã hai đời chồng, con trai con gái - nếp tẻ đều có, nhưng nhắc đến làm gì, nhớ làm gì, bây giờ sống ở trên đời bà chỉ còn hai niềm vui là được chăm nom, giúp đỡ ông hàng xóm và thỉnh thoảng bà Oản và Đom...đến thăm bà” [5, tr.442]. Vì cha sát sinh gây tội mà bà Ngan đã sống cuộc đời hẩm hiu, đúng như cô nhân có câu: “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”.

“Ác giả - ác báo” nhưng “Ở hiền cũng sẽ gặp lành”. Qua hình tượng nhân vật bác Thông - người có khả năng trò chuyện với cây cối, đất đai, Nguyễn Minh Châu như nhắn gửi chúng ta một quan niệm sống: khi con người sống thân thiện, giao hòa với thiên nhiên, với môi trường sống xung quanh, con người sẽ có một cuộc sống viên mãn, hạnh phúc.

Không chỉ có niềm tin Phật giáo mà những ý niệm của Đạo giáo, Thiên chúa giáo cũng xuất hiện trong các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975. Lão Khúng trong *Phiên chợ Giát* khi đưa con Khoang đi chợ bán trong buổi sáng sớm đã quan sát rất lâu trên bầu trời. Lão thấy có một ngôi sao sa ở mép trời mà suy nghĩ, trăn trở rất nhiều. “Phải không, như thế là điềm báo vừa có một người chết? Trên mặt đất mệnh mông vô tận này có ai vừa mới chết, hoặc sắp chết?”

Ngôi sao vừa sa xuống đó chắc hẳn không phải là điềm trời báo hiệu rằng con Khoang đến nhà lão Khúng sắp tử. Lão tin chắc như thế. Bởi lẽ Nam Tào, Bắc Đẩu họa là có rảnh rồi lăm lăm mới làm cái việc ấy...

*Hay ngôi sao sa vừa rồi là ngôi sao của con lão, đây là vết đường đi về cõi trời của một anh hùng cứu quốc, của chính thằng Dũng cầm súng bên chiến trường Campuchia?...Hay là điềm báo trước cho lão biết: lão sắp chết?” [5, tr.592].*

Đó là một ý niệm thiêng liêng cơ bản của Đạo giáo. Những người đạo sỹ sống hòa cùng thiên nhiên, đêm ngày họ ngắm trăng sao, trời đất, họ suy ngẫm cho rằng mỗi con người sống gắn liền với một vì sao nhấp nháy trên trời, vì sao ấy tắt thì người ấy qua đời. Một điều phổ biến nữa là người Việt trước đây hay thờ sao Nam Tào, Bắc Đẩu, coi đây là hai vị quan trên trời coi sổ sinh tử.

Biểu hiện Thiên chúa giáo cũng xuất hiện trong những trang viết của Nguyễn Minh Châu trong việc xây dựng nhân vật theo đạo như người mẹ trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*: “Ông ạ, gia đình cha mẹ tôi xưa kia vốn đi đạo, nghĩa là theo Thiên chúa giáo, đời ông bà sang tới đời cha mẹ tôi đều là người ngoan đạo Thiên chúa. Tôi cũng vậy, từ bé đã chăm đọc kinh, đã thuộc nhiều kinh bản...” [5, tr.520]. Hay đơn giản ở trong ý niệm: “Nhất là...trông cô gái xinh đẹp và có văn hóa, và lạy Chúa, nói quá vô phép, cái khuôn mặt trắng hồng của người thiếu nữ mới nhìn qua ai cũng đoán biết là mới ở ngoài miền Bắc vào....”( *Con giông*) [5, tr.208]. Mỗi day dứt của mẹ Huân trong *Sống mãi với cây xanh*, khổ tâm tìm mọi cách cho con yên tâm về dòng máu của mình: “Má như một con chiên có tội trước Chúa: má đã ăn ở không ra một người vợ hiền thảo với bố con và má chỉ có cái lỗi ấy. Má thề vớ vong linh của bố con, con mang trong mình dòng máu của bố con chứ không phải của một người đàn ông khác” [5, tr.429].

Có thể nói, trong nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975, tôn giáo đã hiện diện khá rõ, song nó không phải chỉ là trình bày những thuyết lý một cách cứng nhắc, hời hợt mà là kết quả của quá trình tư duy nghệ thuật, qua đó bộc lộ tư tưởng và cái nhìn sâu sắc của nhà văn trước cuộc đời.

### 2.1.1.2. Tín ngưỡng

Góp mặt trong nền văn hóa dân tộc trước tôn giáo, các tín ngưỡng cũng có một lịch sử gắn bó lâu đời với văn học. Có thể nhận thấy tín ngưỡng trong đời sống con người rất đa dạng bao nhiêu thì cũng đa dạng bấy nhiêu trong các tác phẩm văn học. Song trong các tác phẩm truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, vì đặc điểm của thể loại cùng với quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn mà các tác phẩm chủ yếu phản ánh tín ngưỡng sùng bái con người. Nhà văn viết nhiều về mồ mã, khăn vải, thờ cúng... những người đi trước.

Theo sự thống kê của chúng tôi, trong số 23 tác phẩm truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975, có tới 11 lần ông nói đến thờ cúng, khăn vải, 15 lần ông nhắc đến mồ mã, bãi tha ma; 04 lần ông nhắc đến câu chuyện đi tìm mộ và 05 lần ông miêu tả thủ tục chôn cất người chết.

Viết về sự hi sinh của những người lính, Nguyễn Minh Châu không chỉ nói đến hành động cao cả mà còn đề cập đến những nghi lễ chôn cất, sự tiếc thương thành kính của những người xung quanh dành cho người đã khuất. Trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, trung đoàn trưởng trung đoàn K Hòa là người bản lĩnh, tài năng. Anh là người có công lớn trong việc thiết lập truyền thống, lập chiến công của trung đoàn. Tên tuổi anh không chỉ khiến đồng đội mà còn cả quân địch khâm phục. Khi Hòa hi sinh, rất nhiều người đến viếng anh: “Chiến sĩ và cán bộ trung đoàn K bươn rùng lũ lượt kéo về đứng kín chung quanh hai mái lán che trên chiếc hầm thùng mà anh ấy nằm. Thậm chí có cả một số lính ngụy bị bắt hoặc ra hàng cũng xin phép được sang viếng anh ấy...Đồng chí tư lệnh mặt trận trong lúc đọc bài diếu văn rất thống thiết mấy lần phải ngừng lại, rút mùi xoa lau cặp mắt đã đỏ hoe...sau khi chôn cất anh ấy xong, mỗi người xén một vuông cỏ đem lát lên mộ và thế là tự nhiên hàng ngàn con người đã loát kín mặt đất rừng bằng cái màu xanh mơn mớn...” [5, tr.159]. Đó là tất cả sự tiếc thương, trân trọng dành cho một con người đáng kính với ân tình “nghĩa tử là nghĩa tận”.

Hay những giây phút thiêng liêng khi tìm thấy hài cốt của liệt sĩ Phi trong đám cỏ lau về quy tập trong truyện ngắn *Cỏ lau*: “*Khoảng một trung đội của đoàn chính sách và Phi Phi cùng số bạn bè đứng vây quanh một cái huyệt nhỏ. Chiếc tiểu sành phủ lá quốc kì đã được Phi Phi cùng với Phận khiêng đặt xuống huyệt...Khói nhang đã bay cuộn lên ngào ngạt...Người đã chết chẳng thể ngồi dậy dưới huyệt để nói lên sự thật, vậy anh hãy nói điều gì để cho người sống nghe thấy yên tâm, mãi mãi ghi nhớ người thân của mình đã ngã xuống vì Tổ quốc, vì nhiệm vụ, vì cuộc sống tốt đẹp ngày mai của người đang sống... Lễ cải táng Phi tiến hành theo nghi thức lễ an táng, đặc biệt còn có ba loạt tiểu liên bắn chỉ thiên sau khi đọc diếu văn xong và trước khi lấp đất lại...*” [5, tr.513]. Trong những giây phút xúc động ấy, không chỉ có nỗi niềm tiếc thương mà hơn thế người ở lại bày tỏ lòng tri ân vì những người đã không tiếc thân mình hi sinh cho tổ quốc, đất nước.

Việc thờ cúng, giỗ chạp, khấn vái cũng được Nguyễn Minh Châu nhắc đến nhiều. Khi nhận được tin Dũng - người con trai chiến đấu ở chiến trường Campuchia - hi sinh, gia đình lão Khùng đã vô cùng đau khổ. Sang đến ngày thứ ba thì gia đình lập bàn thờ Dũng và chuẩn bị đồ cúng: “*mụ Huệ vịn tay vào bức vách vừa rên rỉ một mình vừa lục tìm chiếc nồi hông bằng đất đem ra giếng cọ rửa chuẩn bị nấu đĩa xôi cúng con. Lão Khùng xách chiếc rựa ra bụi tre sau nhà chặt một cây vác vào ngòi chẻ ra, đan một tấm phên để thiết lập cái bàn thờ thẳng con trai thứ hai bên gian trái. Lão đã làm xong cái bàn thờ đưa con. Lão ngắm nghía cái công trình đơn sơ vừa hoàn thành sau khi trải lên mặt tấm phên tre mảnh ni lông màu đọt chuối mà con Nghiên thường dùng khoác đi cắt cỏ, lại bày lên mặt tấm ni lông một cái bát sành đựng gạo*” [5, tr.588]. Thai trong *Cỏ lau* mặc dù đã đi lấy chồng nhưng không năm nào quên làm giỗ chồng dù là những ngày tháng bình yên hay đi chạy loạn. Đây là một cảnh cúng giỗ đặc biệt giữa lúc cả nhà đi di tản: “*Thai vừa ở cũ được nửa tháng. Cô ta ngồi chổng cằm trên manh chiếu, tay ôm đứa con mới đẻ ở nhà thương Huệ, một cái bát hương bằng đồng lá cắm mấy que nhang đang cháy,*

*khói bay vật vờ, để bên cạnh...*” [5,tr.491]. Phác trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*, dù vừa trải qua những ngày điều trị vết thương, song khi trở về đơn vị, việc anh làm đầu tiên là đi thăm những người bạn đã ngã xuống trong trận đánh lịch sử ngày 30 - 4 mà anh cũng là một anh hùng. Phác đem về thuốc lá ba con năm, thứ quà xa xỉ mà khi còn sống những người đồng đội của anh chưa từng được hút, để cúng trên mộ: “*Cỏ chưa kịp mọc trên phần mộ người lính, không biết tự bao giờ trên từng ngôi mộ mới tôi thấy đặt ngay ngắn những điếu lá Tam Đảo, Điện Biên của ta chở từ ngoài miền Bắc vào. Lại có cả Quân tiếp vụ, Captan, thứ thuốc lá của vùng mới giải phóng.... Đặc biệt, tôi thấy, như là được chia đều, mới đặt thêm trên mỗi ngôi mộ ba điếu “ba con năm”, vòng giấy vấn điếu thuốc vẫn còn trắng tinh...*” [5, tr 564].

Con người ta cũng luôn hướng lòng mình về với tổ tiên, ông bà. Lão Khúng trong *Khách ở quê ra* đi khai hoang, làm ruộng ăn ở rất vất vả nhưng vẫn không quên họ hàng: “*Phú quý sinh lễ nghĩa, hấn mang về cúng hấn nhà thờ họ một chiếc võng đôi vàng loại vải tê tờ rông, để thuê thợ vẽ cây gia hệ*” [5, tr.375]. Lão Đất trong *Chợ tết* làm quản chợ, rất hung hăng và thường dùng bạo lực giải quyết vấn đề. Nhưng sâu thẳm trong lão vẫn dành những sự thành kính, thiêng liêng với tổ tiên, mồ mã cha chú, với những tiếng trống linh thiêng của ông bà. Lão quả là một trưởng họ không thể chê vào đâu được. Những cái gì bài trí trong ngôi nhà thờ họ trước đây còn giữ lại được sau trận bom đều được lão sắp xếp gọn ghẽ trên một chiếc hương án và một chiếc án thư kê sau lưng hương án, đúng như sự sắp đặt trong ngôi nhà thờ ngày trước. Rồi trong họ, lão là người luôn thay mặt những người anh em ở xa coi sóc mồ mã cha chú, đáp lại mộ mỗi khi có trâu bò quấy phá.

Việc thờ cúng không chỉ ăn sâu vào đời sống tâm linh của những người trưởng thành mà còn có cả ở con trẻ, không chỉ ở người chính nghĩa mà còn ở cả những kẻ lầm lỡ. Bé Thơm trong *Cỏ lau* khi được ông Lục mua cho một chiếc bánh phồng vắt hình con cá nhưng con bé không ăn, nó mang đến hai ngôi mộ của nhà nó cúng: “*Ông không biết hôm nay ngày rằm ư?...Phải cúng mới được*

ăn...” [5, tr.472]. Hai tên lính ngự nhận nhiệm vụ áp giải Thăng trong *Con giông* cũng cầu khẩn: “...hai thằng lính trói Thăng lại bằng một đoạn dây điện thoại, đẩy anh đến trước một cái lỗ huyết đã cải táng. Ông phù hộ cho con, ông phù hộ cho con! Hai thằng lính vừa đẩy Thăng đi vừa khẩn...” [5, tr.226].

Không chỉ dành những tâm niệm thiêng liêng cho ông bà, tổ tiên, thần thánh... nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu còn có sự đấu tranh, bảo vệ những điều thiêng liêng ấy. Lão Khúng trong *Khách ở quê ra* đã có lúc báng bỏ thần linh: “Sao mà hấn lại có thể phỉ báng thần linh đến thế cơ chứ? Cả làng có độc một ngôi đền chung cho cả dân đánh cá lẫn dân ruộng nằm thia lia ra ngoài cửa lạch, nổi tiếng khắp vùng đền làng Khơi là đền thiêng. Ngày xưa, hàng xóm nhà Định có một tay dân đánh cá chẳng hề biết sợ hãi ai cả, nổi tiếng óc sạo, ngang bướng, vậy mà một lần đi qua trước cổng đền, trông thấy một bãi cứt trâu liền ngồi xuống dùng hai tay hót vớt đi. Ấy vậy mà bây giờ cái thằng Khúng cả gan dám dựng nhà ngay trên cái nền đất cao ngất của ngôi đền làng mà ở. Tiếng rằng ngôi đền đã bị đánh bom nhiều đợt chỉ còn một hàng bậc thêm xây đá Thanh, nhưng làm nhà ở trong khu đất của đền như một vài người khác đã quá lắm, vậy mà hấn lại leo lên đứng ngay chỗ thần linh đứng?” [5, tr.376]. Nhưng rồi hành động ấy vấp ngay phải sự phản đối của dân làng. Người ta truyền nhau: “nói rằng ngoài làng Khơi có một tay làm nhà trên đất đền, nhà cất lên cháy đi cháy lại ba bận, nuôi con chó, con lợn đều chết. Vợ ốm, con ốm” [5, tr.379]. Và kết cục, nhà lão khúng cháy thật, lão phải chuyển đi nơi khác: “Sau ngày vợ chồng lão trả miếng đất linh thiêng lại cho thần làng sau cái vụ có đũa đốt nhà lão” [5, tr.380]. Rõ ràng, việc đốt nhà lão Khúng là một hành động bảo vệ tín ngưỡng thờ thần, như một lời nhắc nhở, cảnh báo cho những ai dám báng bỏ, chế giễu thần thánh.

Tìm mộ liệt sĩ là một nghĩa cử cao đẹp, một việc làm mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện rõ nhất tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” của nhà nước và nhân dân ta. Sự mong mỏi đưa từng hài cốt liệt sĩ về

đoàn tụ với đồng đội ở các nghĩa trang, để gia đình và bạn bè nhang khói, bù đắp cho các anh những năm tháng nằm nơi đất lạnh là sự mong mỏi chính đáng, sự mong mỏi tâm linh của người thân các liệt sĩ. *Cỏ lau* là thiên truyện viết về những cuộc kiếm tìm mộ liệt sĩ không biết mặt mũi của thân nhân và những người cựu chiến binh. Họ là ai? Là cả một trung đoàn bộ - đoàn chính sách, là các gia đình nhiều thế hệ “đàn ông có, đàn bà có, người già nua có, lại cả mấy đứa trẻ đang chạy nhảy...”. Công cuộc tìm mộ vô cùng vất vả. Họ phải chiến đấu, giành giật với cỏ lau để mong tìm lại người thân của mình: *“Dấn thân vào công việc này nửa năm nay tôi mới có dịp hiểu rằng chung quanh một năm xương người chết trong chiến tranh có bao nhiêu chuyện. Vì thế mà kinh nghiệm dạy cho chúng tôi cần phải bao phủ lên nó thật nhiều làm hương khói của thiêng liêng...Đang nằm ngủ im sau lưng tôi là những đồng chí mình mà chúng tôi phải mở không biết bao nhiêu chiến dịch vật lộn với cỏ lau vùng núi Đọi mới giành lại được...”* [5, tr.484]. Xúc động nhất là câu chuyện của một cô gái trẻ tên Huệ. Cô làm cái nghề mà cả xã hội rẻ rúng, nghề “ăn sương”, nhưng trong con người ấy lại có một tâm niệm thiêng liêng, một khát khao trân quý. Cô yêu Phi, một chiến sĩ kiên cường đã ngã xuống, tuy chưa có gì ràng buộc nhau nhưng Huệ vẫn luôn đau đáu tâm niệm tìm mộ người yêu: *“Tôi chỉ thiết có một chút năm xương của người tình của tôi đang bị lẫn lộn với đất ở đây”*[5, tr.469]. Cô hỏi tiếc: *“Tôi dại, mới mười tám tuổi chưa có chồng, tôi không dám để con....kì thực tôi non gan, sợ người đời chê cười, tôi không dám để đưa con với anh ấy”*[5, tr.510]. Ngay cả tên cô cũng là lấy tên của người yêu: *“Cô lấy tên người tình đã mất...thường gọi cô là Phi Phi. Một cái tên tự đặt, ra đời như một tâm niệm đầy thiêng liêng của cô...”*[5, tr.489]. Đó là một nét đẹp trong đời sống tâm linh của người trẻ sau cuộc chiến. Nguyễn Minh Châu - người nghệ sĩ thiết tha với cội nguồn (Chu Văn Sơn) - đã chạm đến gốc rễ người Việt, viết về những con người đang sống cái đời nhọc nhằn, lại cả “sống về mồ về mả”, sống những mối giao tiếp tâm linh âm thầm, huyền nhiệm.

### 2.1.2. Yếu tố tâm linh gắn với sự khám phá thế giới nội tâm

Nội tâm của con người vốn là một thế giới đầy bí ẩn và phức tạp. Khám phá và thể hiện nó trên trang viết đồng nghĩa với việc nhà văn đang đi trên một hành trình nhọc nhằn và thử thách. Trong con đường đến cái đích ấy của văn chương nghệ thuật, việc sử dụng các yếu tố tâm linh đóng một vai trò rất tích cực, hiệu quả. Với một cảm quan nhạy bén, một sự tìm tòi không biết mệt mỏi, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã thể hiện trong các tác phẩm của mình những điều tưởng như rất khó nắm bắt của nội tâm con người gắn với tâm linh như linh cảm, dự cảm thông linh, những giấc mộng. Trong các truyện ngắn của ông có 07 lần nhắc đến linh cảm, 06 lần thông linh và nhiều lần nói về giấc mộng.

#### 2.1.2.1. Linh cảm, linh tính

Nguyễn Minh Châu đã tìm thấy ở người phụ nữ có nhiều linh cảm hơn cả, phải chăng ở họ thiên tính nữ với tình yêu thương thiết tha nên họ tin, họ linh cảm được người thân của họ còn sống quay về. Hạnh trong *Bên đường chiến tranh* linh cảm người yêu của mình sẽ quay về nên chị không bán ngôi nhà trên đường ra mặt trận. Chị âm thầm chờ đợi và chị tin là người lính ấy không hi sinh. Thế rồi anh trở về ngôi nhà ấy theo đúng linh cảm của Hạnh. Thai trong *Cỏ lau* cũng như Hạnh luôn linh cảm rằng Lực chưa hi sinh, mặc dù chính chị là người vớt xác chồng mình chôn cất sau vườn nhà. Và những linh cảm ấy là đúng, Lực trở về bằng xương bằng thịt sau bao năm xa cách. Thai nói với Lực rằng: "*Lạ thật, lúc nào em cũng cứ tưởng như anh hãy còn sống. Suốt bao nhiêu chục năm rồi như vậy. Em vẫn sống với anh, nhưng lúc sáng ngày bước chân ra đi, em lại phấp phồng hi vọng một chút nào thôi*" [5, tr.516]. Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) linh tính cái chết đang ập đến với người yêu của chị: "*Tôi đang lúi húi thái mấy nhát sẫm bỏ vào cốc nước sôi chuẩn bị bón cho anh. Chợt như có linh tính báo, tôi quay lại. Tôi chợt thấy cặp môi anh tự nhiên bợt trắng và như đang đông cứng lại trong nét cười bí ẩn lan trên khắp khuôn mặt*" [5, tr.158]. Thiên tính nữ là một điều kì diệu của tạo hoá. Quỳ có nhiều hành động cảm tưởng như vượt qua khả năng kì diệu của người đàn bà chân yếu tay



mềm. Khi quyết định trở thương binh ra hậu phương, chị tự phân tích hành động đó và nói thay cho cả nữ giới: "... trong một phút tôi hiểu được thế nào là những người đàn bà. Tôi hiểu được chính tôi bấy lâu nay. Tôi đã thấy, trong một phút, tất cả cái phần sâu thẳm như một thứ thiên phú riêng của tâm hồn những người đàn bà chúng tôi. Đó là bản năng chăm lo, bảo vệ lấy sự sống của con người do chính chúng tôi mang nặng đẻ đau sinh ra. Đó là tình thương bảm sinh của nữ tính - sợi dây thần kinh đặc biệt nhạy cảm của nữ giới chúng tôi" [5, tr.184]. Chính vì lẽ đó mà những người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu luôn luôn nhạy cảm mà cảm giác được tất cả những gì đã và sẽ xảy ra đối với những người thân yêu của họ.

Hạnh, Thai, Quỳ là người có khả năng linh cảm, họ có một trái tim chan chứa tình yêu thương luôn hướng về người thân yêu và có một niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống. Điều đó giúp họ vượt qua mọi khó khăn của cuộc sống, đứng vững trước những giông bão chiến tranh và cuộc đời.

Khi viết *Phiên chợ Giát*, Nguyễn Minh Châu cũng đã để lão Khúng có những linh cảm. Trên đường chở đá về nhà, Lão đã nhận ra điều khác thường ở con Khoang, lão linh cảm có điều chẳng lành nên hôm nay nó mới lạ lùng vậy: "*Lão gắt mù lên với con vật lúc bấy giờ có cái gì làm nó sốt ruột cứ lòng lên kéo xe trở đá về nhà (...) mà sao cái con vật hôm nay bỗng giở chứng, mọi ngày nó có bướng thế đâu*" [5, tr.585]. Và khi về nhà lão nghe thấy tiếng khóc ai oán của vợ con mình trước cái tin đưa con trai yêu quý của lão đã hi sinh nơi đất khách quê người.

Nhân vật ông lão trong *Dấu vết nghề nghiệp* ốm nặng, nằm liệt giường mấy hôm trời, đến chiều ngày thứ tư thì bật dậy đòi ăn, ăn hết bát cháo rồi cầu khẩn với bà cụ cho ra sân cỏ ngoài câu lạc bộ "Gió" một tí. Đó là một điều rất bất thường, nhưng để trấn an bà, ông đã nói ra linh cảm của mình: "*Thấy bà đang hết sức ngần ngại ông phải tiết lộ với bà rằng ông thấy rõ cái bộ máy cơ thể mình còn chạy được bốn ngày rưỡi nữa, gió máy câu lạc bộ "Gió" chiều sẽ chẳng quạt ngã nổi ông đâu!... Bà liền dìu cái thể xác vốn xưa kia đẹp đẽ đã*

*khiến bà xiêu lòng, bây giờ chỉ còn như một cây đinh sét gỉ ngoắc tạm cái phần linh hồn của ông trong bốn ngày rưỡi nữa!”* [5, tr.317]. Rõ ràng người cầu thủ già cảm nhận được rõ cơ thể mình, biết bao giờ cái chết đến với mình.

Huân trong *Sống mãi với cây xanh* cũng có những dự cảm. Khi Tàu tràn sang biên giới, Huân có ý định đi bộ đội nhưng anh không dám nhìn cái bụng hơi nhô lên của Loan. Ngày ấy má anh cũng đang có mang anh chắc cũng như Loan. Sau đó Huân nhập ngũ. Huân hi sinh, Loan sống cảnh góa bụa, giống hệt mẹ Huân ngày trước. Đó vừa là linh cảm vừa là sự lặp lại khó lí giải của số phận con người.

Cho đến nay, người ta vẫn luôn đặt ra câu hỏi: Có nên tin vào linh cảm, linh tính không? Và sự thực sự câu hỏi này chưa được lí giải một cách thấu đáo. Nhưng đối với văn học thì điều này lại được chấp nhận như là có thể xảy ra và thành công của nhà văn là biết sử dụng yếu tố linh cảm, linh tính một cách thích hợp để đạt được hiệu quả thẩm mỹ trong sáng tác. Với Nguyễn Minh Châu, nhờ miêu tả điều này mà những trang viết của ông trở nên rất gần gũi, tạo ra những cảm xúc rất chân thực của con người và dễ chạm vào tâm hồn người đọc hơn.

#### 2.1.2.2. Dự cảm thông linh

Trong văn học dân gian và trung đại, chúng ta bắt gặp khá nhiều chi tiết miêu tả việc con người có thể xuống âm ty địa ngục hay lên thiên đàng hoặc nói chuyện có người chết hiện hồn về, con người tin vào các thế lực siêu nhiên. Thực ra những điều đó chỉ là cách thức để con người thoả mãn ước mơ, mong muốn ở hiện gặp lành, kẻ xấu bị trừng phạt. Sau này, trong sáng tác văn học hiện đại, hiện tượng thông linh xuất hiện với một tần số không ít. Thông linh trở thành con đường khám phá đời sống bí ẩn của tâm hồn con người.

Nguyễn Minh Châu đã dựng nên khá nhiều cuộc thông linh cho nhân vật của mình. Ta đã từng bắt gặp Mẹ Êm (Miền Cháy) là người có khả năng thông linh. Bà mẹ ấy tin rằng giữa người còn sống và người đã chết, giữa những người ở đây và những người ở tận xa thế giới bên kia có thể gặp gỡ trò chuyện với nhau. Chính niềm tin ấy đã giúp mẹ vượt qua nỗi mất mát lớn lao vì mẹ vẫn nhìn

thấy và có thể trò chuyện với người thân quen của mình ở cõi âm, dù chỉ là sự im lặng. Hay ở tiểu thuyết *Mảnh đất tình yêu*, tâm linh chi phối đời sống của Quy. Quy ngộ ra một điều rằng: từ ngày mẹ mất ngôi nhà Quy đang ngồi viết sẽ nghèo đi biết bao nhiêu nếu thiếu linh hồn của mẹ và ông bà ngoại vẫn thường lảng đãng đi về trú ngụ. Cái chết chỉ là sự mất đi phần xác, còn phần hồn vẫn lẩn khuất đâu đây xung quanh và Quy cảm nhận được điều đó rất rõ.

Đến truyện ngắn sau 1975, hiện tượng này xuất hiện nhiều hơn. Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* thì luôn sống với quá khứ, những đêm mộng du chị đi lang thang để tìm lại những kỉ niệm, để trò chuyện cùng những đồng đội đã khuất, những người đã thâm yêu chị tha thiết. Ngay hôm chị đọc những dòng nhật ký để các sĩ tử viết về mình, chị đã có thể nhìn thấy linh hồn họ: "*Trên đường về nhìn lên vách đá lá cây, tôi đều thấy một khuôn mặt người lính vừa đi khuất phía sau*" [5, tr.175]. Khi người yêu Quỳ hy sinh, chị đã đau đớn vô cùng và mãi sau này hình bóng mối tình linh thiêng ấy không thể phai nhạt trong chị, Quỳ có thể nhìn thấy rất rõ linh hồn Hoà đang đến bên chị: "*Từ sau những vùng sương trắng mờ ảo giữa những thân cỏ thụ đen sạm đứng chen chúc, một thanh niên mặc sơ mi trắng trên tay ôm một chiếc mũ cát, bên trong dấu một cuốn sách bìa cứng, đi lại phía tôi rồi ngồi xuống bên tôi. Anh ấy đây!...*" [5, tr.188]. Quỳ lang thang để kiếm tìm, để được trông thấy "ánh mắt trầm tĩnh như một ánh thép ấy" và nụ cười bí hiểm ám ảnh cả cuộc đời chị. Hay trên đường ra hậu phương, Quỳ ghé vào một ngôi chùa bên đường, cảm tưởng như có người đang vẫy gọi. Và người vẫy gọi chị lại chính là bức tường ngàn mắt ngàn tay. Quỳ có một cảm giác rất lạ: "*y như có một thứ tâm linh nào đó mách bảo cho tôi biết, tôi liền nghĩ ngay đến cái trung đoàn K và anh ấy đang ở một nơi rất xa xôi, cả hai như hoà chung vào nhau trong hình ảnh một con người có ngàn mắt ngàn tay...*" [5, tr.163]. Quỳ đau đớn dần vặt và nhận ra mình đã chạy theo những ảo mộng về một thánh nhân không bao giờ có giữa cuộc đời thực, chị chỉ cần có có anh ấy bằng xương, bằng thịt. Không chỉ tình yêu đối với Hoà mới cứu đổi tâm hồn Quỳ, mà những

dòng nhật ký của bao nhiêu người lính đã khuất cũng đã thay đổi cách nhìn cuộc đời và quan niệm sống của chị. Rồi đây, Quỳ chỉ có thể tự trách mình: "*Đời tôi là một chuỗi những nhảm lẫn và đại dột khiến xúc phạm đến xung quanh*". Chính vì vậy mà Quỳ sống với quá khứ, sống với những hoài niệm về những đồng đội, được gặp họ trong những đêm mộng du lang thang lại là động lực giúp Quỳ tồn tại được khi tinh tảo là người bình thường. Nhân vật Quỳ là một người phụ nữ khác thường, như con người ngoài cuộc đời với tính cách phức tạp, đa diện khó nắm bắt, nhưng chính sự khác thường của con người này chúng ta hiểu đời sống nội tâm phong phú và trái tim mẫn cảm kỳ diệu của người đàn bà trải qua thời chiến tranh.

Trong *Dấu vết nghề nghiệp*, cựu thủ thành của câu lạc bộ Gió ở tuổi 80 khu đứng trước nấm mồ người bạn đồng nghiệp đã "*chợt nghe một tiếng còi đồng lạnh lạnh thổi rất dứt khoát. Người chết vận bộ y phục trọng tài và vẫn với cặp giò bằng vàng đi vòng kiềng như sinh thời còn sống, điềm nhiên bước ra từ những đám người đang đứng im lặng mặc niệm. Ban thổi kèn còi xong liền bước nhào qua nấm mộ của mình như đang tránh một quả bóng, giờ bàn tay đầy quyết đoán chém một nhát xuống điểm phát bóng...*" [5, tr.316]. Ông đã gặp lại người bạn của mình trong một ảo giác như thể để rồi hơn bốn ngày sau đó từ bỏ thế giới này mà ra đi. Vậy sự hiện về của linh hồn ấy phải chăng là thật hay do sự tưởng tượng? Chúng ta khó có thể lý giải được, nhưng chắc chắn rằng đó là dấu vết nghề nghiệp ám ảnh ông. Ông luôn hoài niệm về một thời oanh liệt của tuổi trẻ lẫn theo trái bóng tròn.

Trong những giây phút khó khăn nhất, Thăng trong *Cơn giông* đã tìm sức mạnh từ cả những người sống và người chết. Bị địch bắt, chúng không dụ dỗ được Thăng và đồng đội, chúng quyết định đặt Thăng trong một thử thách vô cùng khắc nghiệt. Chúng bắt Thăng bỏ về hàng ngũ của mình trong tình trạng bị thương nặng, địa hình rất khô cằn, hiểm trở. Chúng những tưởng Thăng sẽ không bao giờ làm được điều đó, sẽ thành dẫn chứng hùng hồn để bẻ gãy chí khí của quân ta. Nhưng chúng đã nhầm, sau nhiều lần tỉnh dậy và ngất

đi, trong đau đớn đến tột cùng anh cũng trở về được vùng giáp ranh mà vẫn còn sống. Xin được ghi lại giây phút thiêng liêng tạo nên sức mạnh để Thăng vượt qua hoàn cảnh: *“Trong một lúc anh thấy mạnh hẳn lên. Hình như bao nhiêu đồng chí ở nhà, mà anh đang nghĩ đến, đang chạy đến tiếp sức cho anh. Từ phía sau, Hạnh và Đạt, cả người sống và người chết đang chạy lên tiếp sức cho anh...”*[5, tr.228].

Bác Thông trong *Sống mãi với cây xanh* vô cùng đau đớn trước cảnh cây cối trên đường phố bị chặt hạ, người ta xẻ thịt cây sáu già để lấy gỗ, làm củi. Rồi đây người ta sẽ xây đại lộ mới, giải tỏa cả gian phòng của bác. Mang nỗi buồn ấy về nhà, bác như gặp lại Huân - người trước đây đã thiết kế, quy hoạch thành phố - nay đã hi sinh trong quân ngũ: *“Bây giờ mới chú ý đến cái điều ấy - khi ông lão bước vào nhà. Lại thấy như là cái tấm lưng đỏ đang ngòl tấy máu thử chiếc kéo.*

*- Thưa bác, bác làm nghề...ghép cây ạ!”*

*Ông lão tự nhiên dậm ra giận, không thèm đáp mà nằm vật xuống giường. Cái người khách đã hi sinh ấy đã mó đến đời ông lão”* [5, tr.451].

Trong *Cỏ lau*, chiếc xe chở hài cốt liệt sĩ đến nơi quy tập vừa nổ máy, bánh xe lăn vài vòng đã chết máy. Tình huống lại ái oãm khi xe vừa dừng thì một đám những cô gái “ăn sương” lao tới mời gọi Lực và anh lái xe. Lúc đó anh lái xe đã làm một việc mà hiệu quả đến kì lạ thể hiện sự thông linh: *“Cậu lái xe không nhìn ra, dậm dề tiếp tục nổ máy, chân dậm ga, miệng nói lầm rầm:*

*- Lạy vong hồn mấy đứa chúng mày, tao đưa chúng mày đến an dưỡng chỗ danh lam thắng cảnh nhất nước, từ nay chẳng phải làm gì, ngòl mát ăn bát vàng, sướng bỏ xừ đi... Đi chứ! Đi nào?*

*Chiếc Gát 63 thường khùng khinh lần này nổ máy lại khá nhanh. Thật hứ vĩa...”* [5, tr.485].

Sự hiển linh của người chết, cảm nhận được linh hồn người thân hiện về giao tâm, chúng ta bắt gặp rất nhiều trong văn học từ trong những sáng tác dân gian, cổ trung đại. Trong xã hội văn minh hiện đại tương như khoa học có thể lý

giải được tất cả những thắc mắc, nhưng sự hiển linh đến nay vẫn là một câu hỏi. Đối với Nguyễn Minh Châu, hiển linh chứa đựng tư tưởng về đời sống con người hiện đại trong phong phú và đầy bí ẩn. Hiện tượng thông linh trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu chỉ dừng lại ở những dự cảm. Sau này, trong sáng tác của các nhà văn tiếp tục khám phá ở mức độ cao hơn về sự thông linh của con người.

### 2.1.2.3. Những giấc mộng

Nguyễn Minh Châu đưa nhân vật của mình phiêu lưu trong những giấc mộng. Nhân vật Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) là người đàn bà mắc căn bệnh mộng du. Nếu như ban ngày chị sống với thực tại thì khi đến đêm chị lại mộng du sống với thế giới khác với những hoài niệm, ám ảnh của quá khứ. Quỳ bước ra từ cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt, cuộc đời chị chỉ có ý nghĩa trong những năm tháng ấy. Khi hoà bình lập lại Quỳ không lấy lại được trạng thái thăng bằng, chị sống trong những đêm mộng du để tìm kiếm những đồng đội thân yêu đã mãi mãi ra đi trên cánh rừng Trường Sơn vì bom đạn chiến tranh. Con tàu tốc hành trong tâm tưởng đưa chị đến Trường Sơn, đến một ngôi nhà ga nằm ẩn sâu trong rừng để gặp gỡ mối tình đã qua, gặp lại người yêu. Chị khát khao đi tìm kiếm cái chân trời của những giá trị tuyệt đối hoàn mỹ cái điều chẳng bao giờ có, cơn khát cháy lòng của một tâm hồn người đàn bà quá ham hố. Để lý giải cho căn bệnh của Quỳ người kể chuyện đã nghĩ rằng: "*Nếu bảo chị có bệnh thì những người lành chúng ta không thể nghĩ ra những điều sâu sắc và nhất là chí tình chí nghĩa đến làm chúng ta cũng phải cảm động như chị*" [5, tr.165]. Vậy liệu có phải Quỳ mắc bệnh hay đó là cách giúp Quỳ tìm lại chính mình và những đồng đội đã ngã xuống?

Quỳ sống hết mình với thực tại, với những đồng ngũ, bệnh nhân, với mẹ của họ, với gia đình và trên quãng mắt còn chút quãng thâm của đêm mộng du chị lại sống cả cho quá khứ. Chứng mộng du của Quỳ là kết quả của những phức hợp không lý giải được, đó là sự xen kẽ giữa vô thức và ý thức của hiện tại và những kỷ niệm về những đồng đội, những người yêu Quỳ. Mà nhất là Hoà, nụ

cười bí ẩn, đôi bàn tay dập dính mồ hôi của anh mãi mãi ám ảnh chị. Nhưng cho dù thế nào, Quỳ vẫn khát khao sống, lúc nào cũng khắc khoải, khao khát cùng đoàn tàu tốc hành của tâm hướng lao vút đi giữa hơi thở nóng hổi của cuộc đời. Nguyễn Minh Châu gửi gắm ở Quỳ tư tưởng mới mẻ về con người mang tính cách đa diện nhiều chiều, rất thật, rất gần gũi với cuộc đời.

Còn trong *Phiên chợ Giát*, những trang cuối cùng của sự nghiệp văn chương, Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nhân vật lão Khúng, người nông dân đặc biệt và giấc mơ của lão cũng khá đặc biệt. Mở đầu truyện là giấc mơ, một "Giấc mê khủng khiếp", là con ác mộng: *"Trong cơn mê ngủ, lão Khúng trông thấy một lão già thân hình cao vóng lại lưng còng đầy những sưng cùng sủi, mái tóc cắt ngắn cứng như rễ tre, mớ đũa phải, mớ đũa vế phía trước trán, sợi đen, sợi trắng loang lổ, mặt mũi gồ ghề, hai con mắt gờm gờm, với những mảnh tiết bò còn ướt hoặc đã khô dính bết trên các bắp thịt nổi cuộn ở bả vai và bắp tay; cái lão già ghê gớm ấy giang cả hai tay nâng một chiếc búa to nặng như búa của thằng phụ rền ở đầu làng Khoai bỏ xuống giữa đầu một con bò, cú đánh của chiếc búa tạ làm lún một mảnh trán sát hai con mắt của con vật, khiến cho một con mắt dính đầy máu trôi ra ngoài"* [5, tr.569]. Và lạ kỳ hơn cả trong giấc mơ, kẻ giết con Khoang đen, người bạn đời của lão chính là lão Khúng: *"Thì lão chứ ai! Đưa hung thần là lão Khúng chứ ai! kẻ nâng chiếc búa tạ lên đánh vào con vật là lão chứ ai"* [5, tr.570]. Lão mở trừng trừng hai con mắt mà nhìn tên hung thần đồ tể vừa nhập vào lão. Lão Khúng nhận thức được cuộc đời của ông là cuộc đời con bò Khoang ở chính giấc mơ nối tiếp: *"Chính lão bị đánh bằng búa tạ, chính lão là con bò! Lão tự nhìn mình trong một cái thân hình nửa bò nửa người, máu mê đầm đìa, mà lão lại vẫn bình thản y như tuân thủ một cái điều đương nhiên mà trong những khi lão thức không hề được biết"* [5, tr.605]. Thân phận của lão Khúng như thân phận con Khoang, nhọc nhằn, vất vả trên mảnh đất quê hương mà *"suốt đời lão đi sau con bò và những luống cày trong đêm tối"*. Lão ý thức rất rõ hiện thực cuộc sống. Và khi thức dậy, lão giải thoát cho con Khoang như giải thoát cho chính mình. Hay trong giấc mơ về bí thư

Bời: "Trong giấc mơ lão còn thấy bí thư Huyện uỷ Bời trên chiếc xe đít tròn không chạy trên đường mà bay là là trên đám ruộng trồng khoai lang, bay qua đoạn nương dẫn nước trước nhà lão Khúng rồi bay qua mảng sân nề vôi, bốn bánh xe không hề chạm đất" [5, tr.570]. Giấc mơ của lão Khúng là sự ám ảnh về một hiện thực đau lòng. Bí thư Bời luôn tỏ ra là nhà lãnh đạo hiểu dân vì dân, thực chất "toàn một lũ ăn cắp" là lũ "mị dân". Chiếc xe của Bí thư Bời chỉ bay không chạm đất là hàm ý mỉa mai rằng đó là người thực thi mọi ý đồ xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nông thôn của các cấp ở trên cao.

Thực chất những giấc mơ hay chứng mộng du trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu là hành trình nhận thức trong tâm linh nhân vật. Trong những truyện ấy xuất hiện yếu tố kỳ ảo khác thường mà tâm linh con người mách bảo. Sau này, truyện ngắn *Giấc mơ* của Phạm Thị Hoài, chúng ta cũng bắt gặp hình ảnh con người đang biến dần thành con vật, cuộc sống đang bị tha hoá. Nhân vật tôi làm mơ thấy con chó Peut của mình khi chuyển sang chủ mới nó giống như một con người cũng làm việc, biết chào cô chủ, bắt tay lịch sự, cũng phấn đấu. Kiên (*Nỗi buồn chiến tranh* - Bảo Ninh) cũng như Quỳ luôn sống với những ám ảnh của quá khứ của những giấc mơ về đồng đội về cuộc chiến tranh. Nhất là đến Nguyễn Huy Thiệp giấc mơ là những điềm báo trước hết sức bí ẩn. Yếu tố tâm linh nhiều khi trở thành phương tiện đắc lực làm nên thành công sáng tác. Từ đó, chúng ta có thể thấy rằng Nguyễn Minh Châu là người khởi đầu, để sau ông các nhà văn tiếp nối và đạt nhiều thành công.

#### 2.1.2.4. Những biểu tượng, kỉ vật thiêng liêng

Trong văn học, biểu tượng luôn là một phương tiện hữu hiệu có tính đa nghĩa thể hiện dưới dạng một hình tượng cụ thể, có giá trị gợi cảm cao. Hệ thống hình tượng mang tính chất ám ảnh được sử dụng như những "mã" nghệ thuật để thể hiện cái nhìn độc đáo, đa chiều của nhà văn về thế giới. Sử dụng hình ảnh biểu tượng là một trong những nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu. Nó như "*một dấu ấn đặc sắc đánh dấu một chất lượng mới của sự phát triển tư duy nghệ thuật*" (Dương Thi Thanh Hiên). Đọc



truyện của Nguyễn Minh Châu viết sau 1975, ta thấy biểu tượng xuất hiện với tần xuất cao, góp phần tạo nên sự đa dạng trong việc thể hiện cuộc sống, đi sâu vào nội tâm con người. Trong rất nhiều những biểu tượng được nói đến, phải kể đến một số biểu tượng thiêng liêng, gắn bó với đời sống tâm linh của con người.

Ở Việt Nam ta hai tiếng “Vọng phu” bao giờ cũng dội vào tâm linh người Việt những âm vọng riêng, khuấy động những xôn xao vừa linh thiêng vừa huyền bí. Trong lòng mỗi con người của xứ sở này dường như đều có, khi thì sừng sững khi thì thấp thoáng ẩn hiện, một hòn núi vọng phu. Hòn Vọng Phu dường như đã trở thành một trong những biểu tượng thiêng liêng của quê hương, của niềm tin và lòng tự hào. Hòn Vọng Phu còn là hình ảnh gợi cảm của người mẹ bồng con bên bến sông, giữa cảnh tĩnh mịch mệnh mang của đất trời vô tận, mắt đau đáu nhìn về một phương trời xa thẳm, ngóng đợi chờ mong người chồng ra đi đã lâu mà chưa về lại. Những câu chuyện kể lại về sự tích hòn Vọng Phu mặc dầu chỉ là huyền thoại, nhưng hình ảnh "mẹ bồng con" đó đã biểu tượng cho đức tính thủy chung cao đẹp muôn đời của người phụ nữ Việt Nam, nhất là trong thời chiến, vẫn hy sinh chịu đựng, một đời tận tụy, lo âu khổ cực trăm chiều vì chồng con. Hình ảnh gợi cảm, trù mến, thấm tận đáy lòng đó, là tặng phẩm tuyệt tác của tạo hóa ban cho con người, là biểu tượng của truyền thống yêu thương của dân tộc, đã là đề tài cho nhiều áng thơ văn tha thiết nồng nàn, dòng nhạc chan chứa trữ tình trong thi ca.

Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn *Cỏ lau* đã tìm thấy ở vùng núi Đọi một thế giới thật nhọc nhằn, thật quyết liệt, thật thiêng liêng mà huyền bí, thăm thẳm, sâu xa. Đó là thế giới của những hòn Vọng Phu. Con sông Đòng Vôi từng trải, đất đai lạng lẽ cỏ sơ, rừng lau bạt ngàn trường cửu... “*Khắp bốn phía trời, hòn Vọng Phu đứng nhan nhản tôi thấy lạ lùng quá, thật đủ hình dáng, đủ tư thế cả một thế giới đàn bà đã sống trải qua bao thời gian, qua chiến tranh dường như đang hội tụ về đây, mỗi người một ngọn núi đang đứng một mình vò võ chon von trên các chóp núi đá cao ngất, người ôm con bên nách, người bế con trước ngực, người cõng con sau lưng, người hai tay buông thõng, mặt quay về*

*đủ các hướng, các ngả chân trời có lửa cháy, có súng nổ...”* [5, tr.481]. Rồi cả câu chuyện Thai gọi lại cho Lục: *“Anh ạ, người ta bảo rằng người đàn bà ấy đợi chồng đi đánh giặc bao nhiêu năm, lâu lắm mà không về, ngày nào cũng bế con lên núi đứng ngóng, lâu ngày hóa thành đá”* [5, tr.480].

Không chỉ miêu tả những hòn Vọng Phu là những hình ảnh thực, Nguyễn Minh Châu còn gắn biểu tượng ấy với con người, những nàng Vọng Phu. Ai cũng biết Thai là linh hồn của *Cỏ lau*. Người đàn bà ấy phải lấy chồng tới hai lần và luôn giằng xé giữa tình và duyên, bởi vì tình yêu như niềm trung tin vẫn cứ hướng về người chồng mà cô tưởng đã chết rồi. Sống với chồng, cô vẫn không quên mang theo bát hương cúng giỗ đều đặn cho người chồng ấy. Người chồng thứ hai vẫn nể phục và ngợi ca Thai là một thứ đàn bà cổ, những người đàn bà chờ chồng có thể hóa đá. Đau đáu trong sâu thẳm cõi lòng của cái con người duyên phận tan nát kia vẫn cứ sống nguyên vẹn một nàng Vọng Phu. Lòng thủy chung ngàn đời vẫn là bất diệt dẫu chiến tranh có ném nó vào tấn bi kịch. Đó là tính cách Việt, tâm hồn Việt, một vẻ đẹp mẫu tính đáng trân trọng.

Bên cạnh biểu tượng thì những kỉ vật của người đã khuất bao giờ cũng gọi cho người ở lại những xúc cảm tâm linh. Và đối với người lính, không gì khác là những chiếc ba lô, những trang nhật kí. Trong một lần đi kiểm tra hành trang của các tử sĩ trong hang đá, Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* đã tình cờ gặp những trang nhật ký trong ba lô của những chiến sĩ đã hi sinh. Chị bắt gặp tên mình trong từng trang viết của họ. Chị vô cùng xúc động, tất cả cảm xúc như trực chờ tuông ra, áp những dòng nhật ký vào ngực mình mà gọi tên Tổ quốc, Đất nước: *“Tôi chợt nhận ra những chữ vô cùng trùu tượng thiêng liêng như Tổ quốc, Đất Nước, tôi lại còn hình dung đến làng quê của từng anh với người thân sống chung dưới một mái nhà, những bờ đê, một khúc sông ngâu phù sa, một lối ngõ tiếng tre kẽo kẹt và mù tím hoa xoan tím sắc li ti trên vạt đất ẩm và chiếc gàu sắt Tây chạm vào thành giáy khơi kêu lạnh chanh”* [5, tr.175]. Trong hoàn cảnh từng giây, từng phút cũng trở nên thiêng liêng đó làm đời sống bên trong Quỳ thức dậy, những thứ đã đi sâu vào tiềm thức nay được khơi ra. Đó

là những gì còn sót lại của đồng đội mình, những chàng trai đã dâng trọn tuổi xuân và cả sinh mạng mình vì độc lập dân tộc. Những cảm xúc tận sâu mà ta gọi là tâm linh trong con người Quý bật dậy. Cao cả hơn, những kỉ vật kia không chỉ gọi đến những đồng đội, mà còn làm hiện lên những điều thiêng liêng trong mỗi con người, đó là Tổ quốc, Đất Nước, là làng quê.

Hay trong *Phiên chợ Giát*, Dũng - con trai của Khúng hi sinh trên chiến trường Campuchia cũng để lại kỉ vật là chiếc ba lô. Đối với gia đình Khúng, kỉ vật ấy là niềm an ủi phần nào cho nỗi đau đang đè nặng. *“Mấy ngày nay lão đã cẩn thận đem cất trong một cái chum đựng khoai lang khô tận trong buồng vợ...”*. Nhưng đáng thương thay, chiếc ba lô người lính lại trần trụi: *“Cái ba lô sao mà bản thủ rách rưới, y như chiếc đũa của đĩa ăn mỳ... Chẳng có gì ngoài vài cái quần, cái áo bộ đội cũng đã cũ rách và hôi hám như chiếc ba lô, một mẫu sắt tây hình tròn chạm một hình vũ nữ Campuchia đứng múa uốn éo, cùng với một đôi đũa mà chắc con lão đang vót dở bằng một thứ gỗ gì đó hết sức lạ lùng...”* [5, tr.590]. Rách rưới là thế nhưng với lão Khúng, nó thứ gắn bó với con trai lão khi còn sống, là hiện thân của Dũng, nó làm cho người cha già vốn rất bản lĩnh trở nên xúc động mạnh: *“Không cảm lòng lão đặng bật lên một tiếng khóc hu hu, kêu lên một tiếng rồi im bật...”* [5, tr.590]. Lão coi chiếc ba lô ấy là Dũng, vớt cái đũa lính bản thủ ra giữa thềm nhà mà xách ra chai rượu trắng cùng hai chiếc chén, rót ra mời con *“Uống đi con...”*, tay cầm đôi đũa của con mà lòng đau như cắt.

Có thể nói, những biểu tượng và kỉ vật thiêng liêng mà Nguyễn Minh Châu nhắc đến không chỉ gọi cho các nhân vật trong truyện mà còn cả người đọc những cảm xúc tâm linh thiêng liêng, cao cả.

## **2.2. Giá trị nội dung tư tưởng của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu**

### **2.2.1. Yếu tố tâm linh và khả năng phản ánh hiện thực đa chiều**

Nguyễn Minh Châu có lần nhận xét: *“Cuộc đời thì đa sự, con người thì đa đoan”* - nhận xét này có ý nghĩa thâm thúy tóm cái bản chất phong phú, phức tạp của

cuộc đời và con người. Một đối tượng như thế văn học không thể giản đơn trong phản ánh. Khảo sát truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975, chúng tôi nhận thấy thông qua yếu tố tâm linh, nhà văn bộc lộ quan niệm về một thế giới đa chiều.

Thế giới đa chiều là thế giới ở đó tồn tại song song những yếu tố khả giải - bất khả giải, duy lý - phi lý, tất nhiên - ngẫu nhiên. Thế giới ấy không được nhìn nhận một cách an nhiên như trước mà đã đầy nỗi niềm khắc khoải âu lo. Nếu như ở giai đoạn trước, thế giới được nhìn nhận với con mắt lạc quan đầy tin tưởng, con người luôn tin vào ý chí, sức mạnh và những quy luật đã chiếm lĩnh được, thì giờ đây, con người nhận ra rằng thế giới vẫn mang trong mình nó nhiều điều bí ẩn, những điều con người chưa thể biết trước và đầy bất trắc. Những điều đó thuộc về cái ngẫu nhiên. Nó là một khả năng có thể đem lại cho con người niềm vui, hạnh phúc nhưng cũng có khi lại là nỗi đau, niềm bất hạnh và những tấn bi kịch. Nhân vật Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* và lão Khúng trong *Phiên chợ Giát* là ví dụ tiêu biểu. Suốt cuộc đời Quỳ, những ngày tháng đẹp nhất là những ngày tháng khói lửa chiến tranh trong quá khứ. Ở đó Quỳ được sống như một nàng công chúa trong rừng được bao chàng trai si mê, được sống hết mình với những công việc mình thích, và quan trọng nhất là ở đó có tình yêu của đời chị. Chiến tranh kết thúc, những tưởng con người sẽ tìm thấy cuộc sống mới tươi sáng, hạnh phúc, nhưng không, Quỳ vẫn không thể quên được quá khứ, không thể tìm thấy hạnh phúc ở thực tại. Hàng đêm Quỳ vẫn trên con tàu mộng tưởng của mình để trở về những ngày tháng tươi đẹp đó như một sự xoa dịu tâm hồn. Còn lão Khúng trong *Phiên chợ Giát* luôn có chí khí ái quốc, động viên con xung phong đi bộ đội. Đó là niềm tự hào của lão, nhưng cuối cùng lại là nỗi đau với lão. Khi Dũng, con trai lão, chết đi, nỗi đau trong lão chỉ trực trào ra: “*Chính vào lúc này lão Khúng cũng phải gồng mình lên để cố giữ lấy trong người lão cái ý nghĩ rằng thằng dũng hi sinh vì Tổ quốc... Lão chỉ lơ là một chút, lãng quên đi những điều tâm niệm thiêng liêng chỉ một chút là lập tức xia chân xuống và nổi*

*đau khổ gấp trăm vạn lần sẽ lại vò xé lòng lão với tất cả nỗi niềm âm thầm của cái sự thực trần trụi và đơn giản” [5, tr.589].*

Qua quan niệm về cái ngẫu nhiên trong cuộc đời, các nhà văn có xu hướng muốn đối thoại với quan niệm một thời về thế giới, sự tồn tại và con người. Thế giới được nhìn nhận dưới sự chuyển hóa của những mặt đối lập họa - phúc, ngẫu nhiên - tất nhiên, may - rủi... Cuộc sống vì thế được soi chiếu đa diện, sâu sắc hơn.

Bên cạnh đó, thế giới đa chiều còn là thế giới bí ẩn của tâm linh. Thế giới tâm linh trước đây ít được đề cập hoặc gán cho nó cái mác duy tâm thì nay đang được nhìn nhận một cách nghiêm túc, chín chắn hơn. Con người hiện đại đã phải thừa nhận nó như một phần không thể tách rời của cuộc sống con người. Thế giới tâm linh được biểu hiện qua niềm tin vào sự tồn tại thế giới siêu nhiên bên trên con người. Nhà văn Nguyễn Minh Châu trong *Tính chất kỳ lạ của con người* đã từng viết: *“Hình như có một đáng chi tôn nào đó cầm tay dắt tôi đi qua hết cái khổ cái nhục vô cùng của những đời người, những kiếp người”*

Việc xuất hiện của yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 còn thể hiện sự mở rộng đề tài phản ánh của văn học. Bởi lẽ, cả một thời gian dài 30 năm từ 1945 đến 1975, nền văn học của chúng ta phục vụ cho nhiệm vụ trọng đại nhất của dân tộc lúc bấy giờ là tuyên truyền, vận động và cổ vũ cho cuộc kháng chiến vệ quốc. Đề tài được ưu tiên số một lúc bấy giờ là cuộc sống chiến đấu và lao động của nhân dân chống lại kẻ thù. Văn học tập trung xây dựng những con người điển hình của thời đại mới. Tất cả hướng về cuộc sống chung, những tình cảm lớn như tình đồng chí, tình quân dân. Vì thế, những tiếng nói cá nhân, những tâm tư nguyện vọng của cá nhân chưa được văn học quan tâm phản ánh đúng mức. Tính chất bất thường của thời chiến cũng phản ánh đầy đủ vào diện mạo của nền văn học. Các thể loại có quy mô lớn như sử thi, tiểu thuyết dài tập cũng phát triển khá mạnh. Nhưng kể từ sau khi cuộc chiến tranh kết thúc, những vấn đề rộng lớn, những tình cảm lớn thuộc về một thời đã dần nhường chỗ cho những vấn đề về số phận cá nhân. Những tiếng nói riêng đã

dần trở thành tâm điểm chú ý của văn học. Đề tài của văn học không chỉ dừng lại ở hiện thực khách quan mà đã chuyển dần sang địa hạt tâm linh, những trần trở uẩn khúc đang diễn ra quyết liệt trong tâm hồn con người - đặc biệt là những số phận vừa đi qua cuộc chiến. Những diễn biến tâm linh rất khó nắm bắt, những hiện tượng con người không tự lý giải được bằng hình thức suy lý một thời là những nhân tố quyết định hướng các nhà văn đến với địa hạt của yếu tố tâm linh. Yếu tố tâm linh là một hình thức đặc dụng giúp nhà văn đi sâu khám phá thế giới tinh thần hết sức trừu tượng khó nắm bắt của con người, để từ đó “thấu” con người ở phần nhân tính, mơ hồ và huyền diệu ấy [18].

Trong bài báo *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*, Nguyễn Minh Châu đã chỉ ra giới hạn chật hẹp của quan niệm về hiện thực trong văn học của ta suốt một thời kỳ dài, mà nhà văn dùng hình ảnh “*Cái hành lang hẹp và thấp*” khiến cho mỗi người viết phải tự mình “*bạt bớt chiều cao, thu hẹp bớt chiều ngang để có thể đi lại dễ dàng*”. Đó là thứ văn nghệ minh họa. Cái nhìn hiện thực không còn bị bó hẹp trong những khuôn khổ có sẵn mà mở ra trong một thực tại đa chiều, luôn biến động và đầy bất ngờ. Nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 là những cuộc đối chứng với những quan niệm, nhận thức hạn hẹp, chủ quan của một thời trong cách nhìn cuộc đời và con người.

### **2.2.2. Yếu tố tâm linh và sự hướng về giá trị Chân - Thiện - Mĩ**

Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 là sự hữu hình hóa cái ác và giấc mơ về những giá trị Chân - Thiện - Mĩ. Yếu tố tâm linh trước hết là tiếng chuông cảnh tỉnh con người về sự đổ vỡ những giá trị đạo đức truyền thống, tập trung tô đậm tình cảnh tha hóa sâu sắc của con người thời hiện đại. Cái ác qua yếu tố tâm linh được thể hiện dưới nhiều hình thức hết sức đa dạng, nhất là qua các cuộc sám hối. Với Nguyễn Minh Châu, cuộc sống bao giờ cũng vậy, có cả ánh sáng và bóng tối, có cả dương và âm, rằng bản chất của con người không hoàn toàn đơn giản. Và luôn có cuộc đấu tranh giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cái thiện và cái ác, giữa nhân bản và phi nhân. Con người đã dững

cảm kiên cường biết bao trong cuộc đấu tranh ấy. Nhưng nhìn lại, chúng ta vẫn không thể phủ nhận được cái xấu xa đã có lúc tàn phá tâm hồn con người ghê gớm. Người họa sĩ trong *Bức tranh* vì tự ái nghề nghiệp mà lần thứ nhất được đề nghị đã không vẽ tranh cho người chiến sĩ, lần thứ hai ông có vẽ nhưng lại thất tín, không đưa bức tranh đến gia đình người chiến sĩ. Sự thất tín ấy đã gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với gia đình người đồng đội mà ông từng chịu ơn. Người mẹ của chiến sĩ vì nghe tin con chết, thương nhớ mà khóc đến lòa cả mắt. Hay Lục trong *Cỏ lau* cũng vì tự ái nhỏ nhen mà đẩy Phi và đồng đội của anh đến chỗ chết. Toàn trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* cũng làm chúng ta bàng hoàng khi thấy hình ảnh một cán bộ đã hoàn toàn thoái hóa, biến chất, trở thành một con người ích kỉ, tàn nhẫn, không còn tình người, không còn khả năng xúc động ngay khi gặp lại mẹ sau hơn hai mươi năm xa cách. Một phóng viên về đơn vị của Toàn đã tâm sự: “*Ừ thì, trước đây mình sống với người, chỉ biết sống với người, với thần thánh, thì bây giờ hãy sống với quý, hãy ngồi cùng mâm với quý, hãy chạm chén với quý, quý già đời, quý tập sự...*” [5, tr.557]. Bằng việc hữu hình hóa cái ác qua yếu tố tâm linh, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện nỗi lo âu khắc khoải về sự suy mòn của nhân tính, của đạo lý truyền thống. Sự tha hóa, biến chất, cách cư xử tàn nhẫn với người khác sẽ dẫn đến sự cằn cỗi, trống rỗng của tâm hồn, mà hậu quả thì không thể lường trước được.

Mặc dù Nguyễn Minh Châu khám phá và thể hiện nhiều mặt trái đời sống con người, thì đây đó vẫn ánh lên cái nhìn đầy bao dung độ lượng, vẫn le lói niềm tin bất diệt vào bản tính tốt đẹp của con người, khẳng định sức sống lâu bền của những giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Đối với nhà văn, điều quan trọng là con người cần có ý thức, có thói quen “*tạm ngừng lại một chút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình*” [5, tr.134]. Rất nhiều nhân vật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 tìm đến tâm linh như một nhu cầu không thể thiếu của đời sống tinh thần. Người họa sĩ (*Bức tranh*), Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*), Lục (*Cỏ lau*)... sám hối chính là cách để họ đi tìm sự thanh thản cho tâm hồn mình. Hay như sư già Thiện Linh (*Mùa trái cóc ở*

miền Nam) để làm voi đi sự dằn vặt vì sai lầm của mình trong quá khứ đã tìm đến tôn giáo (cả Thiên chúa giáo và Phật giáo), ngày đêm tụng kinh, rồi cuối cùng là đi ăn xin tình thương của thiên hạ...

Qua các yếu tố tâm linh, Nguyễn Minh Châu còn thể hiện thái độ ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người. Hạnh trong *Bên lề chiến tranh*, Thai trong *Cỏ lau* luôn linh cảm về người yêu, người chồng của mình còn sống để rồi họ chờ đợi, hay những biểu tượng thiêng hòn vọng phu... chính là những minh chứng cho đức tính thủy chung son sắt của người phụ nữ Việt Nam. Cuộc thông linh với người con trai chết trận ở Campuchia của lão Khúng trong *Phiên chợ Giát* đã hé mở một nét đẹp trong tâm hồn lão. Đó là tình yêu thương con vô bờ bến. Hóa ra, với lão nông dân xù xì lúc nào cũng chỉ nghĩ đến *thiết* và *thực* kia, con cái không chỉ là lực lượng lao động. Đáng quý hơn, Dũng không phải con đẻ của lão Khúng. Quả là một tình yêu, một sự bao dung hiếm thấy. Hay Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) khi ngồi thâu đêm trong hang đá với những kỉ vật thiêng liêng là những chiếc ba lô của các tử sĩ, chị đã nghĩ đến Đất nước, Tổ quốc, đến những làng quê nơi có mái nhà, bờ đê, khúc sông nặng phù sa, lối ngõ, giếng nước... Trong tâm linh Quỳ lúc ấy chẳng gì khác chính là lòng yêu nước, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt bao nhân vật mà Nguyễn Minh Châu xây dựng từ trước đến sau này. Và trong rất nhiều tác phẩm của Nguyễn Minh Châu nói đến mồ mã, thờ cúng, tìm mộ... đó là nét đẹp ngàn đời của con người Việt Nam, luôn “Uống ước nhớ nguồn”, biết ơn những người đi trước.

Có thể nói, cái đẹp, cái thiện vẫn tồn tại, cứu rỗi tâm linh con người, vượt lên trên những khổ đau hệ lụy của đời sống dù cho nhiều khi nó cũng phải trải qua lăm nõi truân chuyên. Tự đáy sâu tấm lòng đôn hậu của Nguyễn Minh Châu luôn cháy lên niềm tin thiết tha vào con người và sức mạnh bất diệt của những giá trị nhân bản. Với ông, mỗi con người đều chứa đựng trong lòng những nét đẹp đẽ, kì diệu đến nỗi cả một đời cũng chưa đủ nhận thức, khám phá tất cả những cái đó. Cho nên, với Nguyễn Minh Châu, sáng tác nghệ thuật cũng có nghĩa là đi tìm hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người.



Có thể nói, thông qua yếu tố tâm linh, nhà văn tiếp cận con người ở hai chiều tốt - xấu đã thể hiện cái nhìn sâu sắc về con người. Điều đó phản ánh phạm vi hiện thực đời sống đã được mở rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, văn học đã áp sát hơn với đời sống. Đời sống được phản ánh một cách gân guốc sống động, thậm chí không hề né tránh cả những mảng tối nhất. Hơn thế, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 không dừng lại ở sự phản ánh mà còn có sự cảnh tỉnh, nhắc nhở, hướng con người đến với một lối sống tốt đẹp hơn.

### **2.2.3. Yếu tố tâm linh và cảm hứng nhận thức lại thực tại**

Có thể khẳng định không quá lời rằng chính nhu cầu nhận thức lại thực tại trên tất cả các phương diện đã là một trong những động lực mạnh mẽ đưa các nhà văn đến với tâm linh. Những vấn đề về nhân sinh, về kiếp người ở cấp độ tư tưởng, triết lý cũng được bàn luận. Những vấn đề nhạy cảm này luôn thuộc về phần “ẩn ức xã hội”, những điều cấm kỵ ít được nói đến. Vì thế, yếu tố tâm linh chính là phương tiện tuyệt diệu để các nhà văn đề cập đến điều đó một cách cởi mở và dân chủ hơn.

Trước hết, trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975, đó là cảm hứng nhận thức về ý nghĩa, số phận của con người. Những tưởng Nguyễn Minh Châu chỉ gắn bó ngòi bút của mình với chiến tranh, người lính, nhưng không, trong những trang viết đầy nước mắt và tâm huyết cuối cùng, ông lại dành một mối ân tình đặc biệt với người nông dân. Nhân vật lão Khúng trong *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát* đã thể hiện những nhận thức mới của ông về người nông dân. Người nông dân không chỉ chân lấm tay bùn, khổ cực vất vả, chỉ biết nai lưng làm việc mà còn có tầm vóc lịch sử. Tác giả đã ý thức được sự lớn lao trong số phận đầy nhọc nhằn, khốn khó của người nông dân. Cặp đôi lão Khúng - bò Khoang chính là hiện thân của sức mạnh khai phá “vạch rừng, vỡ đất”, chính sức mạnh này nuôi sống con người, mở mang làng mạc, tạo dựng đất nước, kiến tạo lịch sử. Trong truyện *Khách ở quê ra* công cuộc khai hoang của gia đình lão Khúng được miêu tả khá kỹ lưỡng. Lão tranh chấp với rừng từng bước chân, không chỉ trả giá bằng mồ hôi mà bằng cả máu. Cách thức lao động cũng được

phản ánh cả quá trình, ban đầu chỉ là tay chân, sau đan đợc cái sọt để khiêng và gánh, rồi lên bước đại nhảy vọt là chiếc xe cút kít... Thế nên mảnh đất vốn là chốn rừng thiêng nước độc, đi hàng nửa ngày không gặp một người, toàn những đá là đá đã nhanh chóng trở thành mảnh đất trù phú với sắn, đậu xanh, đậu tương, lúa nếp, lúa tẻ... Công cuộc lao động của lão Khúng và bò Khoang mang ý nghĩa “*khai sơn lập địa từ thời hồng hoang*”, thời “*mới có loài người*” [34, tr.434]. Trong lịch sử văn học nước nhà, người nông dân được nói đến nhiều nhưng hiếm có những biểu tượng cao cả, hào hùng mang tầm vóc lịch sử nhân loại lớn lao đến vậy. Hay hai giấc mơ của lão Khúng trong *Phiên chợ Giát* chính là những *giả thuyết về thân phận người nông dân* của Nguyễn Minh Châu (Hoàng Ngọc Hiến). Lão Khúng chính là một hình ảnh mới về người nông dân. Giấc mơ cuối cùng: “*Chính lão bị đánh bằng búa tạ, chính lão là con bò!... Máu me đầm đìa...*” [5, tr.605] phải chăng để nói người nông dân có thể thành nạn nhân thảm khốc. Giấc mơ đầu tiên: “*kẻ nâng chiếc búa tạ đánh vào đầu con vật là lão chứ ai!*” [5, tr.569] cũng để nói người nông dân có thể trở thành hung thần. Nói như Hoàng Ngọc Hiến thì “*xét đến cùng, những ác ôn, ăng ca cả những cường hào mới nữa phần lớn cũng từ nông dân mà ra*” [34, tr.435]. Và sự hóa thân người/bò, bò/người chính là thân phận con người. Trước hết nó nói lên nỗi cực nhục của người nông dân phải sống giữa hoang vu, trong bóng tối, sống như kiếp trâu bò, nửa người nửa vật. Hơn nữa, biểu tượng này tạo nên một ý nghĩa đặc sắc cho tác phẩm. Cử chỉ giải thoát cho bò Khoang của lão Khúng chính là khát khao tự giải thoát để được sống cuộc sống tự do, hoang dã. Nhưng đến cuối truyện, con bò lại quay trở về gặp chủ. Điều đó thể hiện sự lẩn quẩn của kiếp bò Khoang nhưng cũng chính là sự lẩn quẩn của kiếp người nông dân, sự thất bại ảo tưởng tự do của người nông dân. Có thể nói bản chất và số phận của người nông dân đã được Nguyễn Minh Châu thể hiện ở những khía cạnh khá mới mẻ.

Là nhà văn thành công trong đề tài chiến tranh trước 1975 với hàng loạt tiểu thuyết và truyện ngắn có tiếng, Nguyễn Minh Châu đã dựng lại một không

khí hào hùng, sục sôi của dân tộc thời đánh Mĩ. Những trang viết của ông đã thể hiện rõ đặc điểm văn học của thời đại là khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Song trong những truyện ngắn sau 1975, ông đã nhìn lại chiến tranh với những nhận thức mới thông qua các yếu tố tâm linh. Cái tang thương, mát mát được nói tới nhiều hơn. Người đọc không khỏi không ám ảnh trước hình ảnh núi Đọi trong *Cỏ lau*, nơi ghi dấu những mát mát, hi sinh to lớn của con người. Rất nhiều chiến sĩ đã ngã xuống, mãi mãi bỏ lại hạnh phúc, tuổi trẻ, cả cuộc đời lại ở nơi đây nên sau chiến tranh ngọn núi này được đổi tên thành Tử Sĩ. Từng thớ đất nơi đây không chỉ được giành lại bằng sự chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ mà nó còn được tưới bằng xương thịt của họ: *“Đất lại sống được bằng cốt nhục của tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã gửi lại. Cái đất trong vùng cỏ lau kia lại còn được tưới bón bằng cốt nhục anh em bộ đội giải phóng...”* [5, tr.507]. Hay câu chuyện của Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) về một cái hang chát đầy ba lô cũ của các tử sĩ: *“Hai chúng tôi soi đèn pin đi sâu vào một cái hang chát đầy ba lô cũ, mỗi ba lô chứa lỏng lẻo một vài bộ quân phục cũ, vài thứ đồ dùng lặt vặt, phía sau lưng mỗi ba lô đã có gài sẵn một tấm bìa các tông viết mấy hàng chữ. Đó là kho ba lô của các đồng chí tử sĩ của tất cả các đơn vị trong mặt trận gửi về phòng chính sách, để chuẩn bị chuyển ra các tỉnh ngoài hậu phương”* [5, tr.173]. Rồi còn nhiều sự hi sinh trong chiến đấu như Hòa, Hậu (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*), Dũng (*Phiên chợ Giát*), Huân (*Sống mãi với cây xanh*)... Nguyễn Minh Châu còn đặt ra nhiều vấn đề về cuộc sống sau chiến tranh như số phận người lính, tìm và quy tập hài cốt liệt sĩ, nhân cách người lính... Viết về chiến tranh, nhà văn đã đưa ra cái nhìn đa diện hơn. Nếu trong *Cơn giông* nhà văn mới chỉ chạm đến vấn đề mới thì tới *Cỏ lau*, *Mùa trái cóc ở miền Nam* vấn đề lại sâu sắc, phong phú hơn. Ông bộc lộ những dẫn vật, lo âu về vấn đề được và mất, thiện và ác, sự thay đổi của con người hay đúng hơn là những hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh những cái thật, giả, phải, trái, đen, trắng lúc này mới hiện đúng với bản chất của nó. Cái ý nghĩ *“chiến tranh làm người ta hư đi hơn là làm người ta tốt hơn”* là sự tổng kết suốt một

đời cầm súng của một người lính già khác hẳn với tâm sự bông bột của một anh lính trẻ lần đầu cầm súng ra. Không còn tráng lên một lớp men trữ tình như phần lớn những người cầm bút lúc bấy giờ, cái nhìn của ông đã thay đổi theo hướng tiến dần đến hiện thực hơn, lối viết trầm lắng hơn, day dứt hơn trước thực tế đang làm ông lo lắng.

Có thể nói trong văn xuôi sau 1975 có một khuynh hướng nhận thức lại một thời. Nguyễn Minh Châu bằng những truyện ngắn sau 1975 đã góp phần thể hiện sự đào sâu vào hiện thực và cái quan trọng mang đến tính triết luận đáng quan tâm. Đây là một phẩm chất mà văn xuôi một thời thiếu vắng. Bởi văn xuôi giai đoạn trước là văn xuôi sử thi, giàu chất thơ, thấm đẫm chất tráng ca, ngợi ca vẻ đẹp của con người và xã hội trên bình diện lịch sử, do đó có ít chất triết luận, phân tích. Văn xuôi thế sự trái lại đầy những trăn trở, suy tư, chiêm nghiệm, mổ xẻ hiện thực để tìm ra đúng cái bản chất của nó.

*\* Tiểu kết*

Với mục tiêu nghiên cứu là khảo sát, đánh giá và nhận diện yếu tố tâm linh trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975, luận văn nhận thấy tuy không đậm đặc song yếu tố tâm linh đã hiện diện trong các truyện của ông ở giai đoạn này. Yếu tố tâm linh có khi biểu hiện ở trạng thái đơn giản, trực tiếp, dễ thấy, có lúc lại ở trạng thái phức tạp, gián tiếp khó thấy. Về cảm quan tôn giáo, tín ngưỡng, đề tài nhận thấy truyện của Nguyễn Minh Châu xuất hiện cả Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo và tín ngưỡng sùng bái con người như thờ cúng, khăn vái, mồ mã... Về các yếu tố tâm linh trong đời sống, truyện của ông có những giấc mộng, điềm báo, linh cảm, thông linh, những biểu tượng thiêng liêng... Đặc biệt, có những truyện yếu tố tâm linh xuất hiện khá nhiều như *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Phiên chợ Giát*, *Cỏ lau*...

Việc sử dụng các yếu tố tâm linh mang lại giá trị to lớn cho các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975. Thứ nhất, nhà văn có cái nhìn đa chiều hơn về cuộc sống, thấy rằng cuộc sống có nhiều điều ngẫu nhiên, có tốt, có xấu, có thế giới thực và có cả thế giới tâm linh. Cùng với đó, văn học thể hiện yếu tố

tâm linh cũng đa dạng hơn về đề tài, chuyển dần sang địa hạt tâm linh. Thứ hai, thể hiện niềm tin thiêng liêng của con người vào những cái cao cả, Nguyễn Minh Châu luôn hướng con người đến những giá trị tốt đẹp, đến Chân - Thiện - Mĩ. Ở đó con người sám hối, đấu tranh để hoàn thiện nhân cách, hướng về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”... Thứ ba, nhà văn nhận thức lại thực tại. Ông có cái nhìn mới về số phận con người, chiến tranh...

### Chương 3

## YẾU TỐ TÂM LINH TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975 NHÌN TỪ GÓC ĐỘ THI PHÁP

### 3.1. Yếu tố tâm linh và đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người

#### 3.1.1. Khát vọng đổi mới trong sáng tác truyện ngắn Nguyễn Minh Châu

“Văn học là nhân học” (Maxim Gorki). Vì thế suy cho cùng, văn học cũng như mọi ngành nghệ thuật khác đều hướng tới con người, do con người và vì con người. Mục đích cuối cùng mà văn chương hướng tới chính là “*miêu tả con người cho sinh động*”. Muốn thực hiện sứ mệnh đó, điều đầu tiên và quan trọng nhất của nhà văn là xây dựng cho mình một quan niệm riêng về con người.

Quan niệm nghệ thuật về con người là khái niệm cơ bản nhằm thể hiện khả năng khám phá, sáng tạo trong lĩnh vực miêu tả, thể hiện con người của người nghệ sĩ nói riêng và thời đại văn học nói chung. Giáo sư Trần Đình Sử cho rằng: “*Quan niệm nghệ thuật về con người là một cách cắt nghĩa, lí giải tầm hiểu biết, tầm đánh giá, tầm trí tuệ, tầm nhìn, tầm cảm của nhà văn về con người được thể hiện trong tác phẩm của mình*” [66, tr.15]. Nghĩa là, quan niệm nghệ thuật về con người sẽ đi vào phân tích, mổ xẻ đối tượng con người được thể hiện thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp trong các tác phẩm văn học, từ đó, thấy được giá trị và chiều sâu triết lí của tác phẩm. Cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ, cách lí giải về con người của nhà văn vừa là sản phẩm của lịch sử, xã hội và văn hóa thời đại nhà văn sáng tác vừa mang dấu ấn sáng tạo của cá tính nghệ sĩ, gắn liền với cái nhìn của nghệ sĩ.

Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình, Nguyễn Minh Châu khi thì bằng tác phẩm, khi thì bằng những suy nghĩ đầy tâm huyết đã nêu ra những vấn đề có ảnh hưởng quan trọng đến cả một xu hướng phát triển của văn học nước nhà. Dấu ấn của ông để lại không chỉ là số đầu sách đã xuất bản mà là “*một vết tư tưởng về con người, một sự thức tỉnh cho cả xã hội và văn chương nói chung*” [30, tr.267]. Quan niệm về con người của Nguyễn Minh Châu khi thì tiêu biểu

cho văn học những năm tháng hào hùng đánh Mỹ, khi thì thể hiện tính tiên phong trong bước ngoặt của thời kì đổi mới. Song có một điều suốt cuộc đời mình, ông luôn khắc khoải, có cả “niềm tin pha lẫn với âu lo” với con người.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc ta tuy vô cùng ác liệt, dữ dội nhưng đã khơi dậy được sức sống tiềm tàng, ý chí đấu tranh, tinh thần đoàn kết của con người Việt Nam. Tất cả kề vai, sát cánh để phục vụ tiền tuyến, hướng đến chiến thắng. Văn học chặng này đã nhanh chóng “*nhập cuộc*”, khai thác và thể hiện con người “*trên phương diện con người chính trị, con người công dân, nhưng mỗi cá nhân như là biểu hiện tập trung của ý chí, khát vọng và sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, thậm chí của thời đại, của nhân loại*” [47]. Với quan niệm con người mang vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng, của khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, ở thời kì trước 1975, Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nên những hình mẫu nhân vật kết tinh vẻ đẹp của cộng đồng. Họ là những con người sống có lí tưởng cao đẹp, ý thức sứ mệnh lịch sử của mình và sẵn sàng hành động để hiện thực hóa nó. Đó là Thùy, Bân (*Cửa sông*), Nguyệt, Lãm (*Mảnh trăng cuối rừng*), Kinh, Lữ, Khuê, Cận, Lượng (*Dấu chân người lính*)... Nguyễn Minh Châu thường sử dụng bút pháp lí tưởng hóa, lãng mạn hóa kết hợp với giọng điệu ngợi ca, hào hùng để dựng lên các nhân vật đều là những viên ngọc, sáng đẹp, không có tí vết. Khó có thể tìm thấy một khiếm khuyết trong phẩm chất của họ. Đúng như nhà phê bình N.I.Niculin đã từng nhận xét về Nguyễn Minh Châu và sáng tác của ông: “*Niềm tin vào tính bất khả chiến thắng của cái đẹp, cái thiện được khúc xạ ở chỗ anh đã tắm rửa sạch sẽ các nhân vật của mình, họ giống như được bao bọc trong một bầu không khí vô trùng*” [71, tr.168].

Mặt khác, cũng như những cây bút cùng thời, Nguyễn Minh Châu chưa có điều kiện đi sâu vào khám phá những vỉa ngầm, những éo le, ngang trái trong số phận con người, nhưng ngay trong những trang viết đậm chất anh hùng ca như *Cửa sông*, *Dấu chân người lính*, nhà văn đã có những trăn trở về việc phải chiến

đấu cho quyền sống của cả dân tộc, sau này phải chiến đấu cho quyền sống của từng con người, làm sao cho mỗi con người sống tốt đẹp hơn. Chính cuộc chiến ấy mới lâu dài. Đó chính là sự nhạy cảm, ý thức trách nhiệm và bản lĩnh của nhà văn, là nét riêng đặc sắc manh nha cho một sự chuyển mình hướng đến một quan niệm mới về con người sau này.

Khi chiến tranh qua đi, biết bao vấn đề về hiện thực và con người được đặt ra. Nguyễn Minh Châu với sự gắn bó với đời sống, sự mẫn cảm, sự thôi thúc lương tâm và trách nhiệm đã bắt vào nhịp sống mới, sớm phát hiện những vấn đề sinh tử và sẵn sàng bước vào cuộc chiến mới “cuộc chiến đấu cho quyền sống của từng con người”. Ông quan niệm “Văn học và đời sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người”, muốn hòa nhập với cuộc đời, văn học không còn con đường nào khác là trở về với con người “*bằng ngòi bút, đào sâu cho đến cùng đáy cái thật chứa đầy bí ẩn, đầy nỗi niềm nguồn con của con người*” [4, tr.21]. Sau này trong những phát biểu và trang viết của mình, Nguyễn Minh Châu nhiều lần thể hiện khát vọng đổi mới truyện ngắn nói chung và quan niệm nghệ thuật về con người nói riêng. Ông từng khẳng định: “*Nhà văn phải là người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng của Đảng, nhất là trong giai đoạn quá độ xã hội chủ nghĩa đầy thử thách với từng con người này*” và quyết tâm đem ngòi bút của mình “*tham gia trợ lực vào cuộc giao tranh giữa cái tốt và cái xấu trong mỗi con người - Một cuộc giao tranh không có gì ồn ào nhưng xảy ra từng giờ, từng ngày và khắp mọi lĩnh vực đời sống*” [4, tr.85]. Với mỗi truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu luôn mong muốn mô tả con người với tất cả chiều sâu của tiến trình diễn biến và tính cách thật chân thực và khách quan, đồng thời đặt ra vấn đề về cuộc sống: “*Mỗi truyện ngắn tôi nêu ra một trường hợp cụ thể và xen vào mạch kể chuyện, tôi bàn bạc về quan niệm sống hoặc báo động một điều gì*” [30, tr.254]. Đi tìm “con người bên trong con người” (Bakhtin) luôn là khát khao cháy bỏng đã đưa Nguyễn Minh Châu đến với những thành công mang tính đổi mới trong những truyện ngắn của ông sau 1975.



### ***3.1.2. Khám phá chiều sâu nội tâm bằng đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người***

Lấy nhân bản làm nền tảng cho ngòi bút của mình, Nguyễn Minh Châu đã góp phần khơi nguồn cho dòng sông văn chương trở về với cuộc sống đời thường đích thực của nó. Những trang viết của ông nhanh chóng chuyển từ thế giới vĩ mô sang thế giới vi mô, từ thế giới của cộng đồng, dân tộc sang những câu chuyện đời tư, số phận cá nhân con người. Và ở con người, ông luôn cố gắng đào sâu tìm hiểu thế giới phức tạp, bí ẩn trong tâm hồn, hay nói cách khác là khám phá chiều sâu nội tâm. Những nhân vật truyện ngắn sau 1975 của ông được miêu tả như những “chủ thể tự nó” (Trịnh Thu Tuyết) với những bí ẩn khôn lường, những diễn biến phức tạp của quá trình vận động tâm lí, tính cách... Trong rất nhiều công cụ giúp nhà văn khám phá thể hiện con người, yếu tố tâm linh đã đóng vai trò rất lớn.

Qua những cuộc sám hối, một biểu hiện của cảm quan tôn giáo, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện sự khám phá về sự tự ý thức trong mỗi con người. Đó là quá trình tự hoàn thiện trong những giằng xé đau đớn, những cuộc đấu tranh nội tâm căng thẳng của nhân vật. Người họa sĩ trong *Bức tranh* đã bị đưa vào những cuộc tra tấn tinh thần thực sự. Có lẽ trong cuộc đời thành đạt và khá vẻ vang của mình, chưa bao giờ người họa sĩ lại nhìn rõ mình đến thế trong sự đối diện với nội tâm. Một nửa con người ông, phần còn chìm khuất trong bóng tối, vẫn còn ẩn chứa cái ác quỷ, rần rết thì biện hộ cho cách cư xử của ông, rằng đó là do hoàn cảnh, sự hi sinh cho nghệ thuật, do “nhân vô thập toàn”... Nhưng nửa kia lại đang rất nghiêm khắc, trung thực đập tan mọi tấm bình phong che chắn kia, buộc người họa sĩ phải nhìn rõ lương tâm, trách nhiệm cùng những cái xấu xa đã tồn tại trong cõi tâm linh bí ẩn của mình. Sự vận động tâm lí, cuộc đấu tranh vươn đến cái thiện trong nội tâm nhân vật tuy âm thầm mà rất căng thẳng. Hay trong cõi tâm linh riêng của Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, người đọc nhận thấy sự phức tạp trong nội tâm con người. Quỳ được nhiều người yêu, thậm chí coi chị như thánh nhân, nhưng rốt cuộc ở chị vẫn có những cái rất bình thường, thậm chí là sai lầm. Quỳ luôn đòi hỏi người mình yêu như

một thánh nhân, va vấp với hiện thực thì thất vọng, đá người yêu. Để đến khi sắp mất người ấy chị mới nhận ra lỗi lầm và khát khao cháy bỏng con người ấy bằng xương bằng thịt với tất cả những tật xấu, tầm thường. Rồi câu chuyện yêu một người, lấy một người để thực hiện ý nguyện của người yêu để lại; những khoảnh khắc thiêng liêng trong hang đá, trước tượng Phật... tất cả đã nói lên một cách chân thực, sinh động tâm lí của con người. Nguyễn Minh Châu đã khám phá chiều sâu tâm hồn con người với cả ánh sáng và bóng tối, cái khó khăn, vất vả khi phải đối diện với sự bảo thủ, mơ ước viễn vông.

Nội tâm của con người đôi khi là sự phức hợp bao hàm cả ý thức và vô thức, những ảo giác và huyền tưởng, đan xen thay thế cho nhau với những ngã rẽ bất ngờ, có vẻ phi logic. Đó là trường hợp của lão Khúng trong *Phiên chợ Giát*. Truyện kể về hành trình lão Khúng mang con Khoang đen ra chợ bán nhưng nó không đơn giản với các sự kiện, tình tiết mạch lạc mà là những dòng độc thoại và đối thoại trong nội tâm lão Khúng miên man, hỗn độn như sự bẽ bộn của cuộc sống, sự bí ẩn của tâm linh. Những giấc mơ khủng khiếp, những ảo giác hóa thân, tiềm thức âm u, hoang dã và cả cái triết lí thiết thực... rồi những hồi tưởng, liên tưởng trong đầu óc của lão Khúng đã dựng lại chân thực con đường nhận thức tâm linh của con người. Chính lão cũng nhận thấy một sự phức tạp: *“Có một điều thỉnh thoảng lão lại cảm thấy không biết sắp xếp cho có thứ tự những thứ chứa ở trong cái đầu của lão, cũng không biết diễn đạt thành lời cho rành rẽ - tất nhiên là chỉ diễn đạt với mình - cái bày ý tưởng rối rắm, tối tăm hay trái ngược với nhau, lại đầy gai nhọn, như nhiều đàn bò của nhiều nhà tự nhiên đem nhốt chung vào một chuồng và suốt đêm chúng nó húc nhau, rượt đuổi nhau lung tung beng hét cả lên, ở trong ngăn chuồng quá đỗi chật hẹp là cái đầu của lão”* [5, tr.572].

Trong *Dấu vết nghề nghiệp*, tâm lí của con người lúc gần đất xa trời hiện lên rõ, đó chính là những khoảnh khắc tâm linh chỉ có một được Nguyễn Minh Châu khắc họa rất thành công. Người thủ thành 83 tuổi danh tiếng một thời, đến khi sắp từ biệt cõi đời, trong cái khoảnh khắc tâm lí hiện có mới nhận ra những

luồng ánh sáng đủ sức soi tỏ toàn bộ quá khứ, kể cả một trái bóng gian lận trong đời thủ thành chuyên nghiệp. Lúc này con người ta mới hội đủ mọi yếu tố để nhìn lại suốt cả cuộc đời, những hạnh phúc, làm lỡ, sự ích kỉ, nhân hậu... Hành trình thể hiện nội tâm nhân vật người thủ thành càng cho thấy rõ một điều: những lúc sắp lìa cõi đời là lúc con người ta chân thật nhất, là lúc hướng đến những điều thiêng liêng nhất và cũng là lúc hiểu rõ mình nhất. Sau tất cả những diễn biến trong nội tâm nhân vật, nhà văn muốn gửi gắm những khám phá về con người: Con người ta thường xuyên không hoàn hảo và có những phút vụng dại, yếu ớt và ngu ngốc đến mức không thể tưởng tượng được.

Rõ ràng, bằng việc khám phá và thể hiện thế giới đa chiều và con người tâm linh, Nguyễn Minh Châu đã xây dựng một kiểu mô hình nhân vật gần gũi hơn, thực hơn trong văn học. Con người đã được đặt ra ngoài “bầu không khí vô trùng vốn có”, bước dè dặt, vừa đi vừa vấp ngã trước một thế giới đa chiều đầy biến ảo. Con người phải đối diện với chính mình, với số phận của mình với tư cách là một con người riêng lẻ, không nhân danh ai, không dựa vào ai. Họ có một đời sống nội tâm vô cùng phức tạp, đặc biệt là niềm tin tâm linh. Nhận thức về thế giới khách quan và nhận thức thế giới tâm linh trở thành một nhu cầu không thể thiếu, hướng họ đến cuộc sống tốt đẹp hơn. Đó là cách tiếp cận hết sức biện chứng về thế giới, mang lại cái nhìn không đơn giản xuôi chiều về cuộc đời và con người - những điều vốn hết sức “đa sự” và phức tạp.

### **3.2. Yếu tố tâm linh và nghệ thuật khai thác tình huống**

Trong sáng tác truyện ngắn, việc xây dựng tình huống truyện là một yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của tác phẩm. Tình huống truyện là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo nên theo lối lạ hóa, là nơi nhân vật xuất hiện, hành động, suy nghĩ, phát triển nhân cách... qua đó gửi gắm thông điệp cuộc sống. Với văn bản truyện ngắn, tình huống truyện là nhân tố tổ chức của thiên truyện, tức nó bao trùm và chi phối các thành tố khác như nhân vật, cảnh vật, bố cục, kết cấu, lời trần thuật... Với người viết truyện ngắn, tạo được tình huống đặc sắc xem như đã có tiền đề cho sự thành công của tác

phẩm. Nghĩa là để làm nên một truyện ngắn đầy đặn, người viết phải lo nhiều khâu như dựng người, dựng cảnh, đối thoại... Nhưng có được tình huống rồi thì coi như “đã có một hứa hẹn tin cậy” (Chu Văn Sơn). Nắm được tình huống truyện chính là nắm trong tay chiếc chìa khóa vàng mở cánh cửa bí mật vào thế giới bí ẩn của truyện.

Bàn về tình huống truyện, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: “*Với truyện ngắn và với một tác giả có kinh nghiệm viết, tôi nghĩ rằng đôi khi người ta nghĩ ra được một cái tình thế xảy ra chuyện, thế là coi như xong một nửa. Những nhà văn có tài đều là những người có tài tạo ra những tình thế xảy ra chuyện vừa rất cá biệt vừa mang tính phổ biến hoặc tượng trưng*” và “*những người cầm bút có cái biệt tài có thể chọn ra trong cái dòng đời xuôi chảy một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất, một khoảnh khắc cuộc sống nhưng bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại*” [4, tr.258].

Trong những sáng tác truyện ngắn sau 1975, Nguyễn Minh Châu đã dựng nên các tình huống truyện khá đa dạng, có những truyện chỉ xoay quanh một tình huống, có những truyện nhiều tình huống. Song, để thể hiện yếu tố tâm linh, có thể thấy nhà văn thường sử dụng tình huống tâm lí.

Tình huống tâm lí là sự kiện đặc biệt của đời sống mà ở đó nhân vật rơi vào một tình thế làm nảy sinh một biến động nào đó trong thế giới tình cảm, tâm lí. Ở kiểu tình huống này, nhân vật hiện lên chủ yếu bằng thế giới nội cảm. Nhà văn tạo dựng nhân vật bằng một hệ thống chất liệu là cảm giác, cảm xúc với các phức hợp khác nhau. Nói về tình huống tâm lí, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: “*Có những nhà văn lại cố tình đưa nhân vật của mình vào những va chạm bình thường hàng ngày, những tình thế giao tiếp hàng ngày, ai cũng đã nhiều lần trải qua và các tình thế xảy ra lại nằm trong tâm trạng, tính cách nhân vật*”. [72, tr.119]. Trong *Phiên chợ Giát*, lão Khúng được đặt trong một sự kiện rất

đặc biệt đó là đi bán con Khoang, “người bạn đời của lão”, con vật gắn bó với lão từ những ngày lên khai hoang, sống như một thành viên trong gia đình lão. Đây thực sự là một sự kiện gây chấn động tâm lí cho gia đình lão. Mẹ Huệ dạy sớm cùng lão trong cái giây phút trọng đại vĩnh biệt con bò. Mẹ chăm nó lần cuối bằng chậu cháo nếp đặc sánh thơm ngon và những cử chỉ âu yếm. Con Nghiên thì nước mắt giàn giụa vuốt ve lên đầu lên cổ con vật. Đến cả hai con chó cũng trở nên đầy quyến luyến mà chạy quanh quẩn, đưa mũi hít hít chiếc móng sừng của con vật kéo cày. Nhất là lão Khúng, tâm lí đã trở nên xáo trộn đến mức cả đêm lão khó ngủ, bắt gặp những giấc mơ kì lạ, những suy tư, trăn trở và cả những giọt nước mắt: *“Con bò già nua làm sao thấy được một giọt nước mắt của lão Khúng vừa lăn vào lớp cỏ ống nhàu nát dưới bàn chân lão trong lúc lão oằn người giang hai cánh tay thúc cái then cửa giàn về một bên để mở cửa giàn bò cho con bò đi ra”* [5, tr.575]. Hành trình lão Khúng đưa con Khoang ra chợ bán chỉ diễn ra vùn vện trong vài tiếng đồng hồ nhưng Nguyễn Minh Châu đã đưa người đọc đến với nhiều diễn biến tâm trạng, nhưng chiêm nghiệm và những “mảnh của sự phân thân” của lão. Mảnh thứ nhất mang chiều dài của lịch sử loài người: lão Khúng từ miền biển lên khai hoang với đầy những nhọc nhằn, lo toan. Mảnh thứ hai dừng lại ở cái chết của đứa con lão trên mảnh đất Cam-pu-chia. Mảnh thứ ba là hồi ức về lịch sử ông bí thư huyện. Mảnh thứ tư bị cắt bởi giấc mơ khủng khiếp và cuối cùng ông thả con Khoang về rừng nhưng nó vẫn trở về với ông. Trong tất cả những mảnh ghép, những sự phân thân ấy có nhiều cung bậc cảm xúc, những niềm tin tâm linh được nhắc đến. Đó là những giấc mộng, linh cảm, thông linh... Có thể nói tâm linh của con người như một thế giới bí ẩn và linh diệu mà nhà văn đang khám phá.

Trong *Bức tranh*, Nguyễn Minh Châu cũng đã cuốn hút người đọc vào những trạng huống tâm lí nhân vật phức tạp và diễn biến đa chiều nhằm thể hiện khát vọng thức tỉnh lương tâm, hướng đến cái đẹp của sự hoàn thiện nhân cách. Cuộc gặp lại bất ngờ sau bao nhiêu năm của người họa sĩ và chiến sĩ năm xưa đã đặt nhân vật người họa sĩ vào những mối quan hệ của hoàn cảnh không ngờ, hết

sức khó xử. Quá trình sám hối của ông là một quá trình đấu tranh nội tâm gay gắt. Khi thì xấu hổ, ân hận, lúc lại tìm mọi cơ để đổ lỗi cho hoàn cảnh. Miêu tả mâu thuẫn tâm lý thể hiện sự giằng co dai dẳng và dữ dội trong nhân vật, nhà văn đã lần lượt đưa ra những phép thử với nhân vật. Nhiều lần nhân vật có cơ hội “tẩu thoát” nhưng lần nào cũng vậy, ông lại nạp mình cho lương tâm, không lẩn tránh. Khi anh thợ dờn quán, người họa sĩ vẫn tự nguyện tìm đến. Khi chứng kiến hoàn cảnh khó khăn của gia đình người thợ, ông muốn giúp đỡ bằng tiền, nhưng rồi cũng nhận ra không thể lấy đồng tiền ra thay mặt mình được. Các phép thử này, một mặt thể hiện sự cao tay của nhà văn trong việc dựng lên ranh giới mong manh giữa thiện và ác, hèn nhát và dũng cảm, cao thượng và thấp hèn để nhân vật lựa chọn, một mặt thể hiện rõ logic tâm lý của con người. Cùng với đó, toàn bộ câu chuyện có rất ít chuyện, chủ yếu đi theo mạch của tâm trạng, cảm xúc của nhân vật, một thứ cảm xúc mang đậm yếu tố tâm linh.

Ngoài những tình huống tâm lý theo suốt chiều dài câu chuyện, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 còn chứa đựng những tình huống, sự kiện ở phạm vi nhỏ hơn tác động mạnh đến tâm lý, gợi lên cảm xúc tâm linh của nhân vật như trong các truyện *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ lau*, *Sống mãi với cây xanh*... Tất cả đã góp phần thể hiện thế giới tâm hồn vô cùng phong phú và phức tạp của con người.

### **3.3. Yếu tố tâm linh và không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật**

#### **3.3.1. Không gian nghệ thuật**

Trong cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán có dẫn: “Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó” [22]. Trần Đình Sử lý giải thêm: “không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại cùng thế giới nghệ thuật” [62, tr.88]. Ông còn khẳng định một cách hết sức chắc chắn: “không có hình tượng nghệ thuật nào không có không gian, không có một nhân vật nào không có một nền cảnh nào đó”, và “không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống” [62, tr. 88-

89]. Như vậy, không gian nghệ thuật là phương thức tồn tại và triển khai của thế giới nghệ thuật. Không gian nghệ thuật trở thành phương tiện chiếm lĩnh đời sống, “mang ý nghĩa biểu tượng nghệ thuật”. Không gian nghệ không những cho thấy cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học, các ngôn ngữ tượng trưng, mà còn cho thấy những quan niệm về thế giới, chiều sâu cảm thụ của tác giả.

Trong truyện của Nguyễn Minh Châu, để biểu hiện thế giới tâm linh, nhà văn nói rộng không gian. Không gian hướng về từng cá nhân và được thay đổi theo dòng ý thức của nhân vật. Nó mang tầm “vi mô” đa dạng và vô cùng phức tạp, gắn liền với suy nghĩ của con người. Không gian bây giờ được tác giả xây dựng trên nền thủ pháp “dòng ý thức”. Đọc truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975, chúng ta thấy thủ pháp này được tác giả sử dụng rất nhiều, trong những tác phẩm như: *Bức tranh*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bến quê*, *Cỏ lau*, *Phiên chợ Giát*. ..“Dòng ý thức” chủ yếu khai thác chiều sâu trong tâm trạng, ngôn ngữ thường giàu chất thơ và có sự hòa quyện giữa thực - ảo. Không gian trong tác phẩm vì thế thường không được xác định cụ thể, nó chập chờn, biến hóa theo dòng suy tưởng của nhân vật. Hiện thực trong tác phẩm được nhìn nhận thông qua những giấc mơ, hồi tưởng, suy nghĩ bất chợt, vu vơ. Điển hình như *Quỳ trong Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, tác giả đã để cho chị nhận thực lại cuộc đời mình thông qua những hồi tưởng về quá khứ. Ở đó hiện lên những không gian ở chiến trường, trong bệnh viện, trong trạm quân y, trên những chuyến tàu tốc hành...

Bên cạnh không gian chiến tranh thường gặp, truyện còn có không gian liên quan trực tiếp đến đời sống tâm linh bên trong nhân vật Quỳ. Có một không gian con tàu tốc hành ngoài đường sắt thật "*Những chuyến tàu tốc hành thường chạy qua ngoài cánh đồng vào những giờ nhất định bao giờ cũng chạy nhanh hơn, hối hả hơn những chuyến tàu thường*" [5, tr.166]. Và trong trí tưởng tượng của nhân vật người kể chuyện lại có một không gian ảo "*Một con tàu chạy lơ lửng không bám vào con đường sắt và cả đoàn tàu chỉ có một người hành khách duy nhất*" [5, tr.167]. Con tàu mộng du trong tâm tưởng ấy

đưa Quỳ đến Trường Sơn, để chị sống lại với quá khứ với kỉ niệm. Nơi ấy có những người thân yêu của chị đã ngã xuống. Quỳ đã từng sống ở không gian rừng núi Trường Sơn hùng vĩ tươi đẹp, từng khóc hết nước mắt trên ngôi mộ xanh mướt cỏ của Hoà, và giờ đây trong những đêm mộng du chị lại đến khu rừng ấy, đến ngôi mộ ấy *"Một vùng rừng đẹp đẽ và linh thiêng nhất đời chị, tìm đến bên một bờ suối, bên kia bờ suối là một bãi cỏ tươi tốt. Trên mười đầu ngón chân trần, chị rón rén dậm lên từng ngọn cỏ. Trong cái sự vắng lặng của một vùng rừng có một thời thật là chật chội và đông đúc, một vùng rừng như vẫn còn niêm phong lại bao niềm vui, nỗi buồn và khát vọng sâu xa nhất của con người, mỗi lá cỏ tươi tốt sẽ lặng lẽ vuốt ve bàn chân chị và mách bảo cho chị mọi điều. Chị sẽ nhẹ nhàng lật lên một vương cỏ. Chị sẽ cầm lấy trái tim vẫn còn hồng hào của mình lên ngắm nghía rồi lại để lại như cũ"* [5, tr.167]. Không gian ngôi mộ của Hoà ngay lần đầu tiên Quỳ đặt chân đến nó đã khác thường *"Chỗ này ngày xưa vốn là con đường vào núi kiếm củi, tôi quen lắm, làm gì có bãi cỏ xanh tươi bát ngát, y như từ trên trời cao rơi xuống"* [5, tr.167]. Và giờ đây trong những đêm mộng du chị đều hướng về đó để được vuốt ve những lá cỏ trên nấm mồ Hoà, nhắc nhở chị về một mối tình đẹp đẽ đã qua. Hay không gian trong hang đá lạnh ngắt và tối om nơi Quỳ hướng về đời sống tâm linh trước âm hồn của đồng đội. Quỳ thực sự hối hận trước những món nợ tình cảm lớn mà chị không thể đáp lại những chiến sĩ đã mãi mãi ra đi kia. Việc đọc được những trang nhật kí trong ba lô tử sĩ đã tác động rất nhiều đến quan niệm sống của Quỳ sau này. Không gian trong ngôi chùa Quỳ ghé trên đường ra hậu phương là không gian thờ cúng hết sức u tịch, lặng lẽ mang đậm màu sắc huyền bí của tâm linh. Quỳ đã nhận ra bức tượng ngàn mắt ngàn tay đang vẫy gọi mình chính là Hoà và chị đã nhận ra chân lí muôn đời của cuộc sống *"Con người là một sự kết tinh của những tinh hoa; hoá ra thời nào cũng có con người như anh ấy, tập trung trí tuệ và tài năng trác tuyệt của nhân dân, và mang trong lòng tất cả khát vọng cháy bỏng của nhân dân"* [5, tr.163].



Ở *Phiên chợ Giát*, Nguyễn Minh Châu đưa đến hai không gian. Không gian bao trùm tác phẩm là làng quê Việt Nam, cụ thể miền Trung quê hương ông. Không gian thứ hai có phần thu hẹp hơn nó gắn liền với suy nghĩ của lão Khúng, hay không gian tâm tưởng của nhân vật. Không gian thứ hai được nói đến nhiều hơn, gắn với tâm linh của lão Khúng. Đó là không gian ảo xuất hiện ở trong giấc mơ lão Khúng. *“Vẫn bằng cái hình thù góm ghiếc ấy lão đang cùng bí thư Bời sóng đôi bước đi trên một bờ dải đất bằng phẳng trên một vùng cao nguyên nóng như rang, mang thân hình nửa bò nửa người, lão cùng Bời đi suốt một vùng đất được treo lên giữa lưng chừng trời, suốt một ngày đi không có một chỗ nào có một giọt nước. Đất dưới chân lão Khúng bây giờ là một thứ đất đầy màu mỡ, khô không khốc đỏ như sơn mài, mới được cày vỡ bằng máy, từng làn đất bột màu hồng bay là là dọc theo những cánh rừng tốt tươi, lá cây cứ xanh biếc như vẽ”* [5, tr.605]. Hay không gian ngôi nhà với chiếc phan cũ nơi diễn ra những giấc mơ kì lạ của lão Khúng, không gian con đường đầy bụi gắn với những suy nghĩ về cuộc đời làm lụng vất vả của người nông dân thủ cựu, không gian bầu trời đầy sao gợi đến sự hiện hữu của kiếp người...

Miêu tả không gian làng quê, tác giả nhằm cụ thể hóa hoàn cảnh và những mối quan hệ của các nhân vật. Còn ở không gian nội tâm, Nguyễn Minh Châu hướng đến khắc họa sâu sắc con đường nhận thức tâm linh của lão Khúng. Hai không gian tuy có phần đối nghịch nhau về mặt tuyến tính nhưng lại bắt nhịp cùng nhau về mặt nội dung. Nó tôn lên sự khó khăn, khắc nghiệt trong đời sống của những con người nơi đây và làm nổi bật tính cách của người nông dân Việt Nam trong giai đoạn đất nước đổi mới.

Không gian nghệ thuật là một yếu tố quan trọng của thi pháp học, là phương tiện chiếm lĩnh đời sống, là mô hình nghệ thuật về cuộc sống. Không gian nghệ thuật góp phần thể hiện quan điểm nghệ thuật của mỗi nhà văn. Xây dựng những không gian theo dòng ý thức của nhân vật là dụng ý nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Minh Châu mô tả đời sống tâm linh của con người một cách chân thực hơn. Sử dụng biện pháp nghệ thuật này, Nguyễn Minh Châu đưa đến

cho người đọc cái nhìn toàn diện về nội tâm của con người, khám phá được bản chất của con người ở nhiều phương diện khác nhau.

### **3.3.2. Thời gian nghệ thuật**

Thời gian nghệ thuật là thời gian được cảm nhận bằng tâm lí, qua chuỗi liên tục những biến đổi (biến cố) có ý nghĩa thẩm mĩ xảy ra trong thế giới nghệ thuật”. Thời gian nghệ thuật là phương tiện nghệ thuật thể hiện thế giới tâm linh của con người. Nguyễn Minh Châu đã nói rộng thời gian nghệ thuật. Thời gian không đơn giản là sự trôi chảy của những sự kiện, tình tiết nữa, mà có sự đảo lộn phạm trù thời gian, xáo trộn, đan xen các lớp thời gian trần thuật. Có thời gian của hiện tại, thời gian của quá khứ, thời gian như ngưng đọng, có khi lại vụt trôi không níu kéo lại được. Sự đan xen các lớp thời gian tạo ra một hệ thống điểm nhìn trần thuật tái hiện được đồng thời những sự kiện diễn ra ở những thời gian khác nhau.

Những sáng tác của Nguyễn Minh Châu không theo một trật tự thời gian vật lý chặt chẽ chính xác mà là thời gian của tâm linh được nảy ra bất chợt trong trí nhớ về những hồi ức. Trong tác phẩm *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* tác giả đã đan xen giữa quá khứ và hiện tại về cuộc đời của người phụ nữ tên Quỳ “*tuy mới 27 tuổi nhưng tôi đã sống trọn cuộc đời tôi cách đây nhiều năm*” và cô cũng thú nhận “*những năm về sau này, sau khi đã lấy chồng, những khi ngồi một mình và suy nghĩ thật bình tĩnh, tôi mới thấy rằng trong những ngày tháng ấy đã tập hợp lại trong cái cánh rừng Trường Sơn những con người đáng quý...*” [5, tr.148]. Quỳ là một phụ nữ tài năng nhưng lại bị hành hạ bởi chứng mộng du, do những ngày tháng sau chiến tranh của chị là khoảng thời gian mà chị hoài niệm về quá khứ, với những kỉ niệm buồn vui lẫn lộn. Trong chị luôn có nhiều hối tiếc. Tác giả đã để cho nhân vật của mình tự kể lại những hồi ức với người bệnh cùng bệnh viện về những quá khứ đã qua với nhiều tiếc nuối, mặc dù hiện tại chị có chồng, chồng chị là một kỹ sư cơ khí tài giỏi, anh cũng yêu quý chị và họ sống có hạnh phúc. Tác giả đã khéo léo đưa người đọc đi từ

hiện tại về quá khứ rồi lại trở về hiện tại. Có khi thời gian đối với Quỳnh ngưng đọng lại dường như không trôi chảy như trước cái chết của người yêu chị...

Hay có những khoảng thời gian rất đặc biệt, nhân vật của Nguyễn Minh Châu như không sống với thực tại, thời gian như ngừng trôi để họ sống với đời sống tâm linh, với những điều thiêng liêng cất giữ trong tâm hồn mình. Hạnh trong *Bên đường chiến tranh* khi gặp lại Thụy, người yêu cũ xa cách hơn ba mươi năm trời mà bà luôn chờ đợi tìm kiếm, đã sống trong những giây phút mộng ảo: “*Người đàn bà mặc áo dài thanh thiên ấy, đang bay lượn trong một vùng tưởng tượng huyền ảo “Hôm nay là cuộc vui gặp mặt của chúng ta , anh có hiểu không, là đêm đám cưới của hai ta khi còn đầu xanh tuổi trẻ để rồi sau đó đưa nhau về sống chung dưới một mái nhà. Điều đó đã không đến và chỉ là một mộng tưởng. Anh hãy cùng em sống đôi phút trong những điều mộng tưởng rồi lại trở về cõi thực...”*” [5, tr.113]. Rõ ràng, có hai khoảng thời gian được nhắc đến, một là thời gian buổi tối khi gia đình ông Phái đang quây quần cùng đoàn trình sát ăn bữa cơm và hai là thời gian tâm linh của Hạnh. Tất cả những yêu thương chờ đợi, một nửa trái tim mà bà Hạnh luôn cất giữ riêng cho người yêu cũ như bừng sáng lên trong khoảng thời gian ấy.

Trong *Phiên chợ Giát* thời gian trần thuật thực tế chỉ khoảng vài giờ. Nó đơn giản là con đường từ nhà lão Khúng đến chợ Giát. Nhưng truyện mở ra những lớp thời gian trong cõi tâm linh lão Khúng. Đó là thời gian khi lão mới đến mảnh đất này lập nghiệp, là hồi ức về Dũng đứa con trai yêu quý của lão đã hi sinh, là thời gian của giấc mộng về chính mình và con Khoang. Nhưng với “dòng ý thức” thời gian như dẫn dài trong từng nhận thức của lão Khúng. Nếu xem truyện ngắn là “lát cắt” của đời sống thì trong tác phẩm, tác giả đã cắt đúng khoảnh khắc thời gian đặc địa nhất.

Thời gian thể hiện yếu tố tâm linh trong truyện nhiều hơn cả là đêm tối. Khi mọi hoạt động ban ngày ngừng nghỉ, con người trở về với chính mình với những gì sâu kín bí ẩn nhất trong tâm hồn hướng về đời sống tâm linh. Đêm tối với lão Khúng trở thành quen thuộc. Sau một ngày vất vả làm việc, lão lại ngồi

suy nghĩ về tất cả mọi việc. Và đêm tối chính là thời khắc xuất hiện giấc mơ khủng khiếp thấy mình trong tình trạng nửa người nửa bò. Hành trình từ nhà đến chợ cầu Giát trong đêm tối là cuộc hành trình của tâm linh để nhận thức. Lão đã đối diện với sự thực phũ phàng của cuộc sống. Trong cùng một khoảng thời gian nhiều khung cảnh hình ảnh khác nhau của hồi ức sống dậy đan chéo vào nhau làm người đọc như bị hút vào câu chuyện của lão. Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* ngày thì tỉnh táo, bình thường nhưng đêm nào chị cũng mộng du, trở về những ngày tháng quá khứ. Hay với Lực trong *Cỏ lau* mỗi đêm là một câu chuyện tự thú...

Tóm lại, không gian và thời gian trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu có sự đa dạng và phức tạp. Nó gắn liền với đời tư cá nhân của mỗi con người. Nó cũng không còn là những gì to lớn của vũ trụ mà đi liền với “dòng ý thức” trong nội tâm nhân vật và có vai trò tích cực trong biểu hiện yếu tố tâm linh. Đổi mới về không gian và thời gian của Nguyễn Minh Châu rất đáng được ghi nhận và tạo tiền đề cho nhiều sáng tạo mới sau này.

*\* Tiểu kết*

Nhìn từ góc độ thi pháp, thông qua các yếu tố tâm linh trong truyện ngắn sau 1975, Nguyễn Minh Châu đưa ra quan niệm mới mẻ hơn, sâu sắc hơn về con người. Ông khám phá nội tâm con người ở cả phần ý thức và vô thức, thấy được những phần vô cùng phức tạp, bí ẩn. Và để làm được điều đó, ông đã dựng nên nhiều tình huống tâm lí, xây dựng không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật theo dòng ý thức của nhân vật. Vì vậy, nhân vật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu giai đoạn này hiện lên gần gũi hơn, chân thực hơn và người hơn.

## KẾT LUẬN

1. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã từng viết: *“Người viết văn là một người rất nặng nợ với đời”* (Trang giấy trước đèn). Hơn ba mươi năm cầm bút là hơn ba mươi năm ông trần trở với “món nợ” ấy. Trước năm 1975, lăn lộn ở chiến trường, dấn thân vào thực tế cuộc sống và chiến đấu, Nguyễn Minh Châu đã viết nên những tác phẩm mang hào khí của thời đại, dựng nên những con người anh hùng kết tinh những phẩm chất đáng quý. Sau 1975, đặc biệt là những năm 80, ngòi bút của ông lại trở về với cuộc sống đời thường bề bộn và phức tạp, với khát khao phản ánh hiện thực một cách chân thực nhất, đi tìm *“con người trong con người”*. Dù ở thời nào đi nữa, những gì ông để lại là một di sản văn học thật quý giá, đóng góp xuất sắc cho tiến trình văn học Việt Nam hiện đại. *“Sáng tác của Nguyễn Minh Châu sẽ còn mãi như đài tưởng niệm nhắc nhở những người cầm bút mai sau về giai đoạn chuyển mình đầy khó khăn và phức tạp nhưng cũng đầy triển vọng tươi sáng của nền văn học Việt Nam, cùng với sự chuyển mình của cả dân tộc vào những năm cuối thế kỉ XX để bước sang thế kỉ XXI”* [30, tr.346].

2. Trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Minh Châu, mảng truyện ngắn sau 1975 được đánh giá cao hơn cả. Đó là địa hạt thể hiện sự trần trở, mảy mò tự đổi mới trước làn sóng đổi mới đang dâng lên mạnh mẽ trong đời sống tinh thần dân tộc. Sự tự đổi mới ở nhà văn diễn ra tuy chậm chạp nhưng hết sức mạnh mẽ và càng ngày càng quyết liệt. Mỗi truyện ngắn của ông giai đoạn này được viết ra đều là những cuộc đối chứng về cuộc đời, con người, về văn chương và nghệ thuật. Đặc biệt, ông không chấp nhận quan niệm đơn giản về con người, cuộc đời mà luôn có những cuộc tìm kiếm, phát hiện. Ông nhận thấy ở con người có cả *“rồng phượng lẫn rắn rết”*, con người không ngừng đấu tranh giữa phần sáng và tối để hoàn thiện nhân cách. Từ sâu thẳm trong tâm hồn nhà văn luôn cháy lên một niềm tin bất diệt vào con người và giá trị Chân - Thiện - Mĩ.

3. Yếu tố tâm linh trong văn học không phải là vấn đề mới. Trong văn học trung đại, sự xuất hiện của yếu tố tâm linh khá đậm nét. Đến văn học hiện đại,

đặc biệt là giai đoạn văn học 1945 - 1975, do tác động của hoàn cảnh lịch sử với văn học, yếu tố tâm linh mờ nhạt hơn hẳn. Sau 1975, do yếu tố tâm linh xuất hiện trở lại một cách phong phú trong đời thường, văn học vì thế cũng phản ánh yếu tố tâm linh như một nhu cầu tự thân. Sáng tác truyện ngắn Nguyễn Minh Châu không phải là một ngoại lệ.

4. Xét về cảm quan nghệ thuật, Nguyễn Minh Châu không phải là người đặc biệt quan tâm tới yếu tố tâm linh và sử dụng nó như một phương tiện chủ yếu để phản ánh hiện thực cuộc sống và né tránh, che chắn, rào đón, đối phó với thực tế sáng tác văn học. Ông cũng không phải là người có quan niệm rõ ràng về thế giới huyền bí gắn với đời sống tâm linh của con người. Tuy nhiên hầu hết các truyện ngắn sau 1975 của ông đều ít nhiều xuất hiện yếu tố tâm linh gắn với việc khai thác thế giới nội tâm nhân vật. Vốn là một người thẳng thắn, lại vô cùng sắc sảo và tinh tế, cách khai thác yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu thường không được biểu hiện ở trạng thái đơn giản, trực tiếp, dễ thấy, mà luôn được nhà văn thể hiện ở trạng thái phức tạp gián tiếp khó thấy. Vì điều này, không ít người đã cho rằng: Yếu tố tâm linh trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu đâu có cũng chưa đủ để trở thành vấn đề cần quan tâm nghiên cứu. Trong khi thực tế nghiên cứu cho thấy việc sử dụng yếu tố tâm linh đã mang lại giá trị không nhỏ cho truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975. Nó khiến cho cái nhìn của ông trở nên đa chiều hơn, hệ thống đề tài cũng phong phú, đa dạng hơn khi chuyển dần sang địa hạt tâm linh.

5. Cuối cùng, thông qua yếu tố tâm linh, Nguyễn Minh Châu đã đưa ra những nhận thức mới mẻ hơn, sâu sắc hơn về con người trong truyện ngắn sau 1975. Từ cảm quan tâm linh, ông đã khám phá nội tâm con người ở cả phần ý thức và vô thức, thấy được những phần vô cùng phức tạp và bí ẩn. Đọc lại những trang viết của ông, những bài viết về ông có thể thấy cuộc đời và sự nghiệp của ông vẫn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề, là mảnh đất đầy hứa hẹn cho các nhà khoa học và những người yêu văn chương nghiên cứu ở những bình diện và phương pháp tiếp cận mới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2005), *Giản yếu Hán - Việt từ điển*, Nxb Văn hóa Thông tin.
2. Lại Nguyên Ân (2003), *Sống với văn học cùng thời*, Nxb Thanh niên.
3. Đặng Văn Bài (2015), *Tản mạn về văn hóa tâm linh của người Việt*, <http://quydisan.org.vn>, 02/06/2015.
4. Nguyễn Minh Châu (1994), *Trang giấy trước đèn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Châu (2006), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Văn học.
6. Nguyễn Minh Châu (2007), Nguyễn Minh Châu tác phẩm văn học được giải thưởng văn học Hồ Chí Minh.
7. Thiều Chửu (2004), *Hán-Việt Tự Điển*, NXB Thanh niên.
8. Nguyễn Đăng Duy (1996), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
11. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Đạo giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
12. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
13. Nguyễn Lâm Điền, Trần Văn Minh, *Chuyên đề: Đổi mới của văn học Việt Nam sau năm 1975*, Trường Đại học Cần Thơ.
14. Nguyễn Đăng Điệp (2006), *Chân dung các nhà văn Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. S.Freud, C. Jung, E. Fromm và R. Asagiolu (2002), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb văn hóa thông tin.
16. Nhiều tác giả (2000), *Phân tích bình giảng văn học chọn lọc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
17. Phạm Minh Hạc (2005), *Vấn đề tiềm năng con người*, Nxb Khoa học xã hội.
18. Phùng Hữu Hải (2006), “Yếu tố kì ảo trong truyện ngắn từ sau 1975”, <http://giaitri.vnexpress.net/>, 19/6/2006.

19. Bùi Như Hải, “Yếu tố tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam về đề tài nông thôn thời kì đổi mới”, Tạp chí Cuaviet.com.vn.
20. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb Từ điển bách khoa.
21. Mai Thanh Hải (2005), *Tìm hiểu tín ngưỡng truyền thống Việt Nam*, Nxb VH TT.
22. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Thích Nhất Hạnh (2007), *Thả một bè lau (Truyện Kiều dưới cái nhìn thiền quán)*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
24. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương (1998), *Lí luận văn học - vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
25. Dương Thị Thanh Hiên (2001), “Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu”, Tạp chí *Nhà văn* (7).
26. Hoàng Ngọc Hiến (2006), *Những ngã đường vào văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Hoàng Ngọc Hiến (1999), *Văn học và học văn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
28. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
29. Đỗ Đức Hiểu - Nguyễn Huệ Chi - Phùng Văn Tửu - Trần Hữu Tá (chủ biên, 2003), *Từ điển văn học* (Bộ mới), Nxb Thế giới, Hà Nội.
30. Nguyễn Trọng Hoàn (2002), *Nguyễn Minh Châu - Tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
31. Nguyễn Trọng Hoàn (2002), *Tiếp tục hành trình đọc Nguyễn Minh Châu - tiếp cận văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Đỗ Kim Hồi, Trần Đăng Xuyên (1994), *Giảng văn văn học Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
33. Ngọc Huy (2013), “Chiếc thuyền ngoài xa - nét độc đáo trong phong cách Nguyễn Minh Châu”, tạp chí Đại học văn hóa nghệ thuật quân đội tháng, 03/2013.



34. Mai Hương (2001), *Nguyễn Minh Châu - Tài năng và sáng tạo nghệ thuật*, Nxb văn học.
35. Nguyễn Văn Kha, *Đổi mới quan niệm về con người trong truyện Việt Nam 1975 - 2000*, Nxb Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
36. Nguyễn Khải (2002), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
37. Đinh Gia Khánh (chủ biên) (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb GD.
38. Đinh Gia Khánh (1990), “Nho giáo và văn hoá dân gian Việt Nam”, *Tạp chí văn hoá dân gian* (3).
39. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo (2005), *Từ điển Việt Nam văn hoá tín ngưỡng phong tục*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
40. Nguyễn Trọng Khánh (2006), *Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường từ góc độ ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Hồ Văn Khánh (2006), *Tâm hồn - khởi nguồn cuộc sống văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa thông tin.
42. Tôn Phương Lan - Lại Nguyên Ân (1991), *Nguyễn Minh Châu - con người và tác phẩm*, Nxb Hội nhà văn.
43. Thanh Tâm Langlet (1998), “Tâm linh và thơ ca Việt Nam giai đoạn cổ trung đại”, *Tạp chí văn học* (9)
44. Vũ Tự Lập (1994), *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục.
46. Nguyễn Văn Long (2003), *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Văn Long (2012), *Văn học Việt Nam hiện đại, Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
48. Nguyễn Văn Long (chủ biên), (2013), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại, tập 2*, Nxb Đại học sư phạm.
49. Nguyễn Văn Long, Lê Nhâm Thìn (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975 - những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

50. Nguyễn Văn Long, Trịnh Thu Tuyết (đồng chủ biên), (2007), *Nguyễn Minh Châu và công cuộc đổi mới văn học Việt Nam sau 1975*, Nxb ĐHSP Hà Nội.
51. Phương Lưu (chủ biên), Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam... (2004), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Nguyễn Đăng Mạnh (1999), *Muốn viết được bài văn hay*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
53. Nguyễn Đăng Mạnh (2003), *Nhà văn Việt Nam hiện đại - Chân dung và phong cách*, Nxb Văn học, Hà Nội.
54. Nguyễn Đăng Mạnh (2006), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
55. Hoàng Châu Minh (2009), *Di cảo Nguyễn Minh Châu*, Nxb Hà Nội.
56. Nguyễn Đăng Na (1997), “Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại-những bước đi lịch sử”, *Tạp chí văn học* (7)
57. Nguyễn Thị Kim Ngân (2014), “Đạo Trời và tín ngưỡng dân gian qua ca dao”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (6).
58. Thao Nguyễn (tuyển chọn) (2013), *Nguyễn Minh Châu - Một giọng văn nhiều trắc ẩn*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
59. Trần Thị Mai Nhân (2008), “Vấn đề tâm linh trong tiểu thuyết thời kì đổi mới” <http://tapchisonghuong.com.vn>, 02/10/2008.
60. N.I.Niculin (2000), “Các tôn giáo cổ truyền và văn học Việt Nam thế kỷ XX”, *Tạp chí Văn học* (11).
61. Hoàng Phê (chủ biên), (1995), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, , NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học.
62. Nguyễn Thị Hải Phương, *Yếu tố tâm linh vô thức trong truyện ngắn Việt Nam hiện đại sau 1975*, Luận văn tốt nghiệp ĐHSP Hà Nội, Phòng tư liệu khoa Văn, KL 527.
63. Nguyễn Hoàng Phương (1995), *Tích hợp đa văn hoá Đông - Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
64. Bùi Tuý Phương, “Quan niệm nghệ thuật về con người qua Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành của Nguyễn Minh Châu”, <http://4phuong.net>.

65. Phạm Ngọc Quang (2008), “Góp phần tìm hiểu khái niệm tâm linh, mối quan hệ của nó với khái niệm phản ánh”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (5).
66. Trần Đình Sử (1993), *Dẫn luận Giáo trình Thi pháp học*, Nxb Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
67. Trần Đình Sử (1993), *Một số vấn đề Thi pháp học hiện đại*, Nxb Giáo dục.
68. Trần Đình Sử (2014), “Văn học và văn hóa tâm linh”, <https://trandinhstu.wordpress.com> , 21/3/2014.
69. Trần Đình Sử, Phan Huy Dũng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh (2004), *Giáo trình Lí luận văn học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
70. Tô Ngọc Thanh (1992), “Vai trò của niềm tin trong đời sống văn hoá dân gian cổ truyền”, Tạp chí văn học (3).
71. Tuấn Thành, Vũ Nguyên tuyển chọn (2007), *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học.
72. Bùi Việt Thắng (2000), *Truyện ngắn - những vấn đề lí thuyết và thực tiễn thể loại*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
73. Bùi Việt Thắng (2014), “Dấu ấn tâm linh trong văn học Việt Nam đương đại qua một số tiểu thuyết”, <http://vannghequandoi.com.vn/> ,02/04/2014.
74. Trần Ngọc Thêm ( 2001), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb GD, TPHCM.
75. Nguyễn Huy Thiệp (2007), *Truyện ngắn*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, TpHCM.
76. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb Giáo dục.
77. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã Hội, Hà Nội.
78. Đỗ Lai Thúy (1999), *Từ cái nhìn văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
79. Đặng Nghiêm Vạn (2014), “Thử bàn về biểu hiện tôn giáo”, <http://www.chungta.com/>, 24/10/2014.
80. Huyền Ý (2012), *Truyện Kiều qua khía cạnh tâm linh*, Nxb Tôn giáo. 81. Lê Thu Yên - Ths. Trần Anh Thư (2012), “Niềm tin tâm linh trong văn học trung đại”, <http://www.hcmup.edu.vn/>, 12/09/2012.
82. Lê Thu Yên (2005), “Thế giới tâm linh trong sáng tác của Nguyễn Du - một biểu hiện của truyền thống văn hoá Việt”, Tạp chí văn học (9).